



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN – TÂY ĐÔ
SAIGON -TAYDO BEER AND BEVERAGE JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ: Lô 22, KCN Trà Nóc 1, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy, TP.Cần Thơ
Address: Lot 22, Tra Noc 1 Industrial Zone, Tra Noc Ward, Binh Thuy District, Can Tho City
Điện thoại/Telephone: 02923.842538 Fax: 02923.842310
Website: <http://www.biasaigontaydo.com.vn>

CHƯƠNG TRÌNH HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
MEETING SCHEDULE OF
THE ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS 2019

Thời gian Time	Nội dung Agenda
8h00 – 8h30	Đón tiếp đại biểu Welcoming delegates Kiểm tra tư cách đại biểu, phát tài liệu họp. <i>Check delegate status, hand out meeting materials.</i>
8h30 – 9h00	Khai mạc đại hội Opening the meeting - Tuyên bố lý do; <i>Declaring reasons;</i> - Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu; <i>Reporting on delegates status checking;</i> - Giới thiệu Đại biểu, Chủ tọa và Đoàn chủ tọa; <i>Introduction of Delegates, Chairman and, and Co-chairman;</i> - Thông qua Quy chế Đại hội; <i>Passing on General meeting's regulations;</i> - Giới thiệu Thư ký Đại hội, bầu Ban kiểm phiếu; <i>Introduction of the Secretary of the General Meeting, selection of Voting Committee;</i> - Thông qua chương trình Đại hội. <i>Agreement on the General meeting's agenda.</i>
9h00 – 9h40	Báo cáo tại Đại hội Reports at the General Meeting - Báo cáo của Tổng Giám Đốc về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và chỉ tiêu kế hoạch năm 2019; <i>Report of the General Director on business results in 2018 and targets for 2019;</i> - Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị; <i>Report on activities of the Board of Directors;</i> - Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm Soát. <i>Report on activities of the Board of Supervision.</i>
9h40 – 10h00	Trình bày các nội dung cần xin ý kiến Đại hội Presentation of the contents that need to be consulted at the General Meeting - Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018; <i>Audited financial statements for 2018;</i> - Tờ trình phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ, chia cổ tức năm 2018; <i>Statement of profit distribution and contingency costs, dividend payment for 2018;</i> - Tờ trình kế hoạch phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ, chia cổ tức năm 2019; <i>Statement of profit distribution plan and contingency costs, dividend payment for 2019;</i>



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN – TÂY ĐÔ
SAIGON -TAYDO BEER AND BEVERAGE JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Lô 22, KCN Trà Nóc 1, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy, TP.Cần Thơ

Address: Lot 22, Tra Noc 1 Industrial Zone, Tra Noc Ward, Binh Thuy District, Can Tho City

Điện thoại/Telephone: 02923.842538 **Fax:** 02923.842310

Website: <http://www.biasaigontaydo.com.vn>

4. Tờ trình kết quả thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản năm 2018;
Statement of results of implementation of basic construction investment in 2018;
5. Tờ trình kế hoạch đầu tư năm 2019
Statement of investment plan for 2019
6. Tờ trình quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2018 và kế hoạch năm 2019;
Statement of remuneration for BOD and Board of Supervision in 2018 and plan for 2019;
7. Tờ trình kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019
Proposal for production and business plan in 2019
8. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2019;
Report on selection of auditing unit in 2019;
9. Nội dung khác (trong trường hợp được ĐHĐCĐ thông qua).
Other content (in case approved by the General Meeting of Shareholders).

10h00 – 10h30 **Đại hội thảo luận, tiến hành biểu quyết**
Discussion, conduct voting

10h30 – 10h50 **Nghỉ giải lao – Kiểm phiếu biểu quyết**
Teak break – Counting the vote

10h50 – 11h00 **Công bố kết quả kiểm phiếu**
Announcing the vote counting results

11h00 – 11h20 **Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**
Approval of Minutes of Meeting and Resolution of the General Meeting of Shareholders

11h20 **Bế mạc Đại hội**
Wrapping up the Meeting

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF BOARD OF DIRECTOR
CHỦ TỊCH
CHAIRMAN

(đã ký)
(signed)

LÊ HỒNG XANH
LE HONG XANH

**DỰ THẢO
DRAFT**

Cần Thơ, ngày 18 tháng 02 năm 2019

Can Tho, February 18, 2019

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CODE OF CONDUCT
THE ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

Căn cứ:

Pursuant to:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
Enterprise Law No. 68/2014 / QH13 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on November 26, 2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/06/2006; Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010 và các văn bản dưới Luật kèm theo;
Pursuant to Securities Law No. 70/2006 / QH11 passed by the National Assembly on June 29, 2006; Law Amending and Supplementing a Number of Articles of the Securities Law No. 62/2010 / QH12 passed by the National Assembly on November 24, 2010 and attached documents under the Law;
- Điều lệ Công ty CP Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô.
Charter of Saigon –Tay Do Beer And Beverage Joint Stock Company.

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty CP Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội như sau:

In order to ensure that the 2018 Annual General Meeting of Shareholders of Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company organizes successfully, the Board of Directors develop regulations, code of conduct, voting in the General Meeting as follows:

Điều 1. Mục đích

Article 1. Purposes

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên của Công ty CP Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.

Ensuring the order and principles of conduct and voting at the Annual General Meeting of Shareholders of Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company that shall be implemented accordingly and successfully.

Ensuring the order and principles of conduct and voting at the Annual General Meeting of Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company took place properly and successfully.

- Các nghị quyết của ĐHĐCĐ thể hiện ý chí thống nhất của ĐHĐCĐ, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

Resolutions of the General Meeting of Shareholders show the unified will of the General Meeting of Shareholders, meeting the aspirations of shareholders' rights and comply with the law.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi

Article 2. Attendants and scope

- **Đối tượng:** Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) và khách mời tham dự ĐHĐCĐ thường niên Công ty CP Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.

Attendants: *All shareholders, representatives (authorized persons) and guests attending the Annual General Meeting of Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company must abide by and comply with the provisions of this Regulation, Company Charter and current regulations of law*

- **Phạm vi áp dụng:** Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 của Công ty CP Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô.

Scope of application: *This Regulation is used for organizing the 2019 Annual General Meeting of Shareholders of Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company.*

Điều 3. Giải thích thuật ngữ/từ viết tắt

Article 3. Explanation of the terms/abbreviations

- Công ty : Công ty CP Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô

Company : Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company

- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BOD : Board of Directors*
- BTC : Ban tổ chức Đại hội
- OC : Organizing Committee of the General Meeting*
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- GMOS : General Meeting of Shareholders*
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (*người được ủy quyền*)
- Attendants : Shareholders, representatives (authorized persons)*

Điều 4. Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ

Article 4. Conditions for conducting the General Meeting of Shareholders (GMOS)

- ĐHĐCĐ Công ty được tiến hành khi có số đại biểu tham dự đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

GMOS is conducted when the number of representatives representing at least 51% of the total voting shares

- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. ĐHĐCĐ phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

In case of not having enough necessary attendants within thirty (30) minutes from the time of fixing the opening of the meeting, the convenor of the meeting shall cancel the meeting. GMOS must be reconvened within thirty (30) days from the intended date of the first GMOS. Re-convened GMOS shall be conducted only when the attending members are shareholders and authorized representatives representing at least 33% of the voting shares.

- Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng

cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại ĐHĐCĐ lần thứ nhất.

In case the second meeting cannot be conducted because there is not enough necessary delegates within thirty (30) minutes from the time of opening the meeting, the third GMOS may be convened in within twenty (20) days from the intended date of the second meeting and in this case the meeting shall be conducted regardless of the number of shareholders or authorized representatives attending and shall be considered valid and reserves the right to decide on all issues expected to be approved at the first GMOS.

Điều 5. Đại biểu tham gia ĐHĐCĐ thường niên năm 2019

Article 5. Attendants participate in Annual GMOS 2019

- Các cổ đông của Công ty theo danh sách chốt ngày 12/03/2019 đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

The shareholders of the Company according to the list closed on March 12, 2019 are entitled to attend the GMOS; can attend directly or authorize his representative to attend. In case there are more than one authorized representative as prescribed by law, the specific number of shares and the number of votes of each representative must be specified.

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh (nếu có), giấy tờ tùy thân, v.v... theo yêu cầu của BTC.

Punctual, polite and formal attire, complying with security checks (if any), identification documents, etc., as requested by OC.

- Nhận hồ sơ tài liệu, giấy tờ phục vụ Đại hội tại bộ phận đón tiếp trước hội trường Đại hội.
Receive documents and profiles for the Meeting at the reception unit before the opening
- Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi đại biểu đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

Late shareholders have the right to register immediately and then have the right to participate and vote at the meeting. The chairperson is not responsible for stopping the meeting for late shareholders to register for participation; The results of voting on issues that have been voted on before such attendant attending will not be affected.

- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại.

Leave cell phones in vibration mode or turn off; go outside to talk when necessary

- Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền tham dự Đại hội cho người thứ ba tham dự Đại hội, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

The person authorized to attend the meeting must not authorize the third party to attend the General Meeting, except for the case specified at Point b, Clause 2, Article 16 of the Organization's Regulation and Company's Charter.

- Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.

Smoking is not allowed in the venue of General meeting.

- Tuân thủ các quy định của Ban tổ chức, của Chủ tọa điều hành Đại hội.

Comply with the regulations of the Organizing Committee and Executive Chairman of the Meeting.

- Trường hợp có đại biểu không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

In case of attendant who fail to comply with the above inspection regulations or measures, the Chairperson after careful consideration, may refuse or expel the such attendant out of Meeting venue to ensure the Meeting takes place normally according to the plan.

Điều 6. Khách mời tại Đại hội

Article 6. Guests at the General Meeting of Shareholders

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.

As managers of the Company, invited guests, members of the OC are not shareholders of the Company but are invited to attend the Meeting.

- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

Guests are not invited to speak at the General Meeting (unless invited by the Chairman of the General Meeting, or have registered in advance with the OC and agreed by the Chairman of the Meeting)

Điều 7. Chủ tọa và Đoàn chủ tọa

Article 7. Chairman and Presiding Team

- Đoàn Chủ tọa gồm 01 người, chủ tịch HĐQT là Chủ tọa ĐHĐCĐ. Chủ tọa điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình mà HĐQT đã dự kiến thông qua trước Đại hội.

The Presiding Team consists of 01 person, the Chairman of the Board is the Chairman of the General Meeting of Shareholders. The Chairman manages the Meeting's work according to the contents and programs that the Board has expected to approve before the General Meeting.

- Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên HĐQT có chức vụ cao nhất điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

If the Chairman is absent or temporarily unable to work, the remaining members elect one of them to chair the meeting. In the absence of a person, he/she may be the chairperson, the member of the Board of Directors has the highest position to control the General Meeting of Shareholders to elect the chairman of the meeting among the attendees and the person with the highest votes shall chair the meeting.

- Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:

The mission of the Presiding Team:

- a. Điều hành các hoạt động của ĐHĐCĐ Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được ĐHĐCĐ thông qua;

Operating the activities of the General Meeting of Shareholders according to the proposed program of the Board approved by the General Meeting of Shareholders;

- b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;

Instruct attendants and General Meeting to discuss the contents of the agenda;

- c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;

Submit the draft, conclude the necessary issues for the General Meeting to vote;

- d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;

Responding to issues requested by the General Meeting;

- e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

Solve problems arising during the General Meeting.

- Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa: Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

Working principle of the Presiding Team: The Presiding Team works on the principle of collective, democratic centralism, majority decision.

Điều 8. Ban Thư ký Đại hội:

Article 8. General Meeting Secretariat:

1. Ban thư ký của Đại hội do Chủ tọa chỉ định, chịu trách nhiệm trước Chủ tọa, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình.

The Secretariat of the General Meeting shall be appointed by the Chairman, responsible to the Chairman and the General Meeting of Shareholders.

2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký:

Tasks of the Secretariat:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
Record fully and honestly the contents of the General Meeting;
 - Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu;
Receive registration form of the attendant's speeches;
 - Lập biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ;
Prepares meeting minutes and draft Resolution of the General Meeting of Shareholders;
 - Hỗ trợ Chủ tọa và người được ủy quyền CBTT; công bố thông tin liên quan đến cuộc họp ĐHĐCĐ và thông báo đến các cổ đông theo đúng quy định pháp luật và điều lệ Công ty;
Support Chairman and authorized person for information disclosure; Disclosure of information related to the General Meeting of Shareholders and notification to shareholders in accordance with the law and the Company's Charter;
3. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển ĐHĐCĐ một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

The chairman of the meeting or Secretary of the meeting may conduct the necessary activities to control the GMOS in a valid and orderly manner or for the meeting to reflect the wishes of the majority of attendants.

Điều 9. Ban kiểm tra tư cách đại biểu

Article 9. Committee of the attendant's status checking

1. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình.

This Committee includes 03 persons, including 01 Head of the Committee and 02 members, responsible to the Presiding Team and the General Meeting of Shareholders on their duties

2. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu

Duties of this Committee

- Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.

Checking the status and situation of shareholders and shareholders' representatives attending the meeting.

- Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với ĐHĐCĐ tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông có quyền dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp ĐHĐCĐ Công ty được tổ chức tiến hành.

The Head of the Committee to report to the General Meeting of Shareholders of the situation of attending shareholders. If the meeting has a sufficient number of shareholders attend the meeting representing at least 51% of the shares with voting rights, the General Meeting of Shareholders shall be conducted.

Điều 10. Ban kiểm phiếu

Article 10. Vote counting committee

1. Ban kiểm phiếu do Chủ tọa giới thiệu gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên để Đại hội thông qua biểu quyết bằng cách giơ thẻ biểu quyết.

This Committee which is introduced by Chairman includes 03 persons, including Head of the Committee and 02 members voted by General meeting by raising voting cards.

2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

Tasks of the vote counting committee:

- Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ khi thực hiện nhiệm vụ của mình.

The vote counting committee must prepare a vote counting minutes and be responsible before the Presiding Team and the General Meeting of Shareholders when performing their duties.

- Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại hội;

Determine exactly the voting results on each issue of voting at the General Meeting;

- Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;
Quickly announce voting results to the secretary;
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết;
Review and report to the General Meeting of violations of the voting rules or complaints about voting results;

Điều 11. Phát biểu tại Đại hội

Article 11. Speaking at the Meeting

- Đại biểu tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội. Đại biểu phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phối hợp với nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua hoặc gửi ý kiến bằng văn bản cho Thư ký Đại hội tổng hợp báo cáo Chủ tọa.
The meeting's attendants who want to speak out their opinions must get the consent of the Chairman of the Meeting. The speeches should be short and be focused on the right content that needs to be discussed, coordinated with the content of the program approved by the Meeting or send comments in writing to the Secretary of the General Meeting to summarize the report then proposes to the Chairman.
- Chủ tọa Đại hội sắp xếp cho Đại biểu phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông tại Đại hội theo ghi nhận trả lời sau bằng văn bản.
The Chairman of the Meeting arranges for the Attendants who want to speak in the order of registration and at the same time answer questions of shareholders at the General Meeting according to the following written reply.

Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề Đại hội

Article 12. Passing the issues at the Meeting

1. Nguyên tắc:
Principles:
- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai.

All issues in the program and content of the meeting of the General Meeting must be discussed and voted publicly by the General Meeting of Shareholders.

- Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCĐ). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết. Trên Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

Voting cards and voting forms are printed and stamped by the Company and sent directly to attendants at the meeting (enclosed with the set of documents of the General Meeting of Shareholders). Each attendant is granted voting card and voting forms. On the voting card and the voting forms shall have attendant number, the full name, number of shares owned and authorized to vote by that attendant.

- Hình thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 như sau:
- *Passing the issues by voting at the Annual General Meeting of 2019 is as follows:*
 - o Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; Quy chế đề cử; ứng cử, bầu cử HĐQT, BKS; Thành phần Ban kiểm phiếu; thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có);

Voting by raising the voting card. This type is used to pass issues such as: Meeting agenda; Working regulations at the Meeting; Nomination Regulation; Candidacy, election of the Board of Directors and the Board of Supervision; Member of Vote counting Committee; Approval of the Meeting Minutes, Meeting Resolution and other contents at the Meeting (if any).

- o Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề: Báo cáo hoạt động của HĐQT; Báo cáo hoạt động của Ban Tổng Giám đốc; Báo cáo hoạt động của BKS; Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018; và biểu quyết thông qua nội dung các Tờ trình tại Đại hội.

Voting by filling in the voting form: this type is used to pass the issues: Report on the operation of the Board of Directors; Report on activities of the Board of Executive Officers; Report on the activities of the Board of Supervision; Audited financial statements for 2018; and approve the contents of the Proposals at the Meeting

2. Cách thức biểu quyết:

Voting method:

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

The attendant performs the voting for Approval, Disapproval or No Opinion on an issue to be voted on at the General Meeting by raising up the voting card or filling out the selected options on the voting form corresponding to the contents need to be resolved according to the provisions of Clause 1 of this Article

- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.

When voting in the form of raising the voting card, the right side of the voting card must be raised towards the Presiding Team. If the attendants do not raise the voting card in all three votes of Approval, Disapproval or No Opinion of an issue, it is considered as a vote to approve that issue. In case an attendant holds a voting card more than one (01) times when voting for an Approval, Disapproval or No Opinion of an issue is considered an invalid vote. In the form of raising voting card, Members of Committee of the attendant's status checking / The vote counting committee marked the representative code and the corresponding number of votes of each shareholder for the Approval, Disapproval or No Opinion and Invalid votes.

- Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, Đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng

phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

When voting by filling in the voting form, for each content, the attendant select one of three options “Approval”, “Disapproval”, “No Opinion” available in the voting card by marking “X” hoặc “✓” boxes. After completing all the content of voting of the General Meeting, the attendant put the form into the ballot box which was sealed at the General Meeting according to the guidance of the vote counting committee. The voting form must be signed and clearly marked with the full name of the attendant

3. Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết:

The vailidity of the voting form:

- Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.

Valid voting forms are printed form issued by the OC, not erased, scraped, torn, ragged, etc., no other content is required other than regulations for this form and must be signed and under the signature must have the full name of the attendee handwritten.

- Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết. Nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình) không hợp lệ là nội dung không đúng theo các quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.

On the voting forms, the content of the vote (reports, proposals) is valid when the attendant mars one (01) in three (03) of the checked-box. Invalid content is the content (reports, proposals) that is not in accordance with the provisions of the valid voting content.

- Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

Invalid voting form:

- Ghi thêm nội dung khác vào Phiếu biểu quyết;

Add other content to the voting forms;

- Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty, hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

Voting forms do not follow pre-printed forms issued by the OC, voting forms without red stamp of the Company, or have been erased, edited or written with contents other than those prescribed for such voting forms, then all contents on voting forms are invalid.

4. Thẻ lệ biểu quyết:

Voting rules:

- Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết.
Every 01 (one) share is equal to one voting right. Each participant representing one or more voting rights will be granted voting card and voting form.
- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 12/03/2019) tổng số cổ phần của Công ty là: 20.000.000 cổ phần tương đương với 20.000.000 quyền biểu quyết.

At the closing date of the list of shareholders (March 12, 2019), the total number of shares of the Company is: 20,000,000 shares equivalent to 20,000,000 voting rights

- Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi đạt được tỷ lệ biểu quyết đồng ý của ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 1 Điều 21 Điều lệ Công ty và Khoản 1 Điều 144 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 thì phải có sự đồng ý ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Issues to be voted on at the General Meeting shall only be passed when the voting rate of at least 51% of the voting shares is attended. Particularly some cases of voting issues are stipulated in Clause 1, Article 21 of the Company Charter and Clause 21, Article 144 of Enterprise Law No. 68/2014/QH13 must have the consent of at least 65% of the shares with voting rights.

- Lưu ý, cổ đông/đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/đại diện ủy quyền chiếm từ 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo Khoản 3, Điều 162, Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13).

Provide information to shareholders that shareholders/authorized representatives of related interests do not have the right to vote on contracts and transactions valued at 35% (total value of assets recorded in the latest financial statements; These contracts or

transactions are only approved when having number of shareholders/authorized representatives accounts for 65% of the total votes remaining (according to Item 3, Article 162, Enterprise Law No. 68/2014 / QH13).

5. Ghi nhận kết quả biểu quyết

Record the voting results

- Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ thu phiếu biểu quyết.

The vote counting committee is responsible for collecting votes.

- Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

The Voting Committee will check the number of votes for Approval, Disapproval or No Opinion of each content and be responsible for recording and reporting the results of vote counting at the GMOS.

Điều 13. Biên bản, Nghị Quyết họp ĐHĐCĐ

Article 13. Minutes, Resolution of the GMOS

Biên bản họp, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội

Minutes and Resolution of of the General Meeting of Shareholders must be read and approved before the closing of the Meeting.

Điều 14. Thi hành Quy chế

Article 14. Implementation of the Regulation

Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của ĐHĐCĐ. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Shareholders, authorized representatives and guests attending the meeting must strictly abide by the working regulations of the General Meeting of Shareholders. Shareholders, authorized representatives and guests who violate this Regulation shall, depending on the specific extent, the Presiding Team will consider and take the form of handling according to the Company Charter and the Enterprise Law.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN – TÂY ĐÔ
SAIGON –TAY DO BEER AND BEVERAGE JOINT STOCK COMPANY**

Địa chỉ: Lô 22, KCN Trà Nóc 1, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy, TP.Cần Thơ

Address: Lot 22, Tra Noc 1 Industrial Zone, Tra Noc Ward, Binh Thuy District, Can Tho City

Điện thoại/ Telephone: 02923. 842538 **Fax:** 02923. 842310

Website: <http://www.biasaigontaydo.com.vn>

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ Công ty biểu quyết thông qua.

This Regulation takes effect immediately after being approved by the General Meeting of Shareholders.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF BOARD OF DIRECTORS**

Nơi nhận:

Recipients:

- Như trên (As above);
- HĐQT, BKS, TGD (Board of Directors,
Board of Supervision, General Director);
- Thư ký công ty (Company secretary);
- Lưu (Archive).

CHỦ TỊCH

CHAIRMAN

LÊ HỒNG XANH

LE HONG XANH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2019
Ho Chi Minh City, February 18, 2019

BÁO CÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH 2018 & CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH 2019
REPORT
BUSINESS RESULTS IN 2018 AND TARGETS FOR 2019

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Respectfully addressed to: GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CHUNG:

GENERAL SITUATION EVALUATION:

1. Khó khăn (Difficulties):

- Năm 2018 là năm còn tồn tại nhiều khó khăn thách thức của nền kinh tế; Tiến trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, nhiều thương hiệu bia ngoại đã có mặt tại Việt Nam, thị trường tiêu thụ bia đang có sự cạnh tranh khốc liệt từ các đối thủ. Giá điện, nước và một số vật tư, nguyên liệu, hóa chất biến động theo chiều hướng tăng, ảnh hưởng đến chi phí sản xuất.

2018 is a year with many difficulties and challenges for the economy; the process of international integration is getting deeper, many foreign beer brands have been present in Vietnam, the beer consumption market is facing fierce competition from rivals. Prices of electricity, water and some materials, supplies and chemicals fluctuate in an upward direction, affecting production costs.

- Các nhà máy trong hệ thống Bia Sài Gòn khu vực Miền Tây được tiếp tục xây dựng mới hoặc đầu tư nâng công suất, dẫn đến năng lực sản xuất khu vực đã vượt nhu cầu, ảnh hưởng đến thị phần tiêu thụ của Công ty.

The factories in Sai Gon Beer system in the Western area will continue to build or invest in increasing capacity, leading to the regional production capacity has exceeded demand, affecting the market share of the Company.

- Sản lượng bia được giao đầu năm 2018 thấp hơn sản lượng thực hiện 2017. Trong đó cơ cấu sản phẩm sản xuất giao không phù hợp với công suất thực tế (dây chuyền chiết chai chạy tối đa 30 triệu lít/năm lại giao KH 39,5 triệu lít).

Beer output delivered in early 2018 is lower than 2017. In which, the structure of delivered products is not suitable with actual capacity (bottle extraction line runs at a maximum of 30 million liters/year but deliver 39.5 million liters to the clients).

- Giá nguyên liệu, vật tư chính như malt, hublon, gạo, lon... đều tăng so cùng kỳ. Việc điều chỉnh giá mua bia của Tổng công ty chưa đồng bộ với việc tăng thuế TTĐB (khi tăng giá bán tại các công ty thương mại) nên lợi nhuận trên đầu lít giảm 35-40 % so với năm 2017.

Prices of main materials and supplies such as malt, houblon, rice, cans, etc. increase over the same period. The adjustment of the beer purchase price of the Corporation is not in line with the increase in Special Consumption Tax (when increasing the selling price at commercial companies), so the profit per liter decreased by 35-40% compared to 2017.

2. Thuận lợi (Advantages):

- Được sự quan tâm hỗ trợ của Ban Lãnh đạo và các Phòng, Ban nghiệp vụ của Tổng Công ty; Công ty TNHH 1TV Thương mại Bia Sài Gòn, đơn vị vận tải và các Công ty, Chi nhánh Thương mại khu vực.

Receive the support of the Board of Directors and the Departments and divisions of the Corporation; Saigon Beer Trading One Member Company Limited, transport unit and regional Branches; Subsidiaries.

- Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành luôn bám sát tình hình SX-KD, có những chỉ đạo và giải pháp kịp thời để Công ty giải quyết những khó khăn trong quá trình thực hiện kế hoạch.

Board of Directors, Board of Supervision, Executive Board always closely follow the situation of production and business, have direct and timely solutions for the Company to solve difficulties in the implementation of the plan.

- Tập thể CB.CNV có nhiều nỗ lực cố gắng, tuân thủ tốt các nội quy, quy chế của Công ty. Tiền lương, thu nhập và các chế độ đãi ngộ cho người lao động được duy trì tương đối ổn định.

Managers and employees showing great efforts and comply well with the rules and regulations of the Company. Wages, incomes and remuneration for employees are maintained relatively stable.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2018:

PERFORMANCE RESULTS OF 2018:

1. Các chỉ tiêu cơ bản:

Basic criteria:

STT (Sr.)	CHỈ TIÊU (CRITERIA)	ĐVT (Unit)	THỰC HIỆN (PERFORMANCE) 2017	KẾ HOẠCH (PLAN) 2018	THỰC HIỆN (PERFORMANCE) 2018	TỶ LỆ TH 2018/ TH 2017 (PER. RATIO 2018/ 2017) (%)	TỶ LỆ TH/KH 2018 (PER. /PLAN 2018) (%)
A	B	C	1	2	3	4=3/1	5=3/2
1	Sản lượng sản xuất bia: <i>Production volume of beer:</i>	Lít <i>Liter</i>	63.405.191	61.428.000	54.126.629	85,37	88,11
	Bia lon 333 <i>333 can</i>	Lít <i>Liter</i>	2.664.328	7.370.000	4.958.173	186,09	67,28
	Bia lon 333 XK <i>Exported 333 can</i>	Lít <i>Liter</i>	9.504	-	23.760	250,00	-
	Bia lon Lager <i>Lager can</i>	Lít <i>Liter</i>	32.746.594	14.390.000	22.115.230	110,23	153,68
	Bia chai 355 <i>355 bottle</i>	Lít <i>Liter</i>	27.918.052	39.668.000	27.029.466	96,82	68,14
	Bia chai 333 <i>333 bottle</i>	Lít <i>Liter</i>	66.713	-	-	-	-

STT (Sr.)	CHỈ TIÊU (CRITERIA)	ĐVT (Unit)	THỰC HIỆN (PERFORMANCE) 2017	KẾ HOẠCH (PLAN) 2018	THỰC HIỆN (PERFORMANCE) 2018	TỶ LỆ TH 2018/ TH 2017 (PER. RATIO 2018/ 2017) (%)	TỶ LỆ TH/KH 2018 (PER. /PLAN 2018) (%)
	Sản xuất nước uống đóng chai <i>Production of bottled water</i>	Lít <i>Liter</i>	3.269.871	3.500.380	3.923.649	120,00	112,09
2	Sản lượng tiêu thụ bia: <i>Beer consumption:</i>	Lít <i>Liter</i>	64.557.341	61.428.000	53.870.253	83,45	87,70
	Bia lon 333 <i>333 can</i>	Lít <i>Liter</i>	2.880.235	7.370.000	5.097.209	177,56	69,16
	Bia lon 333 XK <i>Exported 333 can</i>	Lít <i>Liter</i>	9.504	-	23.760	250,00	-
	Bia lon Lager <i>Lager can</i>	Lít <i>Liter</i>	33.328.865	14.390.000	22.093.648	111,96	153,53
	Bia chai 355 <i>355 bottle</i>	Lít <i>Liter</i>	28.249.835	39.668.000	26.655.637	94,36	67,20
	Bia chai 333 <i>333 bottle</i>	Lít <i>Liter</i>	98.406	-	-	-	-
	Tiêu thụ nước uống đóng chai <i>Consumption of bottled water</i>	Lít <i>Liter</i>	3.354.243	3.500.380	3.993.811	119,07	114,10
3	Tổng doanh thu <i>Total revenue</i>	Đồng <i>Dong</i>	909.168.403.366	925.783.872.000	880.348.276.789	96,83	95,09
4	Doanh thu thuần <i>Net revenue</i>	Đồng <i>Dong</i>	551.896.637.321	474.889.577.000	459.038.963.381	83,17	96,66
5	Tổng chi phí <i>Total cost</i>	Đồng <i>Dong</i>	483.525.426.877	436.830.895.000	418.902.621.989	86,64	95,90
6	Tổng lợi nhuận trước thuế <i>Total profit before tax</i>	Đồng <i>Dong</i>	78.976.989.675	41.259.390.000	47.017.800.676	59,53	113,96
7	Thuế thu nhập DN <i>Corporate income tax</i>	Đồng <i>Dong</i>	10.539.165.115	7.375.974.000	7.052.980.923	66,92	95,62
8	Lợi nhuận sau thuế <i>Profit after tax</i>	Đồng <i>Dong</i>	68.437.824.561	33.883.416.000	39.964.819.753	58,40	117,95
9	Tỷ suất LNST /VĐL <i>Rate of profit after tax/chartered capital</i>	%	34,22	16,94	19,98	58,40	117,95
10	Tỷ suất LNST /DT thuần <i>Rate of net profit after tax/ net income</i>	%	12,40	7,14	8,71	70,21	122,02

STT (Sr.)	CHỈ TIÊU (CRITERIA)	ĐVT (Unit)	THỰC HIỆN (PERFORMANCE) 2017	KẾ HOẠCH (PLAN) 2018	THỰC HIỆN (PERFORMANCE) 2018	TỶ LỆ TH 2018/ TH 2017 (PER. RATIO 2018/ 2017) (%)	TỶ LỆ TH/KH 2018 (PER. /PLAN 2018) (%)
11	Nộp ngân sách <i>State budget contribution</i>	Đồng <i>Dong</i>	400.790.885.395	547.327.877.400	479.089.086.155	119,54	87,53
12	Tỷ lệ chia cổ tức <i>Dividend rate</i>	%	35	15	15	42,86	100,00
13	Lao động bình quân <i>Average number of labor</i>	Người <i>Person</i>	141	150	133	94,32	88,66
14	Tiền lương bình quân <i>Average salary</i>	Đồng/ người/ Tháng <i>Dong/ person/ month</i>	9.860.000	11.000.000	13.341.918	135,31	121,29

2. Đánh giá, phân tích kết quả SXKD:

Evaluation and analysis of business results:

2.1. Về sản lượng giao hàng bia:

About beer delivery output:

- Sản phẩm bia tiêu thụ năm 2018 chỉ đạt 53,8 triệu lít, đạt 87,7 % KH giao; 83,4 % so với TH 2017. Riêng sản phẩm bia lon Lager đạt 153,5 % KH, còn lại 2 sản phẩm 333 lon và bai chai 355 chỉ đạt lần lượt 69 và 67 %.

Beer products consumed in 2018 only reached 53.8 million liters, reaching 87.7% of the plan assigned; 83.4% compared to 2017. Lager canned beer only achieved 153.5% of the plan, the remaining 2 products of 333 can and 355 bottle only reached 69 and 67% respectively.

- Nguyên nhân do việc giao chỉ tiêu sản lượng chưa phù hợp; các chi nhánh thương mại và các đơn vị vận tải không nhận đủ hàng theo thông báo lệnh.

The reason is that the allocation of output targets is not appropriate; Commercial branches and transport units do not receive enough goods according to the orders.

2.2. Về chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận:

Revenue and profit:

- Tổng doanh thu đạt trên 880 tỷ đồng, đạt 95,09 % KH giao.

Total revenue reached over VND 880 billion, equal to 95.09% of the plan.

- Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 47 tỷ đồng, bằng 113,96 % KH.

Total profit before tax reached VND 47 billion, equal to 113.96% of the plan.

- Tổng lợi nhuận sau thuế đạt gần 40 tỷ đồng, bằng 117,95 % KH.

Total after-tax profit reached nearly VND 40 billion, equal to 117.95% of the plan.

3. Công tác điều hành sản xuất; quản lý kỹ thuật, định mức, bảo dưỡng sửa chữa máy móc thiết bị:

Production; Technical management, norms, maintenance and repair of machinery and equipment:

- Công tác điều hành sản xuất linh hoạt; phối hợp chặt chẽ với các phòng ban Tổng công ty; với bộ phận giao nhận của Công ty TM 1TV, đơn vị vận tải và các chi nhánh tiêu thụ, để kịp thời tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình sản xuất và giao nhận sản phẩm.

Flexible production management; coordinate closely with departments of the Corporation; with delivery department of One Member Trading Company, transport unit and consumption branches, to promptly remove problems in the production and delivery process of products.

- Công tác kiểm soát chất lượng được thực hiện theo quy định của Ban Kỹ thuật Tổng Công ty. Việc quản lý và thực hiện định mức KTKT trong năm 2018 cơ bản đạt yêu cầu, tuy nhiên còn một vài định mức vượt do cả nguyên nhân chủ quan và khách quan.

Quality control is carried out in accordance with the technical regulations of the Corporation. The management and implementation of economic and technical norms in 2018 are basically satisfactory, but there are still some norms exceeding due to both subjective and objective reasons.

- Thực hiện đúng quy chế cạnh tranh về giá đối với những vật tư, nguyên liệu do Công ty tự cung ứng, giá cả hợp lý. Thực hiện định mức tồn kho nguyên liệu, vật tư phù hợp, đảm bảo hợp lý việc tồn kho, đồng thời khắc phục tình trạng thiếu hụt nguyên liệu, vật tư cho sản xuất.

Strictly comply with the price competition regulations for supplies and materials supplied by the Company at reasonable prices. Implementing appropriate inventory of raw materials and supplies, ensuring reasonable inventory, and overcoming the shortage of raw materials and supplies for production.

- Công tác bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị thực hiện đúng lịch xịch, dự trù phụ tùng đảm bảo phục vụ sản xuất, giảm tối đa thời gian ngừng máy do khắc phục sự cố.

The maintenance and repair of machinery and equipment comply with the schedule, estimating spare parts to ensure production service, minimizing downtime due to troubleshooting.

- Lập tổ chuyên trách về tiêu thụ, phối hợp chặt chẽ với các bộ phận giao nhận của Công ty TM 1TV, đơn vị vận tải và các chi nhánh tiêu thụ, để kịp thời tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình xuất nhập hàng hóa, thành phẩm.

Setting up a specialized group on consumption, closely coordinating with the forwarding department of One Member Trading Company, transport unit and consumption branches, to promptly remove obstacles in the process of import and export of finished products.

- Thực hiện đúng quy định về quản lý tài sản, mua đầy đủ các loại bảo hiểm theo quy định cho toàn bộ tài sản của công ty.

Strictly comply with regulations on asset management, purchase all types of insurance as required for the entire assets of the company.

4. Công tác đầu tư 2018:

Investment activities in 2018:

Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018 và các quyết định đầu tư bổ sung của HĐQT trong năm như sau:

The implementation of investment plans in accordance with the Resolution of the General Meeting of Shareholders in 2018 and the additional investment decisions of the Board in the following year:

(ĐVT: VNĐ)
(Unit: VND)

STT (Sr.)	Danh mục đầu tư (Investment items)	Giá trị đầu tư (Investment value)	Tiến độ thực hiện (Progress)
Dự án chuyển tiếp 2017 (Transition projects from 2017):			
1	Máy soi chai rỗng (EBI) cho d/c chiết 16.500 chai/h <i>Empty Bottle Inspection line (EBI) for 16,500 bottles /h</i>	4.776.323.100	Đã đưa vào sản xuất <i>Has been put into use</i>
2	Hợp đồng dịch vụ lắp đặt, đào tạo vận hành máy soi chai rỗng <i>Contract for the installation, training for the operation of EBI</i>	423.000.000	Đã đưa vào sản xuất <i>Has been put into use</i>
3	- Đầu tư mới 3 tank bia trong 10.000 hl. <i>Newly investment of three beer tanks in 10,000 hl.</i> - Tank chứa bia đầu, cuối đầu, cuối cuối hệ lọc bia. <i>Tank for the first beer extraction, and last exaction of beer filtering system.</i> - Thay áo hơi đáy nồi mal, gạo. <i>Replacement of steam bag of malt, rice boiler.</i>	10.109.000.000	Đã ký hợp đồng, đang thực hiện lắp đặt <i>Has been signed contract, being installed</i>
4	Thiết bị phân tích O ₂ , CO ₂ ,...trong bia (TPO) <i>Equipment for analyzing O2, CO2, etc. in beer (TPO)</i>	493.350.000	Đã đưa vào SD <i>Has been put into use</i>
5	Mua 01 xe tải, tải trọng 15 tấn <i>Buy 01 truck, load of 15 tons</i>	1.671.000.000	Đã đưa vào SD <i>Has been put into use</i>
	Cộng giá trị phần dự án chuyển tiếp 2017 Total:	17.472.673.100	
Dự án đầu tư mới 2018 (Newly investment projects 2018):			
6	Nâng công suất máy chiết chai lên 18.000 chai/h <i>Increasing capacity of bottle extraction machine to 18,000 bottles / h</i>	282.150.000	Đã đưa vào sản xuất <i>Has been put into use</i>
7	Mua đầu dò độ dẫn điện hệ CIP tank, Thiết bị phân tích O ₂ <i>Buying CIP tank conductivity probe, O2 analyzer</i>	311.896.200	Đã đưa vào sản xuất <i>Has been put into use</i>
8	Mua kết, vỏ chai 355 phục vụ SXKD <i>Buying bottles holder, 355 bottles for production</i>	1.340.000.000	Đã đưa vào SD <i>Has been put into use</i>
9	Đầu tư 2 bộ trao đổi nhiệt và phụ kiện gia nhiệt nước 60°C cấp cho 2 máy thanh trùng chai, lon <i>Investing in 2 heat exchangers and 60°C water heating accessories for 2 bottle, can sterilizers</i>	1.000.000.000	Đã mua vật tư, thiết bị, Công ty đang tự lắp đặt <i>Purchased materials and equipment, the Company is installing by itself</i>
10	Đại tu máy nén khí ZT55 <i>Major maintenance of ZT55 air compressor</i>	600.000.000	Đang chào giá <i>In bidding</i>
11	Trung tu hệ thống lạnh trung tâm <i>Maintenance of central refrigeration system</i>	500.000.000	Chưa thực hiện <i>Not implemented</i>
12	Thay mái tole nhà nấu, xưởng Động lực; Thay mái tole sáng, sơn Epoxy đáy tank lên men	354.283.730	Đã thay thế và đưa vào SD

STT (Sr.)	Danh mục đầu tư (Investment items)	Giá trị đầu tư (Investment value)	Tiến độ thực hiện (Progress)
	<i>Changing the stainless steel roof of cooker, epoxy painting on the bottom of fermentation tank</i>		<i>Has been replaced and put into use</i>
13	Mua mới màn hình điều khiển máy chiết lon <i>Buying new controlling monitor of the can extraction line</i>	978.598.897	Đã ký HĐ, ứng 30% <i>Has been signed contract, advance payment of 30%</i>
14	Mua mới bơm tuần hoàn nồi đun sôi hoa 1 <i>Buying new circulating pump of boil pot 1</i>	272.800.000	Đã đưa vào SD <i>Has been put into use</i>
15	Thi công móng đỡ 3 tank chứa, 2 tank đuôi đầu đuôi cuối; sơn sửa, cải tạo các phòng ban <i>Construction of foundation for 03 storage tanks, 02 tank for first beer extraction, and last exaction, painting, renovating of departments</i>	393.535.492	Đã đưa vào SD <i>Has been put into use</i>
16	Đầu tư mới hệ van lấy mẫu vi sinh Aseptic <i>Newly investment of Aseptic microbial sampling valve system</i>	847.000.000	Đã ký HĐ, ứng 30% <i>Has been signed contract, advance payment of 30%</i>
17	Mua mới 05 bộ con lăn cán nắp F506 để sử dụng lon, nắp mỏng <i>Buying 05 rollers F506 for can, thin cap</i>	424.600.000	Đã ký HĐ với Mesab <i>Has been signed contract with Mesab</i>
18	Mua thiết bị phủ bóng chai bia <i>Buying equipment for polishing the outside of the beer bottles</i>	165.000.000	Đã đưa vào SD <i>Has been put into use</i>
	Cộng giá trị phần dự án đầu tư mới 2018 Total:	7.469864.319	
TỔNG CỘNG TOTAL:		24.942.537.419	

5. Công tác quản lý tài chính:

Financial management:

- Hiện tại công ty không còn các khoản vay trung dài hạn.
Currently, the company no longer has medium and long-term loans.
- Thực hiện quản lý dòng tiền hợp lý. Đối với khoản vay ngắn hạn: Chỉ vay trong khoảng 10-15 ngày sau thời điểm nộp thuế. Tận dụng dòng tiền nhàn rỗi để khai thác khoản tiền gửi với số lãi chênh lệch gần 3,3 tỷ đồng.
Implementation of reasonable cash flow management. For short-term loans: Only borrow for 10-15 days after the date of tax payment. Take the advantage of unemployed fund for gaining the bank interest rate of nearly VND 3.3 billion.

6. Các mặt công tác khác:

Other business aspects:

- Rà soát cơ cấu tổ chức, định biên lao động phù hợp với tình hình thực tế. Tích cực đào tạo, tuyển dụng, đề bạt nhân sự quản lý, quy hoạch nguồn cán bộ dự phòng.
Review the organizational structure and labor margin in accordance with the actual situation. Actively train, recruit and promote personnel to manage and plan the source of reserve personnel.

- Thường xuyên triển khai các yêu cầu về tiết kiệm chi phí, phát động phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, khắc phục nhiều sự cố, bảo dưỡng sửa chữa máy móc thiết bị, giảm thời gian ngừng máy trong quá trình sản xuất.

Regularly deploy requirements on cost savings, launch the movement to promote technical innovations, overcome many problems, maintain and repair machinery and equipment, reduce downtime in the process manufacturing.

- Thực hiện tốt công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và phòng chống cháy nổ. Tổ chức huấn luyện lực lượng an toàn lao động, duy trì tập huấn thường xuyên, trang bị đủ phương tiện đối với đội PCCC tại chỗ. Trong năm 2018 không có sự cố và thiệt hại nào xảy ra.

Implement well the work of ensuring food safety and fire prevention. Organize the training of labor safety, maintain regular training, and equip sufficient facilities for on-site fire protection. There were no incidents and no damages occurred in 2018.

- Công tác đào tạo nguồn nhân lực, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý, trình độ chuyên môn, tay nghề cho CB.CNV được Công ty duy trì thường xuyên. Trong năm 2018, Công ty đã đào tạo và nâng bậc lương cho 16 CBCNV; Cử 10 lượt người tham gia học tập chuyên đề, hội thảo khoa học và công nghệ; 265 lượt người tham gia khóa đào tạo bổ sung nâng cao tay nghề, hướng dẫn nghiệp vụ và kiến thức về an toàn điện, an toàn bức xạ, lò hơi, PCCN, ATLD, ATVSTP.v.v.

The training of human resources, fostering improvement of management skills, professional qualifications and skills for officials and employees maintained by the Company regularly. In 2018, the Company trained and increased salary for 16 employees; appointed 10 persons participating in thematic studies, scientific and technological workshops; 265 persons participating in additional training courses to improve skills, professional guidance and knowledge of electrical safety, radiation safety, boiler, fire protection, occupational safety and hygiene and safety.

- Song song với việc tập trung cho hoạt động SX-KD, Công ty cũng quan tâm đến việc cải thiện chế độ, điều kiện làm việc và từng bước nâng cao thu nhập cho người lao động như: Thực hiện phân phối tiền lương, thưởng theo đúng quy định; Áp dụng đầy đủ các chế độ, chính sách và pháp luật của Nhà nước đối với người lao động; Trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị bảo hộ lao động. Tổ chức nghỉ mát, khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho toàn thể CB.CNV; hỗ trợ người lao động có hoàn cảnh khó khăn. Năm 2018 bình quân tiền lương của CBCNV đạt 13 triệu đồng /người /tháng.

In parallel with concentrating on production and business activities, the Company is also interested in improving the working conditions and gradually rising incomes for employees such as: Distributing money salaries and bonuses according to regulations; fully apply the regulations, policies and laws of the State to employees; fully equipped with tools and equipment for labor protection. Organizing vacation, annual health check for all managers and employees; supporting workers in difficult circumstances. In 2018, the average salary of managers and employees reached 13 million VND / person / month.

- Duy trì thường xuyên hệ thống cảnh quan, công viên, tạo môi trường sản xuất xanh, sạch, đẹp. Công tác đền ơn đáp nghĩa, xây nhà đại đoàn kết hỗ trợ các gia đình khó khăn tại địa phương được Công ty tích cực tham gia, trong năm 2018 Công ty đã trích 195 triệu đồng từ đóng góp ngày lương của CB.CNV và nguồn quỹ phúc lợi để thực hiện công tác trên.

Maintain the landscape and green trees system; create a green, clean and good environment. The work of gratitude for the heroes, building great solidarity houses to support difficult families in the locality was actively participated by the Company, in 2018,

the Company spent VND 195 million from the daily salaries of manager and employees and welfare fund to carry out the above work.

- Các tổ chức chính trị và quần chúng hoạt động tích cực góp phần thúc đẩy các hoạt động SX-KD, giữ gìn sự ổn định chính trị của Công ty. Công tác giúp đỡ, bồi dưỡng quần chúng ưu tú để phát triển Đảng được thực hiện thường xuyên liên tục.

Political and mass organizations actively contribute to promoting production and business activities, maintaining the political stability of the Company. The work of helping and fostering elite people to develop the Party is carried out regularly and continuously.

III. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ 2019:

BUSINESS PERFORMANCE AND INVESTMENT ACTIVITIES IN 2019:

Năm 2019 là năm còn tồn tại nhiều khó khăn thách thức của nền kinh tế; thị trường tiêu thụ bia đang có sự cạnh tranh khốc liệt từ các đối thủ; biến động về giá nguyên nhiên vật liệu, vật tư đầu vào; tác động từ chính sách của Nhà nước về hạn chế tiêu thụ rượu bia sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình SXKD và các chỉ tiêu kế hoạch của Công ty.

2019 is a year of many difficulties and challenges of the economy; Beer consumption market is facing fierce competition from rivals; changes in prices of raw materials, materials and input supplies; the impact of the State's policies on limiting alcohol consumption will greatly affect the business situation and the Company's targets.

Phát huy những kết quả đã đạt được và khắc phục những tồn tại của năm 2018, Ban điều hành cùng toàn thể người lao động trong Công ty quyết tâm phấn đấu thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu và nhiệm vụ năm 2019 như sau:

Promote the achieved results and overcome the shortcomings of 2018, the Executive Board and all employees in the Company determined to strive to fulfill the targets and tasks in 2019 as follows:

1. Kế hoạch SXKD 2019:

Business plan for 2019:

STT (Sr.)	CHỈ TIÊU (CRITERIA)	ĐVT (Unit)	THỰC HIỆN (PERFORMANCE) 2018	KẾ HOẠCH (PLAN) 2019	TỶ LỆ KH 2019/TH 2018 (Plan 2018/Per. 2018) (%)
A	B	C	1	2	3=2/1
1	Sản lượng sản xuất bia: <i>Production volume of beer:</i>	Lít <i>Liter</i>	54.126.629	60.101.908	111,04
	Bia lon 333 <i>333 can</i>	Lít <i>Liter</i>	4.958.173	4.896.595	98,76
	Bia lon 333 XK <i>Exported 333 can</i>	Lít <i>Liter</i>	23.760	-	-
	Bia lon Lager <i>Lager can</i>	Lít <i>Liter</i>	22.115.230	30.980.930	140,09
	Bia chai 355 <i>355 bottle</i>	Lít <i>Liter</i>	27.029.466	24.224.384	89,62
	Sản xuất nước uống đóng chai <i>Production of bottled water</i>	Lít <i>Liter</i>	3.923.649	5.001.820	127,47

STT (Sr.)	CHỈ TIÊU (CRITERIA)	ĐVT (Unit)	THỰC HIỆN (PERFORMANCE) 2018	KẾ HOẠCH (PLAN) 2019	TỶ LỆ KH 2019/TH 2018 (Plan 2018/Per. 2018) (%)
2	Sản lượng tiêu thụ bia: <i>Beer consumption:</i>	Lít <i>Liter</i>	53.870.253	60.101.908	111,57
	Bia lon 333 <i>333 can</i>	Lít <i>Liter</i>	5.097.209	4.896.595	96,06
	Bia lon 333 XK <i>Exported 333 can</i>	Lít <i>Liter</i>	23.760	-	-
	Bia lon Lager <i>Lager can</i>	Lít <i>Liter</i>	22.093.648	30.980.930	140,23
	Bia chai 355 <i>355 bottle</i>	Lít <i>Liter</i>	26.655.637	24.224.384	90,88
	Sản xuất nước uống đóng chai <i>Consumption of bottled water</i>	Lít <i>Liter</i>	3.993.811	5.001.820	125,24
3	Tổng doanh thu <i>Total revenue</i>	Đồng <i>Dong</i>	880.348.276.789	1.026.361.654.671	116,59
4	Doanh thu thuần <i>Net revenue</i>	Đồng <i>Dong</i>	459.038.963.381	538.783.577.541	117,37
5	Tổng chi phí <i>Total cost</i>	Đồng <i>Dong</i>	418.902.621.989	496.573.005.430	118,54
6	Lợi nhuận trước thuế <i>Total profit before tax</i>	Đồng <i>Dong</i>	47.017.800.676	45.116.621.043	95,96
7	Thuế thu nhập DN <i>Corporate income tax</i>	Đồng <i>Dong</i>	7.052.980.923	9.023.324.209	127,94
8	Lợi nhuận sau thuế <i>Profit after tax</i>	Đồng <i>Dong</i>	39.964.819.753	36.093.296.835	90,31
9	Tỷ suất LNST/VĐL <i>Rate of profit after tax / chartered capital</i>	%	19,98	18,05	90,31
10	Tỷ suất LNST/DT thuần <i>Rate of net profit after tax / net income</i>	%	8,71	6,70	76,92
11	Nộp ngân sách <i>State budget contribution</i>	Đồng <i>Dong</i>	479.089.086.155	560.428.718.864	116,98
12	Cổ tức: (Bằng tiền) <i>Dividend: (In cash)</i>	%	15	15	100,00
13	Lao động bình quân <i>Average number of labor</i>	Người <i>Person</i>	133	133	100,00
14	Tiền lương bình quân <i>Average salary</i>	Đồng/ người/ tháng <i>Dong/ person/ month</i>	13.341.918	13.000.000	97,44

❖ **Phân tích số liệu trên bảng Kế hoạch SXKD năm 2019:**

Analyzing data on the above Business Plan table in 2019:

- + Lợi nhuận trước thuế năm 2019 là 45,1 tỷ đồng, bằng 96 % so với thực hiện 2018; trong khi tổng doanh thu 2019 đạt 116 % so với 2018, là do:

The profit before tax in 2019 was VND 45.1 billion, equal to 96% of the 2018; while 2019 revenue reached 116% compared to 2018, the reasons are:

- Chi phí giá vốn 2019 tăng 115,76 % so với 2018: Chủ yếu do giá vật tư, nguyên nhiên vật liệu đầu vào tăng (malt tăng 20-30 %; houblon tăng 170-200 %...).

Cost of goods sold in 2019 increased 115.76% compared to 2018: Mainly due to the increase in input prices of raw materials and supplies (malt increased by 20-30%; houblon increased by 170-200%, etc.)

- Sabeco điều chỉnh giá mua thành phẩm bia, làm giảm lợi nhuận.

Sabeco adjusts the purchase price of finished beer products, causing reduction of profits.

- + Thuế TNDN 2019 tăng 127,94 % so với thực hiện 2018 là do:

2019 corporate income tax increased by 127.94% compared to 2018, due to:

- Năm 2018 là năm cuối cùng công ty được hưởng ưu đãi về thuế TNDN, trong đó:

2018 is the last year the company is entitled to corporate income tax incentives, in which:

- 42,45 % giá trị lợi nhuận trước thuế TNDN được hưởng thuế suất 7,5 %.
- 57,55 % giá trị lợi nhuận trước thuế TNDN chịu thuế suất thông thường 20 %.

42.45 % of profit before corporate income tax is entitled to 7.5% tax rate.

57.55 % of profit before corporate income tax is subjected to a normal tax rate of 20%

- Kể từ ngày 01/01/2019, Công ty không còn ưu đãi thuế TNDN nên 100 % giá trị lợi nhuận trước thuế phải chịu thuế suất thuế TNDN 20 %.

From January 01, 2019, the Company has been no longer entitled to corporate income tax incentives so 100% of the value of pre-tax profit is subject to corporate income tax rate of 20%.

2. Kế hoạch đầu tư năm 2019:

Investment plan in 2019:

Ban điều hành xây dựng kế hoạch đầu tư cho năm 2019 như sau:

The Executive Board proposes an investment plan for 2019 as follows:

(ĐVT: VNĐ)
(Unit: VND)

STT (Sr.)	Danh mục đầu tư (Investment items)	Mục tiêu & công suất đầu tư (Investment objectives & capacity)	Dự kiến chi phí (Expected cost)	Tiến độ đầu tư (Investment progress)
Dự án chuyển tiếp 2018: <i>Transition projects from 2018:</i>				
1	Đầu tư mới: Newly investment:	Đầu tư đồng bộ, tăng hiệu suất hệ thống lọc bia	10.109.000.000	Hoàn thành tháng 02/2019

STT (Sr.)	Danh mục đầu tư (Investment items)	Mục tiêu & công suất đầu tư (Investment objectives & capacity)	Dự kiến chi phí (Expected cost)	Tiến độ đầu tư (Investment progress)
	- 3 tank bia trong 10.000 hl. 03 beer tanks in 10,000 hl. - Tank chứa bia đầu, cuối hệ lọc bia. Tank for the first beer extraction, and last exaction of beer filtering system. - Thay áo hơi đáy nồi mal, gạo. Replacement of steam bag of malt, rice boiler.	Invest in synchronously, increase the efficiency of beer filtration system		Completed in Feb, 2019
2	Đầu tư 2 bộ trao đổi nhiệt và phụ kiện gia nhiệt nước 60o cấp cho 2 máy thanh trùng chai, lon Investing in 2 heat exchangers and 60°C water heating accessories for 2 bottle, can sterilizers	Tiết kiệm năng lượng Energy saving	1.000.000.000	Hoàn thành tháng 03/2019 Completed in Mar, 2019
3	Đại tu máy nén khí ZT 55 Major maintenance of ZT55 air compressor	Phục vụ SX Serving for production	600.000.000	04/2019 Completed in April, 2019
4	Trung tu hệ thống máy lạnh trung tâm Maintenance of central refrigeration system	Sửa chữa và dự phòng Repair and backup	500.000.000	04/2019 Completed in April, 2019
5	Mua mới màn hình điều khiển máy chiết lon Buying new controlling monitor of the can extraction line	Thay thế thiết bị cũ hư hỏng Replace damaged old equipment	978.598.897	Hoàn thành 05/2019 Completed in May, 2019
6	Đầu tư hệ van lấy mẫu vi sinh Aseptic Investing in Aseptic microbiological sampling valve system	Đầu tư theo cấu hình thiết bị của TCT According to the Corporation's configurations	847.000.000	Hoàn thành 05/2019 Completed in May, 2019
7	Mua mới 5 bộ con lăn cán nắp F506 để sử dụng lon mỏng, nắp mỏng Buying 05 rollers F506 for can, thin cap	Đầu tư theo yêu cầu của TCT cho d/c chiết lon According to the Corporation's requirement for the can extraction line	424.600.000	Hoàn thành 05/2019 Completed in May, 2019
8	Mua thiết bị phủ bóng chai Buying equipment for polishing the outside of the beer bottles	Đầu tư theo yêu cầu của TCT cho d/c chiết chai According to the Corporation's requirement for the bottle extraction line	165.000.000	11/2018 November 2018
	Cộng giá trị phần dự án chuyển tiếp 2018: Total 2018:			
Dự án đầu tư mới: Newly investment projects:				
9	Xây dựng ISO 50001 Development of ISO 50001	Đầu tư theo yêu cầu của TCT Accordina to the	1.500.000.000	Quý III/2019 QIII/2019

STT (Sr.)	Danh mục đầu tư (Investment items)	Mục tiêu & công suất đầu tư (Investment objectives & capacity)	Dự kiến chi phí (Expected cost)	Tiến độ đầu tư (Investment progress)
		<i>Corporation's requirement</i>		
10	Mua két, vỏ chai phục vụ SXKD <i>Buying bottle, bottle holder for production</i>	Bù lượng hao bể trong SX. 10.000 két vỏ 355 <i>Compensation for the loss and damage, 10,000 of bottles 355</i>	1.500.000.000	Quý III/2019 <i>QIII/2019</i>
11	Bảo ôn đường ống nóng, lạnh <i>Hot and cold pipes insulation</i>	Thay thế ống cũ, tiết kiệm năng lượng <i>Replace old pipes, energy saving</i>	600.000.000	Quý II/2019 <i>QII/2019</i>
12	Cầu thang lên đỉnh tank <i>Access ladder to tank top</i>	Đầu tư theo yêu cầu của TCT <i>According to the Corporation's requirement</i>	600.000.000	Quý I/2019 <i>QI/2019</i>
13	Máy kiểm tra mức bia sau thanh trùng <i>Equipment to check beer after pasteurization</i>	Đầu tư theo yêu cầu của TCT <i>According to the Corporation's requirement</i>	1.000.000.000	Quý IV/2019 <i>QIV/2019</i>
14	Thiết bị soi nắp khác màu d/chuyển chiết chai <i>Equipment of checking different color- cap of bottle extraction line</i>	Đầu tư theo yêu cầu của TCT <i>According to the Corporation's requirement</i>	500.000.000	Quý II/2019 <i>QII/2019</i>
15	Đầu tư hệ thống Stripping CO ₂ <i>Invest in CO2 stripping system</i>	Đầu tư theo yêu cầu của TCT <i>According to the Corporation's requirement</i>	3.200.000.000	Quý II/2019 <i>QII/2019</i>
16	Sàn che đỉnh máy chiết chai, lon <i>Cover of the top of the can, bottle extraction machinery</i>	Đầu tư theo yêu cầu của TCT <i>According to the Corporation's requirement</i>	300.000.000	Quý II/2019 <i>QII/2019</i>
17	Bình tách dầu hệ máy lạnh <i>Oil separator of the cooling system</i>	Hoàn thiện hệ thống <i>Complete the system</i>	150.000.000	Quý III/2019 <i>QIII/2019</i>
18	Thiết bị kiểm soát Dew point <i>Dew point control device</i>	Đầu tư theo yêu cầu của TCT <i>According to the Corporation's requirement</i>	100.000.000	Quý III/2019 <i>QIII/2019</i>
19	Bộ trao đổi nhiệt nước thanh trùng <i>Heat exchanger of pasteurized water</i>	Đầu tư theo yêu cầu của TCT <i>According to the Corporation's requirement</i>	500.000.000	Quý III/2019 <i>QIII/2019</i>
20	Dụng cụ lấy mẫu đo độ bền bọt, đầu dò nhiệt độ CIP hồi, nhiệt độ nồi lọc <i>Sampling tools for measuring foam durability, CIP temperature probe, and temperature of filter pot</i>	Đầu tư theo yêu cầu của TCT <i>According to the Corporation's requirement</i>	120.000.000	Quý IV/2019 <i>QIV/2019</i>
21	Phòng cảm quan <i>Sensory room</i>	Đầu tư theo yêu cầu của TCT <i>According to the</i>	500.000.000	Quý IV/2019 <i>QIV/2019</i>

STT (Sr.)	Danh mục đầu tư (Investment items)	Mục tiêu & công suất đầu tư (Investment objectives & capacity)	Dự kiến chi phí (Expected cost)	Tiến độ đầu tư (Investment progress)
		<i>Corporation's requirement</i>		
22	Sân phơi bùn <i>Mud drying yard</i>	Hoàn thiện hệ thống, giảm chi phí <i>Complete the system, reduce costs</i>	500.000.000	Quý III/2019 <i>QIII/2019</i>
23	Cải tạo sàn 25 tank lên men 106 m ³ <i>Renovation of the floor of 25 fermentation tanks, 106 m³</i>	Chống rêu, mốc đáy tank; chống thấm sàn tank <i>Anti-moss, anti-mold tank bottom; Waterproofing tank floor</i>	600.000.000	Quý III/2019 <i>QIII/2019</i>
	Cộng giá trị phần dự án đầu tư mới 2019: <i>Total value of new investment 2019:</i>		11.670.000.000	
	TỔNG CỘNG (phần chuyển tiếp 2018 và đầu tư mới 2019): <i>TOTAL (2018 transition and new investment 2019):</i>		26.294.198.897	

3. Các giải pháp thực hiện kế hoạch SX-KD 2019:

Solutions for implementing business plan 2019:

Năm 2019, trước tình hình quốc tế và trong nước còn nhiều khó khăn, tình hình cạnh tranh gay gắt trên thị trường, những biến động về giá nguyên nhiên vật liệu, vật tư cho sản xuất, tỷ giá, lãi suất.v.v, Công ty phải nỗ lực vượt qua bằng các giải pháp sau đây:

In 2019, due to many challenges from both the international and domestic markets, fierce competition in the market, fluctuations in prices of raw materials, supplies for production, exchange rates, interest rates, etc. The company must make efforts to overcome by the following solutions:

- Về sản lượng sản xuất giao hàng bia Sài Gòn: Phấn đấu đạt 100 % kế hoạch được giao.
Production output of Saigon beer: Striving to achieve 100% of the assigned plan.
- Nâng cao hơn nữa trách nhiệm và năng lực điều hành bộ máy quản lý, bố trí lao động phù hợp theo hướng tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công việc. Thường xuyên đào tạo kiến thức, kỹ năng cho người lao động, nâng cao ý thức tự giác tuân thủ kỷ luật lao động, quy trình sản xuất.
Further improvement of the responsibility and capacity of the management; arrange appropriate labor in the direction of increasing labor productivity, increasing work efficiency. Regularly training to improve knowledge and skills for employees, raising awareness of self-discipline in compliance with labor discipline and production process.
- Xiết chặt công tác quản lý chất lượng, quản lý định mức và tiết giảm định mức, chi phí ở các khâu sản xuất, đảm bảo 100 % các lô sản phẩm đạt yêu cầu chất lượng. Duy trì thường xuyên chế độ bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị theo đúng lịch xịch; đảm bảo dây chuyền thiết bị hoạt động liên tục, phấn đấu giảm 3 % thời gian ngừng máy cho việc khắc phục sự cố đột xuất.
Tighten the quality management; manage norms and reduction of norms and costs in production phases, ensuring 100% of products lots meet the quality requirements. Maintain regular maintenance of machinery and equipment in accordance with the schedule; ensuring equipment lines to operate continuously, striving to reduce 3% of the stopping time for the unexpected incidents of the machinery.

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa trong sản xuất. Áp dụng và duy trì có hiệu quả các biện pháp tiết giảm năng lượng trong mọi hoạt động.

Saving, combating wastefulness, promoting technical innovations and rationalizing production. Apply and maintain effective measures to reduce energy in all activities.

- Xây dựng và thực hiện nghiêm túc hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 22000, ISO 14001, ISO 17025, ISO 50001, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ quản lý kỹ thuật. Cập nhật và áp dụng quy chế quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn của Tổng công ty.

Develop and strictly implement the quality management system according to ISO 9001, ISO 22000, ISO 14001, ISO 17025, ISO 50001, improve professional capacity for technical management team. Update and apply the quality management regulations of the Corporation.

- Duy trì nghiêm kỷ luật lao động, chú trọng đến việc đào tạo nguồn nhân lực, bồi dưỡng kỹ năng về chuyên môn nghiệp vụ; đặc biệt nâng cao năng lực thực tiễn của cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, nề nếp sinh hoạt, làm việc văn minh lịch sự.

Strictly maintaining labor discipline, focusing on training human resources, fostering professional skills; especially improving the practical capacity of managers and technicians. Building corporate culture, code of conducts, better working environment.

- Cải thiện chế độ, điều kiện làm việc; ổn định thu nhập cho người lao động. Thực hiện tốt công tác bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ, bảo vệ và giữ gìn môi trường sản xuất công nghiệp. Công tác xã hội, đền ơn đáp nghĩa cần được quan tâm và duy trì thường xuyên.

Improving working environment and conditions; stable income for employees. Well perform labor protection, fire and explosion prevention, protect and preserve industrial production environment. Social works, supports for the heroic families that need to be paid attention and maintained regularly.

- Tăng cường sự phối hợp đồng bộ và có hiệu quả với các Phòng, Ban của Tổng Công ty, hệ thống thương mại, vận tải trong công tác xây dựng, hỗ trợ thị trường khu vực; giao nhận hàng hóa theo kế hoạch điều phối của Tổng Công ty. Phối hợp tốt với các nhà máy trong hệ thống của Bia Sài Gòn khu vực thông qua Quy chế phối hợp nhằm học tập, trao đổi kinh nghiệm, phối hợp mua sắm phụ tùng, vật tư, nâng cao hiệu quả quản trị và kinh tế cho Công ty.

Strengthening the synchronous and effective coordination with the divisions and departments of the Corporation, the trading system, transport in construction works, supporting the regional markets; delivery of goods according to the coordination plan of the Corporation. Coordinate well with factories in regional Sai Gon Beer system to adopt a coordinated Regulation to study, exchange experiences, coordinate procurement of spare parts and materials, improve management and economic efficiency for Company.

- Triển khai thực hiện các hạng mục đầu tư theo đúng quy định và kế hoạch đã được phê duyệt.

Implementing investment items in accordance with approved regulations and plans.

- Duy trì tốt mối quan hệ với các Phòng Ban của Tổng Công ty, Công ty TNHH 1TV và các đơn vị thành viên, các Sở ban ngành Tp.Cần Thơ để hỗ trợ hoạt động SX-KD của Công ty. Tổ chức, tạo điều kiện cho tổ chức Đảng, Công đoàn hoạt động. Phấn đấu điều hành tập

thể người lao động trong công ty đoàn kết, nhất trí, hoàn thành kế hoạch SX-KD và đầu tư 2019, xây dựng Công ty ngày một lớn mạnh về mọi mặt.

Maintain good relationships with departments of the Corporation, One Member Limited Company and member units, departments of Can Tho City to support for the business activities of the Company. Organizing and facilitating Party and Trade Union organizations to operate. Striving to have a united collective of employees in the company, agreement, completion of the production and business plan and investment in 2019, the company to grow stronger in every aspect.

Trong quá trình thực hiện kế hoạch SXKD 2019, cùng với sự phấn đấu nỗ lực của tập thể người lao động, Công ty mong muốn tiếp tục được sự quan tâm hỗ trợ của Lãnh đạo và các Ban của Tổng Công ty, hỗ trợ của Công ty TNHH 1TV TM Bia Sài Gòn, các công ty thương mại khu vực, các đơn vị vận tải để chúng tôi hoàn thành tốt kế hoạch 2019.

In the process of implementing the business plan for 2019, together with the efforts of the collective, employees, the Company wishes to continue to receive the support of the Leaders and departments of the Corporation, support of Saigon Beer One Member Company Limited, regional trading companies, transport units that will help us for to complete the 2019 plan.

Trên đây là báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2018 và kế hoạch năm 2019. Xin chúc Quý vị Đại biểu, Quý Cổ đông sức khỏe, hạnh phúc, an khang, thịnh vượng. Chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

Above is the report of business results, investment in 2018 and the plan of 2019. I wish you our respectful Attendants, Shareholders health, happiness, wellbeing, prosperity. Wishing a successful General Meeting of Shareholders!

TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR

(Đã ký)
(signed)

TRẦN XUÂN TỘ
TRAN XUAN TO



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN – TÂY ĐÔ
SAIGON –TAY DO BEER AND BEVERAGE JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ: Lô 22, KCN Trà Nóc 1, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy, TP.Cần Thơ
Address: Lot 22, Tra Noc 1 Industrial Zone, Tra Noc Ward, Binh Thuy District, Can Tho City
Điện thoại (Telephone): 02923.842538 Fax: 02923.842310
Website: <http://www.biasaigontaydo.com.vn>

Cần Thơ, ngày 18 tháng 02 năm 2019

Can Tho, February 18, 2019

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
REPORT ON THE PERFORMANCE OF THE
BOARD OF DIRECTORS

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

Respectfully addressed to: General Meeting of Shareholders

Trước tiên, tôi xin thay mặt Hội đồng quản trị công ty cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô trân trọng chào mừng các quý cổ đông, quý vị đại biểu đã về dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. Tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến quý cổ đông, quý đại biểu và toàn thể người lao động đã cùng đồng hành, tin tưởng và tạo điều kiện cho HĐQT chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian qua, tôi xin báo cáo với Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 các nội dung như sau:

First of all, on behalf of the Board of Directors of Saigon –Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company to welcome all shareholders and attendants to the Annual General Meeting of Shareholders in 2019. I would like to express my deep gratitude to our shareholders, attendants and all employees for accompanying, trusting and creating conditions for our Board of Directors to fulfill our tasks, I would like to report to Annual General Meeting of Shareholders 2019 of the following contents:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY NĂM 2018:

BUSINESS ACTIVITIES AND PERFORMANCE OF THE COMPANY IN 2018:



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN – TÂY ĐÔ
SAIGON –TAY DO BEER AND BEVERAGE JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ: Lô 22, KCN Trà Nóc 1, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy, TP.Cần Thơ
Address: Lot 22, Tra Noc 1 Industrial Zone, Tra Noc Ward, Binh Thuy District, Can Tho City
Điện thoại (Telephone): 02923.842538 **Fax:** 02923.842310
Website: <http://www.biasaigontaydo.com.vn>

Công ty cổ phần Bia – Nước Giải Khát Sài Gòn – Tây Đô được thành lập từ tháng 9 năm 2006. Đây là nhiệm kỳ thứ 3 của Hội đồng quản trị (Nhiệm kỳ 2017-2022) và là đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 3 của nhiệm kỳ.

Saigon – Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company was founded in 2006. This is the third term of the BOD (2017-2022) and also the third Annual General Meeting of Shareholders of the BOD's term.

Năm 2018, Hội đồng quản trị đã có những quyết sách quan trọng đến chiến lược phát triển công ty, triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, tổ chức giám sát hoạt động quản lý của Ban Giám đốc, quyết định đầu tư công nghệ thiết bị hiện đại nhằm đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, môi trường và chất lượng sản phẩm của Tổng công ty, hòa nhập cùng với tốc độ phát triển của ngành.

In 2018, the Board of Directors has made important decisions to the company development strategy, implemented the Resolution of the General Meeting of Shareholders, and conduct the supervision to the management activities of the Board of Directors, decided to invest in modern equipment technology to meet the technical, environmental and product quality requirements of the Corporation, integrate with the industry's development.

Với sự chỉ đạo kịp thời, đúng đắn của Hội đồng quản trị, cùng sự nỗ lực của Ban điều hành, tập thể người lao động, công ty đã đạt được các chỉ tiêu theo kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông 2018 đề ra, cụ thể như sau:

With the timely and proper direction of the Board of Directors, with the efforts of the Executive Board, the collective of employees, the company has achieved the targets set by the General Meeting of Shareholders 2018, details are as follows:



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN – TÂY ĐÔ
SAIGON –TAY DO BEER AND BEVERAGE JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ: Lô 22, KCN Trà Nóc 1, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy, TP.Cần Thơ
Address: Lot 22, Tra Noc 1 Industrial Zone, Tra Noc Ward, Binh Thuy District, Can Tho City
Điện thoại (Telephone): 02923.842538 Fax: 02923.842310
Website: <http://www.biasaigontaydo.com.vn>

STT Sr.	CHỈ TIÊU CRITERIA	ĐVT UNIT	KẾ HOẠCH PLAN 2018	THỰC HIỆN PERFORMANCE 2018	TỈ LỆ TH 2018/KH PER. /PLAN 2018 (%)
1	Sản lượng sản xuất bia <i>Beer production</i>	Lít <i>Liter</i>	61.428.000	54.126.629	88,11
2	Sản lượng tiêu thụ bia <i>Beer consumption</i>	Lít <i>Liter</i>	61.428.000	53.870.253	87,70
3	Sản lượng tiêu thụ Nước uống đóng chai <i>Consumption of bottled water</i>		3.500.380	3.993.811	114,10
4	Doanh thu thuần <i>Net revenue</i>	Đồng <i>Dong</i>	474.889.577.000	459.038.963.381	96,66
5	Lợi nhuận trước thuế <i>Profit before tax</i>	Đồng <i>Dong</i>	41.259.390.000	47.017.800.676	113,96
6	Lợi nhuận sau thuế <i>Profit after tax</i>	Đồng <i>Dong</i>	33.883.416.000	39.964.819.753	117,95
7	Cổ tức (bằng tiền) <i>Dividends (in cash)</i>	%	15	15	100,00

Sản lượng tiêu thụ bia năm 2018: đạt 53,8 triệu lít, chỉ đạt 87,7% kế hoạch là do các chi nhánh công ty thương mại và các đơn vị vận tải không nhận đủ hàng theo thông báo lệnh, theo kế hoạch; việc sản xuất phải đảm bảo theo quy định SOP của Tổng công ty (bia thành phẩm tồn kho không quá 1,5 tuần). Nếu hàng tồn kho nhiều, Tổng công ty sẽ ngưng cung cấp nguyên vật liệu nên nhà máy phải ngưng sản xuất. Bên cạnh đó, cơ cấu sản phẩm được giao để sản xuất đầu năm không phù hợp với công suất dây chuyền (dây chuyền chiết chai chạy tối đa 30 triệu lít/năm lại giao kế hoạch 39,5 triệu lít/năm).

Beer consumption volume in 2018: reached 53.8 million liters, only reached 87.7% of the plan because the branches of commercial companies and transport units did not receive enough goods according to the orders, according to the plan ; The production must comply with the SOP of the Corporation (finished beer not allowed more than 1.5 weeks of inventory). If the inventory



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN – TÂY ĐÔ
SAIGON –TAY DO BEER AND BEVERAGE JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ: Lô 22, KCN Trà Nóc 1, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy, TP.Cần Thơ
Address: Lot 22, Tra Noc 1 Industrial Zone, Tra Noc Ward, Binh Thuy District, Can Tho City
Điện thoại (Telephone): 02923.842538 **Fax:** 02923.842310
Website: <http://www.biasaigontaydo.com.vn>

is high, the Corporation will stop supplying materials, so the factory must stop producing. In addition, the structure of products delivered for production at the beginning of the year is not suitable for the line capacity (bottle extraction line runs at maximum of 30 million liters / year and assigns plan of 39.5 million liters / year).

Tuy sản lượng sản xuất và sản lượng tiêu thụ không đạt kế hoạch nhưng tổng lợi nhuận sau thuế đạt 39,96 tỷ đồng, đạt 117,95% so với kế hoạch. Đây cũng là con số ấn tượng mà Ban điều hành công ty đã nỗ lực đạt được.

Although production output and consumption output did not meet the plan, the total after-tax profit reached VND 39.96 billion, reaching 117.95% of the plan. This is also an impressive number that the Board of Management has endeavored to achieve.

II. THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2018:

REMUNERATION, OPERATION EXPENSES AND OTHER BENEFITS OF THE BOARD OF DIRECTORS IN 2018:

STT Sr.	Họ và tên Full name	Chức danh Position	Thù lao Remuneration	Lương Salary	Thưởng Bonus
1	Lê Hồng Xanh <i>Le Hong Xanh</i>	Chủ tịch <i>Chairman</i>	180.000.000	-	150.000.000
2	Nguyễn Bích Đạt <i>Nguyen Bich Dat</i>	Ủy viên <i>Commissioner</i>	120.000.000	-	100.000.000
3	Văn Thanh Liêm <i>Van Thanh Liem</i>	Ủy viên <i>Commissioner</i>	120.000.000	-	100.000.000
4	Nguyễn Thị Hoàng Lan <i>Nguyen Thi Hoang Lan</i>	Ủy viên <i>Commissioner</i>	120.000.000	-	100.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN – TÂY ĐÔ
SAIGON –TAY DO BEER AND BEVERAGE JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ: Lô 22, KCN Trà Nóc 1, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy, TP.Cần Thơ
Address: Lot 22, Tra Noc 1 Industrial Zone, Tra Noc Ward, Binh Thuy District, Can Tho City
Điện thoại (Telephone): 02923.842538 **Fax:** 02923.842310
Website: <http://www.biasaigontaydo.com.vn>

5	Trần Lê Hoa <i>Tran Le Hoa</i>	Ủy viên (bắt đầu từ tháng 6/2018) <i>Commissioner (started from June 2018)</i>	70.000.000	-	100.000.000
6	Nguyễn Việt Tuấn <i>Nguyen Viet Tuan</i>	Ủy viên (kết thúc vào tháng 5/2018) <i>Commissioner (ended from May 2018)</i>	50.000.000	-	-
Tổng cộng <i>Total</i>			660.000.000		550.000.000

III. TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP VÀ CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

SUMMARY OF MEETINGS AND RESOLUTIONS, DECISION OF THE BOARD OF DIRECTORS:

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị tổ chức họp chính thức 8 phiên, có 2 lần lấy ý kiến Hội đồng quản trị bằng văn bản và 12 nghị quyết nhằm đưa ra các chủ trương, chỉ đạo kịp thời các hoạt động, sản xuất, kinh doanh của công ty.

In 2018, the Board of Directors held official meeting of 8 sessions, with 2 times of collecting written opinions of the Board of Directors and 12 resolutions for the guidelines and timely directing activities and production, business of the company.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều có mời đại diện Ban kiểm soát, thực hiện đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, đã thông qua các nội dung chính như sau:

In these meetings, Board of Directors had invited representatives of the Board of Supervision to comply with the provisions of the Enterprise Law and the Company's Charter, and approved the following main contents:



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN – TÂY ĐÔ
SAIGON –TAY DO BEER AND BEVERAGE JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ: Lô 22, KCN Trà Nóc 1, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy, TP.Cần Thơ
Address: Lot 22, Tra Noc 1 Industrial Zone, Tra Noc Ward, Binh Thuy District, Can Tho City
Điện thoại (Telephone): 02923.842538 Fax: 02923.842310
Website: <http://www.biasaigontaydo.com.vn>

STT Sr.	BIÊN BẢN Documents	NGÀY Date	NỘI DUNG Contents
1	BB kiểm phiếu 01/2018/BB/HĐQT <i>Vote counting report</i> 01/2018/BB/HĐQT	12/02/2018	Chi tạm ứng cổ tức đợt 2/2017 (15%) <i>Payment of the second dividend payment 2017 (15%)</i>
2	BB họp HĐQT 02/2018/BB/HĐQT <i>Meeting minutes of the Board of Directors</i> 02/2018/BB/HĐQT	23/03/2018	1. Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 2017, 2 tháng đầu năm 2018 và các kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2018. <i>Approved the 2017 business results report, the first 2 months of 2018 and the plans for organizing the 2018 Annual General Meeting of Shareholders.</i> 2. Trình ĐHĐCĐ chi cổ tức năm 2017 là 35%. <i>Proposed to the General Meeting of Shareholders a dividend of 2017 of 35%.</i> 3. TGD đề xuất tăng mức trích lập các quỹ: khen thưởng phúc lợi; khen thưởng HĐQT, BKS, BDH; an sinh xã hội. <i>The General Director proposed to increase the amount of contingency funds: bonus and welfare; bonus for BOD, Board of Supervision, BOM; Social Security.</i> 4. Tiếp tục thực hiện đăng ký giao dịch chứng khoán trên sàn Upcom theo đúng quy định. <i>Continued to register securities transactions on Upcom stock exchange in accordance with regulations.</i> 5. Công ty ký lại hợp đồng xác định thời hạn 36 tháng, từ 01/5/2018 - 30/4/2021) sau khi ông Trần Xuân Tộ về hưu theo chế độ.



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN – TÂY ĐÔ
SAIGON –TAY DO BEER AND BEVERAGE JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ: Lô 22, KCN Trà Nóc 1, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy, TP.Cần Thơ
Address: Lot 22, Tra Noc 1 Industrial Zone, Tra Noc Ward, Binh Thuy District, Can Tho City
Điện thoại (Telephone): 02923.842538 **Fax:** 02923.842310
Website: <http://www.biasaigontaydo.com.vn>

STT Sr.	BIÊN BẢN Documents	NGÀY Date	NỘI DUNG Contents
			<i>The company re-signed the contract for a period of 36 months, from May 1, 2018 - April 30, 2021) after Tran Xuan To retired as superannuate.</i> 6. Quyết định thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2018: vào lúc 8 giờ, ngày 18/4/2018; khách sạn Grand, số 8 Đồng Khởi, Q. 1, TP. HCM <i>Decided the time for organizing the 2018 Annual General Meeting of Shareholders: at 8:00, on April 18, 2018; at Grand Hotel, No. 8 Dong Khoi Street, District 1, Ho Chi Minh City.</i>
3	BB họp HĐQT 03/2018/BB/HĐQT <i>Meeting minutes of the Board of Directors</i> 03/2018/BB/HĐQT	07/04/2018	Thay đổi ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 (dự kiến trong tháng 5/2018) <i>Changed the date of holding the Annual General Meeting of Shareholders in 2018 (expected in May 2018)</i>
4	BB họp HĐQT 04/2018/BB/HĐQT <i>Meeting minutes of the Board of Director</i> 04/2018/BB/HĐQT	10/05/2018	Quyết định thời gian, địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 (vào lúc 8 giờ, ngày 22/5/2018, khách sạn Grand) <i>Decided the time and place of holding the Annual General Meeting of Shareholders in 2018 (at 8:00, May 22, 2018, Grand Hotel)</i>
5	BB kiểm phiếu 05/2018/BB/HĐQT <i>Vote counting report</i> 05/2018/BB/HĐQT	18/07/2018	Thông qua việc tạm hoãn đăng ký giao dịch chứng khoán trên sàn Upcom và đăng ký lưu ký chứng khoán <i>Agreement on the suspension of securities trading registration on Upcom stock exchange and securities depository registration</i>



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN – TÂY ĐÔ
SAIGON –TAY DO BEER AND BEVERAGE JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ: Lô 22, KCN Trà Nóc 1, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy, TP.Cần Thơ
Address: Lot 22, Tra Noc 1 Industrial Zone, Tra Noc Ward, Binh Thuy District, Can Tho City
Điện thoại (Telephone): 02923.842538 Fax: 02923.842310
Website: <http://www.biasaigontaydo.com.vn>

STT Sr.	BIÊN BẢN Documents	NGÀY Date	NỘI DUNG Contents
6	BB họp HĐQT 06/2018/BB/HĐQT <i>Meeting minutes of the Board of Directors 06/2018/BB/HĐQT</i>	30/07/2018	1. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2018 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng cuối năm 2018. <i>Approved the report on business results of the first 6 months of 2018 and plan of production and business activities in the last 6 months of 2018.</i> 2. Thống nhất đầu tư hệ thống điều khiển chiết lon mới của KHS với tổng chi phí là 42.354 Euro. <i>Agreement on the investment in new can extraction system of KHS with a total investment of 42,354 Euro.</i>
7	BB họp HĐQT 07/2018/BB/HĐQT <i>Meeting minutes of the Board of Directors 07/2018/BB/HĐQT</i>	20/08/2018	Thông qua việc vay 50 tỷ tại NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Cần Thơ <i>Agreement on the loan of VND 50 billion at Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Can Tho Branch</i>
8	BB họp HĐQT 08/2018/BB/HĐQT <i>Meeting minutes of the Board of Directors 08/2018/BB/HĐQT</i>	27/08/2018	Thông qua việc vay 50 tỷ tại NH TMCP Quốc tế VN - CN Cần Thơ <i>Agreement on the loan of 50 billion loan at Vietnam International Bank - Can Tho Branch</i>
9	BB họp HĐQT 09/2018/BB/HĐQT <i>Meeting minutes of the Board of Directors 09/2018/BB/HĐQT</i>	01/11/2018	Thông qua việc vay 100 tỷ tại NH TMCP Công Thương VN - CN Cần Thơ <i>Agreement on the loan of 100 billion loan at Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade - Can Tho Branch</i>



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN – TÂY ĐÔ
SAIGON –TAY DO BEER AND BEVERAGE JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ: Lô 22, KCN Trà Nóc 1, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy, TP.Cần Thơ
Address: Lot 22, Tra Noc 1 Industrial Zone, Tra Noc Ward, Binh Thuy District, Can Tho City
Điện thoại (Telephone): 02923.842538 **Fax:** 02923.842310
Website: <http://www.biasaigontaydo.com.vn>

STT Sr.	BIÊN BẢN Documents	NGÀY Date	NỘI DUNG Contents
10	BB họp HĐQT 10/2018/BB/HĐQT <i>Meeting minutes of the Board of Directors 10/2018/BB/HĐQT</i>	26/11/2018	1. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 10 tháng đầu năm 2018. <i>Approval of the report on business results of the first 10 months of 2018.</i> 2. Thảo luận về chủ trương giảm lao động, tiết kiệm chi phí. <i>Discuss the policy of reducing labor, saving costs.</i> 3. Quyết định đầu tư theo yêu cầu của Tổng công ty với các danh mục sau: <i>Investment decision at the request of the orporation with the following lists:</i> + Đầu tư mới hệ van lấy mẫu vi sinh Aseptic. <i>New investment of Aseptic microbial sampling valve system.</i> + Mua mới 05 bộ con lăn cán nắp F506 để sử dụng lon, nắp mỏng. <i>Buying 05 rollers F506 for can, thin cap.</i> + Mua thiết bị phủ bóng chai bia. <i>Buying equipment for polishing the outside of the beer bottles.</i> 4. Thông qua việc chi tạm ứng cổ tức: 7% (tính trên mệnh giá); Mệnh giá: 10.000đ/cp <i>Approving the payment of dividends: 7% (calculated on par value); Face value: VND 10,000 / share</i> 5. Thống nhất kế hoạch chi cổ tức năm 2018: 15% <i>Agreement on dividend payment plan for 2018: 15%</i> 6. Ứng tiền thưởng cho thành viên HĐQT



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN – TÂY ĐÔ
SAIGON –TAY DO BEER AND BEVERAGE JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ: Lô 22, KCN Trà Nóc 1, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy, TP.Cần Thơ
Address: Lot 22, Tra Noc 1 Industrial Zone, Tra Noc Ward, Binh Thuy District, Can Tho City
Điện thoại (Telephone): 02923.842538 Fax: 02923.842310
Website: <http://www.biasaigontaydo.com.vn>

STT Sr.	BIÊN BẢN Documents	NGÀY Date	NỘI DUNG Contents
			<i>Bonus for members of the Board of Directors</i>

STT Sr.	NGHỊ QUYẾT RESOLUTION	NGÀY DATE	NỘI DUNG CONTENTS
1	01/NQ/HĐQT/2018	12/02/2018	Quyết định chi tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2017 (15%). <i>Agreement on the payment of the second dividend of 2017 (15%).</i>
2	02/NQ/HĐQT/2018	23/03/2018	Quyết định thông qua việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 <i>Approval of the organization of the 2018 Annual General Meeting of Shareholders</i>
3	02a/NQ/HĐQT/2018	23/03/2018	Quyết định tiếp tục ký hợp đồng lao động với ông Trần Xuân Tộ - Tổng Giám đốc sau khi có quyết định nghỉ hưu. <i>The decision to continue signing working contract with Mr. Tran Xuan To - General Director after deciding to retire.</i>
4	02b/NQ/HĐQT/2018	23/03/2018	Quyết định đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết (hệ thống giao dịch Upcom).



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN – TÂY ĐÔ
SAIGON –TAY DO BEER AND BEVERAGE JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ: Lô 22, KCN Trà Nóc 1, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy, TP.Cần Thơ
Address: Lot 22, Tra Noc 1 Industrial Zone, Tra Noc Ward, Binh Thuy District, Can Tho City
Điện thoại (Telephone): 02923.842538 Fax: 02923.842310
Website: <http://www.biasaigontaydo.com.vn>

STT Sr.	NGHỊ QUYẾT RESOLUTION	NGÀY DATE	NỘI DUNG CONTENTS
			<i>Decision on securities trading registration on the trading system for unlisted securities (Upcom trading system).</i>
5	03/NQ/HĐQT/2018	07/04/2018	Quyết định thay đổi ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 . <i>Decision on the changing of the date of organizing the Annual General Meeting of Shareholders 2018.</i>
6	04/NQ/HĐQT/2018	10/05/2018	Quyết định thời gian và địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 (8 giờ ngày 22/5/2018, khách sạn Grand) <i>Decision on the time and place to hold the 2018 Annual General Meeting of Shareholders (8 hours on May 22, 2018, Grand Hotel)</i>
7	05/NQ/HĐQT/2018	18/07/2018	Quyết định tạm hoãn đăng ký giao dịch chứng khoán trên sàn Upcom và đăng ký lưu ký chứng khoán <i>The decision to suspend securities trading registration on Upcom and securities depository registration</i>
8	06/NQ/HĐQT/2018	30/07/2018	Quyết định đầu tư hệ thống điều khiển chiết lon mới của KHS với tổng chi phí là 42.354 Euro <i>Decided to invest in new can extraction system of KHS with a total cost of 42,354 Euro</i>
9	07/QĐ/HĐQT/2018	01/09/2018	Quyết định bổ nhiệm lại Tổng Giám đốc, từ ngày 01/9/2018 đến ngày 30/4/2021. <i>Decision on the re-appointment of the General Director, from September 1, 2018 to April 30, 2021.</i>



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN – TÂY ĐÔ
SAIGON –TAY DO BEER AND BEVERAGE JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ: Lô 22, KCN Trà Nóc 1, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy, TP.Cần Thơ
Address: Lot 22, Tra Noc 1 Industrial Zone, Tra Noc Ward, Binh Thuy District, Can Tho City
Điện thoại (Telephone): 02923.842538 **Fax:** 02923.842310
Website: <http://www.biasaigontaydo.com.vn>

STT <i>Sr.</i>	NGHỊ QUYẾT <i>RESOLUTION</i>	NGÀY <i>DATE</i>	NỘI DUNG <i>CONTENTS</i>
10	08/NQ/HĐQT/2018	01/11/2018	Quyết định vay vốn 100 tỷ tại NH TMCP Công Thương VN - CN Cần Thơ. <i>Decision on the borrowing 100 billion at Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade - Can Tho Branch.</i>
11	09/NQ/HĐQT/2018	26/11/2018	Quyết định chi tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 (7%). <i>Decision on payment of the first dividend of 2018 (7%).</i>
12	10/NQ/HĐQT/2018	26/11/2018	Quyết định đầu tư: <i>Investment decision:</i> + Đầu tư mới hệ van lấy mẫu vi sinh Aseptic. <i>New investment of Aseptic microbial sampling valve system.</i> + Mua mới 5 bộ con lăn cán nắp F506 để sử dụng lon, nắp mỏng. <i>Buying 05 rollers F506 for can, thin cap.</i> + Mua thiết bị phủ bóng chai bia. <i>Buying equipment for polishing the outside of the beer bottles.</i>

IV. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC

SUPERVISION RESULTS OF THE GENERAL DIRECTOR

1. Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

Evaluation of the activities of the Company

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị thường xuyên tổ chức các cuộc họp, bên cạnh việc thảo luận, trao đổi tại các cuộc họp, Hội đồng quản trị còn thường xuyên trao đổi qua thư điện tử và điện thoại nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đưa ra các chủ trương, chỉ đạo kịp thời các hoạt động, sản xuất, kinh doanh của công ty. Giám sát hoạt động sản



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN – TÂY ĐÔ
SAIGON –TAY DO BEER AND BEVERAGE JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ: Lô 22, KCN Trà Nóc 1, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy, TP.Cần Thơ
Address: Lot 22, Tra Noc 1 Industrial Zone, Tra Noc Ward, Binh Thuy District, Can Tho City
Điện thoại (Telephone): 02923.842538 **Fax:** 02923.842310
Website: <http://www.biasaigontaydo.com.vn>

xuất kinh doanh của Ban Giám đốc đảm bảo thực hiện đúng Điều lệ công ty và quy định của pháp luật.

In 2018, the Board of Directors regularly organized meetings, in addition to discussing and exchanging at meetings, the Board of Directors also regularly exchanged via email and phone to implement Resolution of the General Meeting of Shareholders, giving guidelines and directing the activities, production and business of the company. Supervising production and business activities of the Board of Directors to ensure compliance with the Company's Charter and the law.

Hiện nay, công ty đang xin gia hạn thời gian thực hiện việc đăng ký giao dịch chứng khoán trên sàn Upcom vì Hội đồng quản trị nhận thấy thời điểm này nếu đăng ký giao dịch trên sàn Upcom, sẽ chưa mang lại hiệu quả tốt nhất cho cổ đông. Do đó, Hội đồng quản trị sẽ lựa chọn thời điểm thích hợp để đăng ký giao dịch theo đúng quy định của pháp luật và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Currently, the company is asking to extend the time for registering securities trading on the Upcom stock exchange because the Board of Directors recognizes that this time if registering for trading on Upcom, it will not bring the best results for shareholders. Therefore, the Board of Directors will select the appropriate time to register the transaction in accordance with the provisions of law and the Resolution of the General Meeting of Shareholders.

Công ty luôn luôn quan tâm, nâng cao vị thế của sản phẩm trên thị trường. Ngoài sản phẩm chủ lực là bia, sản phẩm nước tinh khiết cũng được người tiêu dùng ngày càng tin nhiệm đặc biệt là khu vực thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Miền Tây.

The company always cares and enhances the position of products in the market. In addition to the main product is beer, pure water products are also increasingly trusted by consumers, especially in Ho Chi Minh City and Western provinces.

Về sản xuất: Hội đồng quản trị công ty đã chủ trương sản xuất phải tối đa công suất và năng lực hiện có của nhà máy. Sản phẩm đầu ra phải đạt chất lượng theo yêu cầu của Tổng công ty, thường xuyên rà soát và điều chỉnh định mức nguyên vật liệu phù hợp, tiết kiệm.

About production: The company's Board of Directors has advocated production to maximize the capacity and existing capacity of the factory. Output products must meet the



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN – TÂY ĐÔ
SAIGON –TAY DO BEER AND BEVERAGE JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ: Lô 22, KCN Trà Nóc 1, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy, TP.Cần Thơ
Address: Lot 22, Tra Noc 1 Industrial Zone, Tra Noc Ward, Binh Thuy District, Can Tho City
Điện thoại (Telephone): 02923.842538 **Fax:** 02923.842310
Website: <http://www.biasaigontaydo.com.vn>

quality requirements of the Corporation, regularly review and adjust the norms of suitable and economical materials.

Về công tác đầu tư: Hội đồng quản trị đã tiếp tục chỉ đạo, theo dõi sát sao công tác đầu tư nhằm đáp ứng yêu cầu của Tổng công ty và tình hình thực tế của doanh nghiệp.

Regarding investment: The Board of Directors has continued to direct and closely monitor investment activities to meet the requirements of the Corporation and the actual situation of company.

Về tài chính: Hội đồng quản trị công ty đã chủ trương, triển khai sử dụng dòng tiền hợp lý, thu hồi công nợ kịp thời và thường xuyên đàm phán với ngân hàng về việc cấp hạn mức tín dụng, lãi suất nhằm đảm bảo kịp thời nguồn vốn khi có nhu cầu sử dụng.

Finance: The Board of Directors of the Company has advocated and deployed the use of reasonable cash flow, promptly debt collection and negotiated with the bank on granting credit limits and interest rates to ensure timely funding when needed.

Về công tác tổ chức: trong năm, Hội đồng quản trị đã ban hành, chỉnh sửa hoàn thiện các quy chế, quy định của công ty,... tạo điều kiện cho các đơn vị chức năng áp dụng một cách linh hoạt, nâng cao hiệu quả công tác.

Organization: Throughout the year, the Board of Directors has issued and revised the company's code of conducts and regulations, etc. enabling the functional units to apply flexibly, improve work efficiency.

Về công tác nhân sự, tiền lương: Hội đồng quản trị chủ trương đào tạo nguồn nhân lực đảm bảo xu thế phát triển của ngành, nâng cao trình độ chuyên môn trong công tác quản lý, điều hành và thực hiện tốt công việc trong hoạt động sản xuất. Đảm bảo thu nhập và các điều kiện, phúc lợi khác cho người lao động.

Human resources and salary: The Board of Directors focused on the training of human resources to ensure the development trend of the industry, improve the professional level in the management and administration and well perform the work in production activities. Ensure income and other conditions and benefits for employees.

Song song với việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, công ty cũng luôn quan tâm làm tốt các hoạt động công tác xã hội, từ thiện, chung tay cùng cộng đồng xây dựng xã hội trên



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN – TÂY ĐÔ
SAIGON –TAY DO BEER AND BEVERAGE JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ: Lô 22, KCN Trà Nóc 1, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy, TP.Cần Thơ
Address: Lot 22, Tra Noc 1 Industrial Zone, Tra Noc Ward, Binh Thuy District, Can Tho City
Điện thoại (Telephone): 02923.842538 **Fax:** 02923.842310
Website: <http://www.biasaigontaydo.com.vn>

nền tảng đạo đức và kinh tế. Đảm bảo môi trường, cảnh quan xanh, sạch, đẹp, góp phần phát triển bền vững.

Along with the implementation of the business and production tasks, the company is always interested in doing well social and charity activities, joining hands with the community to build society on the basis of morality and economy. Ensure the environment, green development, clean and beautiful landscape, contribute to sustainable development.

2. Đánh giá các mặt hoạt động của Tổng Giám đốc

Evaluation of the General Director's performance

Việc đánh giá, giám sát hoạt động đối với Tổng Giám đốc Công ty đã được Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của Điều lệ công ty.

The evaluation and supervision of activities of the General Director of the Company has been implemented by the Board of Directors in accordance with the Charter of the company.

Trong năm 2018, Tổng Giám đốc công ty đã có nhiều nỗ lực cố gắng hoàn thành các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, tổ chức thực hiện việc sản xuất kinh doanh và đầu tư của công ty theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ công ty. Tổng Giám đốc đã cố gắng thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và những kế hoạch có hiệu quả, chủ trương mà Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông giao phó.

In 2018, the General Director of the company showed great efforts to complete the Resolutions of the Board of Directors, organized the production, business and investment of the company in accordance with the law and company rules. The General Director has tried to perform well the functions, tasks and effective plans and policies assigned by the Board of Directors and the General Meeting of Shareholders.

V. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC:

SUPERVISION RESULTS OF THE OTHER EXECUTIVES:

Căn cứ Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và Người điều hành trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT năm 2018. Tổng Giám đốc và Ban điều hành đã bám sát và thực hiện kế hoạch kinh doanh của công ty. Tuy các chỉ tiêu về sản lượng sản xuất, tiêu thụ chưa đạt so với kế hoạch do các yếu tố khách quan nhưng Tổng Giám đốc và Ban điều hành đã



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN – TÂY ĐÔ
SAIGON –TAY DO BEER AND BEVERAGE JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ: Lô 22, KCN Trà Nóc 1, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy, TP.Cần Thơ
Address: Lot 22, Tra Noc 1 Industrial Zone, Tra Noc Ward, Binh Thuy District, Can Tho City
Điện thoại (Telephone): 02923.842538 **Fax:** 02923.842310
Website: <http://www.biasaigontaydo.com.vn>

bảo đảm duy trì hệ thống kiểm soát một cách chặt chẽ và phù hợp.

Based on the Charter of the Company, the Board of Directors has conducted the inspection and supervision of the operations of the General Director and the Executive in the management of production and business and implementation of resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors in 2018. The General Director and the Executive Board have closely followed and implemented the business plan of the company. Although the targets of production and consumption output have not reached the plan due to objective factors, the General Director and the Executive Board have ensured the strict and appropriate system.

VI. CÁC KẾ HOẠCH TRONG NĂM 2019:

PLANS IN 2019:

Năm 2019, dự đoán là sẽ có nhiều biến động đối với nền kinh tế. Các ngành, nghề sẽ gia tăng áp lực cạnh tranh đối với các đối thủ trong và ngoài nước từ chính sách tự do thương mại của Chính phủ, đặc biệt là đối với ngành thực phẩm, đồ uống. Cùng với đó, là dự thảo Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia đang được Quốc hội xem xét; các nhà máy bia liên tục được xây dựng và nâng công suất là những trở ngại trước mắt. Nhằm phát huy những kết quả đã đạt được và khắc phục những tồn tại của năm 2018, Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch năm 2019 với các chỉ tiêu như sau:

In 2019, it is expected that there will be many changes for the economy. Industries will increase competitive pressure on domestic and foreign rivals from the Government's free trade policy, especially for the food and beverage industry. Along with that, the draft Law on alcohol and beer prevention and control is being considered by the National Assembly; Breweries are constantly being built and increasing capacity are the immediate challenges. In order to promote the achieved results and overcome the shortcomings of 2018, the Board of Directors has developed the 2019 plan with the following targets:



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN – TÂY ĐÔ
SAIGON –TAY DO BEER AND BEVERAGE JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ: Lô 22, KCN Trà Nóc 1, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy, TP.Cần Thơ
Address: Lot 22, Tra Noc 1 Industrial Zone, Tra Noc Ward, Binh Thuy District, Can Tho City
Điện thoại (Telephone): 02923.842538 Fax: 02923.842310
Website: <http://www.biasaigontaydo.com.vn>

STT Sr.	CHỈ TIÊU CRITERIA	ĐVT Unit	THỰC HIỆN PERFORMANCE 2018	KẾ HOẠCH PLAN 2019	TỈ LỆ KH 2019/TH 2018 Plan 2019 /Per. 2018 (%)
1	Sản lượng sản xuất bia Sài Gòn <i>Production of Saigon beer</i>	Lít <i>Liter</i>	54.126.629	60.101.908	111,04
2	Sản lượng tiêu thụ bia Sài Gòn <i>Sales of Saigon beer</i>	Lít <i>Liter</i>	53.870.253	60.101.908	111,57
3	Sản lượng tiêu thụ Nước uống đóng chai <i>Sales volume bottled water</i>	Lít <i>Liter</i>	3.993.811	5.001.820	125,24
4	Doanh thu thuần <i>Net revenue</i>	Đồng <i>Dong</i>	459.038.963.381	538.783.577.541	117,37
5	Lợi nhuận trước thuế <i>Profit before tax</i>	Đồng <i>Dong</i>	47.017.800.676	45.116.621.043	95,96
6	Lợi nhuận sau thuế <i>Profit after tax</i>	Đồng <i>Dong</i>	39.964.819.753	36.093.296.835	90,31
7	Cổ tức (bằng tiền) <i>Dividends (in cash)</i>	%	15	15	100,00

Ngoài ra, công ty sẽ tiếp tục thực hiện việc đăng ký giao dịch chứng khoán trên sàn Upcom theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán và nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong việc giao dịch cho các cổ đông đã đầu tư tại công ty.

In addition, the company will continue to register securities transactions on the Upcom stock exchange in accordance with the law on securities and to facilitate the transactions for shareholders who have invested in the company.



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN – TÂY ĐÔ
SAIGON –TAY DO BEER AND BEVERAGE JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ: Lô 22, KCN Trà Nóc 1, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy, TP.Cần Thơ
Address: Lot 22, Tra Noc 1 Industrial Zone, Tra Noc Ward, Binh Thuy District, Can Tho City
Điện thoại (Telephone): 02923.842538 **Fax:** 02923.842310
Website: <http://www.biasaigontaydo.com.vn>

Để đạt được các chỉ tiêu trên, Hội đồng quản trị lập ra kế hoạch thực hiện quản lý, điều hành, giám sát các nội dung sau:

In order to achieve the above criteria, the Board of Directors sets up a plan to manage, administer and supervise the following contents:

- Tiếp tục chỉ đạo, giám sát hoạt động quản lý của Tổng Giám Đốc và Ban điều hành nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đặt ra trong năm 2019.

Continue to direct and supervise the management activities of the General Director and the Executive Board to improve business efficiency and fulfill the business and production targets set in 2019.

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, phát huy hiệu quả hoạt động của các phòng, xưởng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Rà soát toàn diện và hoàn thiện hệ thống văn bản quy chế, các quy trình và quy định nội bộ, phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và tình hình hoạt động thực tế của công ty.

Perfecting the organizational structure, promoting operational efficiency of rooms and workshops to improve production and business efficiency. Comprehensively review and complete the system of legal documents, internal processes and regulations, in accordance with the provisions of the current law and the actual operation situation of the company

- Tiếp tục xây dựng hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin, tiếp tục thực hiện nghiêm túc hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 22000, ISO 14001, ISO 17025, ISO 50001.

Continue to complete the information technology system, continue to strictly implement the quality management system according to ISO 9001, ISO 22000, ISO 14001, ISO 17025 and ISO 50001.

- Đảm bảo chế độ tiền lương và phúc lợi tốt, xây dựng phát triển nguồn nhân lực,...tạo môi trường làm việc hiệu quả, chuyên nghiệp.

Ensuring good salary and welfare, building human resource development, etc. creating an effective and professional working environment.



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN – TÂY ĐÔ
SAIGON –TAY DO BEER AND BEVERAGE JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ: Lô 22, KCN Trà Nóc 1, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy, TP.Cần Thơ
Address: Lot 22, Tra Noc 1 Industrial Zone, Tra Noc Ward, Binh Thuy District, Can Tho City
Điện thoại (Telephone): 02923.842538 **Fax:** 02923.842310
Website: <http://www.biasaigontaydo.com.vn>

- Kiểm soát chặt chẽ định mức kinh tế kỹ thuật, chi phí đầu vào, chỉ đạo tiết kiệm trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Đảm bảo sản phẩm đầu ra đúng chất lượng, yêu cầu của Tổng công ty.

Strictly control technical and economic norms, input costs, and direct savings in production and business activities. Ensure the output products are of the right quality and meet the requirements of the Corporation.

- Chỉ đạo tổ chức, lập kế hoạch và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị phù hợp đảm bảo dây chuyền thiết bị hoạt động liên tục.

Directing the organization, planning and implementation of maintenance of appropriate machinery and equipment to ensure continuous operation of equipment lines.

- Giám sát việc tổ chức triển khai kế hoạch đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt trên tinh thần phù hợp, tiết kiệm và hiệu quả.

Supervise the organization of implementing investment plans approved by the General Meeting of Shareholders in the spirit of suitability, saving and efficiency.

- Chỉ đạo tiếp tục duy trì và chủ động phối hợp với các Phòng Ban của Tổng Công ty, Công ty TNHH 1TV và các đơn vị thành viên, các Sở ban ngành Tp.Cần Thơ để tạo điều kiện tốt trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Directing to continue maintaining and proactively coordinating with departments of the Corporation, One Member Limited Company and member units, departments of Can Tho City to create good conditions in production, business activities of the Company.

- Tiếp tục tăng cường hoạt động truyền thông, xây dựng chiến lược marketing và truyền thông hiệu quả, phát huy thế mạnh văn hóa gia đình Bia Sài Gòn, nâng tầm vị thế, hình ảnh và thương hiệu của các sản phẩm bia, nước tinh khiết trong ngành và cộng đồng. Đặc biệt là các tỉnh Miền Tây Nam Bộ và thành phố Hồ Chí Minh.

Continue to strengthen communication activities, build effective marketing and communication strategies, promote the strengths of Saigon Beer family culture, enhance the position, image and brand of beer and pure water products in industry and community. Especially in the provinces of the Southwest and Ho Chi Minh City.



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN – TÂY ĐÔ
SAIGON –TAY DO BEER AND BEVERAGE JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ: Lô 22, KCN Trà Nóc 1, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy, TP.Cần Thơ
Address: Lot 22, Tra Noc 1 Industrial Zone, Tra Noc Ward, Binh Thuy District, Can Tho City
Điện thoại (Telephone): 02923.842538 **Fax:** 02923.842310
Website: <http://www.biasaigontaydo.com.vn>

- Triển khai đẩy mạnh công tác an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng nhằm quảng bá công ty.

Implementing social security, community support to promote the image of the company.

Trên đây là một số nội dung về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2018 và phương hướng kế hoạch năm 2019, xin báo cáo trước đại hội.

Above are some of the contents of the company's business performance in 2018 and the plan of 2019, that I would like to propose to you.

Thay mặt Hội đồng quản trị công ty, tôi xin chân thành cảm ơn Quý cổ đông đã tin tưởng và gắn bó cùng công ty trong thời gian qua, Hội đồng quản trị cũng xin gửi lời cảm ơn đến lãnh đạo Tổng công ty, các cơ quan hữu quan, các đối tác, doanh nghiệp, các ngân hàng đã tạo điều kiện cho sự thành công của công ty như ngày hôm nay.

On behalf of the Board of Directors, I would like to sincerely thank our shareholders for trusting and standing side by side with the company in the past, and the Board of Directors would also like to thank the Leaders of the Corporation, Relevant agencies, Partners, Businesses, Banks has created favorable conditions for the success of the company like today.

Cuối cùng, tập thể Hội đồng quản trị xin được gửi tới toàn thể Quý vị đại biểu, Quý quan khách, Quý cổ đông lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thịnh vượng, chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Finally, the entire Board of Directors would like to send to all the attendants, guests, shareholders good health, happiness and prosperity, wishing a great success of General Meeting of Shareholders.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF BOARD OF DIRECTORS

CHỦ TỊCH
CHAIRMAN

Nơi nhận:
Recipients:

- Như trên (As above);
- HĐQT, BKS, TGĐ (Board of Directors, Board of Supervision, General Director)
- Thư ký công ty (Company secretary);
- Lưu (Archive).

(đã ký)
(signed)

LÊ HỒNG XANH
LE HONG XANH

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 02 năm 2019

Ho Chi Minh City, February 19, 2019

BÁO CÁO KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CP BIA - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN – TÂY ĐÔ
NĂM 2018

REPORT ON PERFORMANCE SUPERVISION
SAIGON –TAY DO BEER - BEVERAGE
JOINT STOCK COMPANY 2018

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát (BKS) được quy định trong Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Bia – Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô.
Based on the functions and duties of the Board of Supervision (BOS) stipulated in the Charter of Organization and Operation of Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company.
- Căn cứ các quy định về chế độ kế toán và hệ thống chuẩn mực kế toán.
Based on regulations on accounting method and accounting standards system.
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2018 của Công Ty CP Bia – NGK Sài Gòn Tây Đô đã được kiểm toán .
Based on the 2018 audited financial statement of Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company.
- Căn cứ báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2018.
Based on the report on the production and business results of the Company in 2018.
Ban Kiểm soát trình Đại Hội Đồng Cổ Đông (ĐHĐCĐ) kết quả thẩm định báo cáo tài chính và đánh giá hoạt động của Công ty năm 2018 như sau:
The Board of Supervision shall submit to the General Meeting of Shareholders (GMOS) the results of the evaluation of the financial statement and evaluation of the Company's performance in 2018 as follows:

I- THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018:

VERIFICATION OF THE 2018 FINANCIAL STATEMENTS:

Qua xem xét báo cáo tài chính năm 2018 và các hồ sơ có liên quan, Ban kiểm soát thống nhất với số liệu báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018. Các số liệu tài chính này có thể được điều chỉnh theo quyết định quyết toán của cơ quan thuế.

Through review of the 2018 financial statements and related documents, the Supervisory Board agreed with the audited financial statements in 2018. These financial data can be adjusted according to the settlement decision of tax authorities.

1). Tài sản và nguồn vốn tại thời điểm ngày 31/12/2018:

Assets and capital as of December 31, 2018:

- Tổng tài sản	390.055.848.559 đồng(VND)
<i>Total assets:</i>	
+ Tài sản ngắn hạn	150.946.705.429 đồng(VND)
<i>Short-term assets:</i>	
Trong đó:	
Tiền và các khoản tương đương tiền:	10.666.557.885 đồng(VND)
<i>Cash and cash equivalents:</i>	
Các khoản phải thu ngắn hạn:	38.410.779.852 đồng(VND)
<i>Short-term receivables :</i>	
Hàng tồn kho:	43.025.099.819 đồng(VND)
<i>Inventory:</i>	
+ Tài sản dài hạn:	239.109.143.130 đồng(VND)
<i>Long-term assets:</i>	
- Tổng nguồn vốn:	390.055.848.559 đồng(VND)
<i>Total assets:</i>	
+ Nợ phải trả:	91.589.940.967 đồng(VND)
<i>Liabilities:</i>	
Trong đó:	
<i>Of which:</i>	
Phải trả người bán:	15.765.489.584 đồng(VND)
<i>Payables to sellers:</i>	
Thuế và các khoản phải Nhà nước:	56.400.453.769 đồng(VND)
<i>Taxes and amounts payable to the State</i>	
+ Vốn chủ sở hữu:	298.465.907.592 đồng(VND)
<i>Equity:</i>	
Vốn góp của chủ sở hữu:	200.000.000.000 đồng(VND)
<i>Capital contributed by the owner:</i>	
Trong đó:	
<i>Of which:</i>	
Quỹ đầu tư phát triển:	41.451.256.847 đồng(VND)
<i>Development fund:</i>	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:	35.076.650.745 đồng(VND)

Undistributed after-tax profit:

2). Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018:

Annual business results in 2018:

CHỈ TIÊU CRITERIA	ĐVT Unit	KH 2018 PLAN 2018	TH 2018 PLAN 2018	TH/KH Per./Plan
1	2	3	4	5=4/3
1. Sản lượng tiêu thụ bia Beer consumption volume	Lít Liter	61.428.000	53.870.254	88%
- Bia lon 333 333 beer can	Lít Liter	7.370.000	5.097.209	69%
- Bia lon 333 XK Exported 333 beer can	Lít Liter	-	23.760	
- Bia lon lager Larger beer can	Lít Liter	14.390.000	22.093.648	154%
- Bia chai 355 355 beer bottle	Lít Liter	39.668.000	26.655.637	67%
2. Sản lượng tiêu thụ NGK - NTK Consumption of soft drinks, pure water	Lít Liter	3.500.380	3.993.811	114%
+ NGK Soft drinks	Lít Liter		45.936	-
+ NTK Pure water	Lít Liter	3.500.380	3.947.875	113%
3. Tổng doanh thu Total revenue	Đồng Dong	925.783.872.000	880.348.276.789	95%
- Doanh thu thuần Net revenue	Đồng Dong	474.889.577.000	459.038.963.381	97%
4. Tổng chi phí Total costs	Đồng Dong	884.524.482.000	833.755.023.461	94%
- Giá vốn Cost of capital	Đồng Dong	406.766.864.702	390.751.378.319	96%
- Chi phí bán hàng Cost of sales	Đồng Dong	5.936.958.294	4.935.012.851	83%
- Chi phí quản lý Management costs	Đồng Dong	19.931.013.121	21.059.952.923	106%
- Chi phí tài chính Financial expenses	Đồng Dong	4.196.057.780	2.156.277.896	51%
- Thuế TTĐB Special consumption tax	Đồng Dong	447.693.585.759	414.611.194.423	93%
- Chi phí khác Other costs	Đồng Dong		241.207.049	-
5. Thu nhập khác Other incomes	Đồng Dong		424.547.348	
6. Lợi nhuận trước thuế Profit before tax	Đồng Dong	41.259.390.000	47.017.800.676	114%
7. Lợi nhuận sau thuế Profit after tax	Đồng Dong	33.883.416.000	39.964.819.753	118%
8. Tỷ suất LNST/DT thuần Net profit / revenue ratio	%	7,14%	8,71%	122%
9. Tỷ suất LNST/VĐL Net profit / Return ratio	%	16,94%	19,98%	118%
10. Cổ tức được chia Dividends payment	%	15%	15%	

3). Nhận xét, đánh giá:

Evaluation, comment:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2018 là 880,348 tỷ đồng đạt 95% kế hoạch.
Total revenue in 2018 was VND 880,348 billion, reaching 95% of the plan.
- Lợi nhuận trước thuế là 47,017 tỷ đồng đạt 114 % kế hoạch.
Profit before tax was VND 47,017 billion, reaching 114% of the plan.
- Lợi nhuận sau thuế là 39,965 tỷ đồng đạt 118 % kế hoạch.
Profit after tax was VND 39,965 billion, reaching 118% of the plan.
- Kết quả tiêu thụ trong năm 2018: sản phẩm bia đạt 53,870 triệu lít bia chỉ đạt 88% kế hoạch, do Tổng Công ty không nhận hết số lượng hàng trên thông báo lệnh giao hàng đồng nghĩa làm giảm doanh thu , sản phẩm NGK – NTK đạt 3,994 triệu lít đạt 113% kế hoạch.

Consumption results in 2018: beer products reached 53,870 million liters of beer only reached 88% of the plan, because the Corporation did not receive all the number of goods on the notice of delivery orders, which means reducing revenue and beverage and pure water reached 3,994 million liters, reaching 113% of the plan.

- Công ty đã chi tạm ứng cổ tức năm 2018 với tỷ lệ tạm ứng cổ tức là 7%/mệnh giá. Mệnh giá cổ phần: 10.000đ/CP theo Nghị Quyết số 09/NQ/HĐQT/2018 ngày 26 tháng 11 năm 2018

The company has advanced the dividend of 2018 with the dividend advance rate of 7%/par value. The par value of shares: VND 10,000 / share according to Resolution No. 09 / NQ / HĐQT / 2018 dated November 26, 2018

- Sổ sách chứng từ kế toán được lập, ghi chép và lưu trữ đầy đủ

Accounting documents were prepared, recorded and fully archived

- Số liệu báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán bởi Cty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý, phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

The financial statements of the Company have been audited by Nam Viet Auditing and Accounting Financial Consulting Services Co., Ltd (AASCN), the financial statements reflect truthfully, reasonably, in accordance with the standards. Current Vietnamese accounting method and related legal regulations.

II- HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH:

OPERATIONAL ADMINISTRATION ACTIVITIES:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Bia NGK Sài Gòn – Tây Đô tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, điều lệ công ty.

Business and production activities of Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company strictly comply with the provisions of law and Company's Charter.

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường, ban hành các Nghị quyết và quyết định mang tính định hướng cho việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của công ty.

The Board of Directors has held periodic and extraordinary meetings, issued Resolutions and decisions to guide the implementation of the company's production and business plans in 2018.

- Nghị Quyết 02b/NQ/HĐQT/2018 ngày 23 tháng 03 năm 2018 của HĐQT thông qua việc đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết.

Resolution 02b / NQ / HĐQT / 2018 dated March 23, 2018 of the Board of Directors through the registration of securities trading on the trading system for unlisted securities.

- Nghị Quyết 05/NQ/HĐQT/2018 ngày 18 tháng 07 năm 2018 của HĐQT tạm hoãn đăng ký giao dịch chứng khoán trên sàn Upcom và tạm hoãn việc đăng ký Lưu ký chứng khoán.

Resolution 05 / NQ / HĐQT / 2018 dated July 18, 2018 of the Board of Directors postponing the registration of securities trading on the Upcom floor and suspending the securities depository registration.

- HĐQT cũng đã chỉ đạo kịp thời các khó khăn vướng mắc trong quá trình hoạt động kinh doanh tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Giám Đốc điều hành công ty nhằm đảm bảo lợi ích của công ty và các cổ đông.

The Board of Directors has also timely instructed difficulties and difficulties in the business process to create favorable conditions for the Board of Directors to run the company to ensure the interests of the company and its shareholders.

- Ban Điều hành có nhiều nỗ lực tích cực và thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được giao, triển khai tốt các Nghị Quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT đúng tiến độ.

The Board of Management has made a lot of positive efforts and strictly implemented the functions and tasks assigned, well implemented the Resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors on schedule.

III- HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

ACTIVITIES OF THE BOARD OF SUPERVISIONS:

- Tham gia các buổi họp của Hội đồng quản trị, các buổi họp điều hành công ty, giao ban hàng tháng, kiểm tra giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ 2018, Nghị quyết HĐQT.

Participates in meetings of the Board of Management, company executive meetings, monthly briefings, and supervises and monitors the implementation of the Resolution of the General Meeting of Shareholders 2018, Resolution of the Board of Directors.

- Xem xét tính phù hợp các quyết định của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trên cơ sở quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và quy chế quản lý tài chính của đơn vị.

Considering the appropriateness of decisions of the Board of Directors and the Board of Management in managing and operating all production and business activities of the company on the basis of the provisions of the Enterprise Law, the Company's Charter, and Resolution of the GMOS and financial management regulations of the unit.

- Xem xét các báo cáo tài chính định kỳ trên cơ sở các quy định, quy chế Công ty, kiểm tra tính pháp lý của chứng từ nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính thể hiện trên các báo cáo của công ty.

Review the periodic financial statements on the basis of the Company's regulations and regulations, check the legality of the vouchers to assess the truthfulness and reasonableness of financial data shown in the newspapers company report.

IV – PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019:

OPERATION ORIENTATION OF THE BOARD OF SUPERVISION IN 2019:

- Tiếp tục giám sát hoạt động của HĐQT, Ban điều hành trong quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các quy định liên quan khác của Luật doanh nghiệp và pháp luật Nhà nước.

Continue to monitor the activities of the Board of Directors and the Executive Board in managing and operating business activities according to the Resolution of the General Meeting of Shareholders and other relevant provisions of the Enterprise Law and the State law.

- Kiểm soát hoạt động của Công ty, HĐQT theo chức năng nhiệm vụ của BKS.
- Control the activities of the Company, the BOD according to the functions and duties of the Board of Supervision*

- Thực hiện kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất theo đề nghị của cổ đông hoặc HĐQT trong quá trình hoạt động nhằm phòng ngừa rủi ro, đảm bảo Công ty hoạt động theo đúng pháp luật và quy định của Công ty.

- *Perform periodical or extraordinary inspections at the request of shareholders or the Board of Directors in the course of operation to prevent risks, ensure that the Company operates in accordance with the laws and regulations of the Company.*

V- KIẾN NGHỊ:

RECOMMENDATION:

- Công ty cần chủ động quản lý dòng tiền một cách hợp lý để tránh rủi ro mất khả năng thanh toán.

The company should actively manage cash flow reasonably to avoid the risk of insolvency.

- Công ty cần thường xuyên củng cố và hoàn thiện các quy chế, quy trình, quy định và văn bản pháp lý trên cơ sở các quy định hiện hành của pháp luật.

The company should regularly consolidate and perfect regulations, processes, regulations and legal documents on the basis of the current provisions of law.

- Cần theo dõi sát việc thay đổi tỷ lệ lãi suất vay ngắn hạn, dài hạn thường xuyên để có phương án điều chỉnh và tận dụng tiếp tục vay với lãi suất thấp để đáp ứng đủ nguồn vốn cho hoạt động SXKD, thanh toán các khoản nợ và đầu tư của công ty.

It is necessary to closely monitor the change of interest rates of short-term and long-term loans regularly in order to have a plan to adjust and take advantage of borrowing with low interest rates to meet capital sources for production and business activities, payment of debt and investment of the company.

- Xiết chặt định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, chú trọng công tác quản trị, tiết kiệm chi phí trong sản xuất.

Tightening the norms of fuel and material consumption, paying attention to the management, saving costs in production.

- Xây dựng kế hoạch và phương án kinh doanh hiệu quả cho sản phẩm nước uống đóng chai để tăng sản lượng tiêu thụ.

Develop effective business plans and plans for bottled drinking water products to increase consumption.

- Tiến hành niêm yết trên thị trường chứng khoán nhằm tăng tính minh bạch và thanh khoản trên thị trường, từng bước thực hiện tốt việc báo cáo và công bố thông tin cho cổ đông.

Conducting listing on the stock market to increase transparency and liquidity in the market, step by step implementing the reporting and information disclosure for shareholders.

Trên đây là một số nội dung trong quá trình kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát trình Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Above are some of the contents in the supervising process of the Board of Supervision to propose to the General Meeting of Shareholders.

Kính chúc Quý vị Đại biểu, Quý cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.
Wishing Attendants, Shareholders, good health, happiness and success
Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.
Wishing a successful General Meeting of Shareholders
Xin cảm ơn!
Thank you!

TM. BAN KIỂM SOÁT
ON BEHALF OF BOARD OF SUPERVISION

TRƯỞNG BAN
HEAD OF BOS

Nơi nhận:

Recipients:

- Đại hội cổ đông (*GMOS*);
- Lưu BKS (*BOS archives*);
- Lưu Phòng Tổng hợp (*General Dept. archives*)

(đã ký)

(signed)

MAI THỊ BẠCH YẾN
MAI THI BACH YEN

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - NƯỚC
GIẢI KHÁT SÀI GÒN - TÂY ĐÔ
SAIGON –TAY DO BEER -
BEVERAGE
JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness**

*Cần Thơ, ngày 18 tháng 02 năm 2019
Can Tho, February 18, 2019*

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
PROPOSAL TO THE GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS**

***(Về việc Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018)
(Regarding to the Approval of 2018 audited financial statement)***

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Respectfully addressed to: General Meeting of Shareholders

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
Pursuant to Enterprise Law No. 68/2014/QH13 dated November 26, 2014;
- Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô;
Pursuant to the Charter and Code of Conducts of Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company;
- Căn cứ các Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch Vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt(AASCN).
Based on the audited Financial Statement of 2018 by Nam Viet Auditing & Accounting Financial Consulting Services Company Limited (AASCN).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua nội dung sau:

The Board of Directors respectfully propose to the General Meeting of Shareholders for consideration and approval of the following content:

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 của Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô được kiểm toán độc lập bởi Công ty TNHH Dịch Vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt(AASCN), ký ngày 28 tháng 01 năm 2019.

Audited financial statement of 2018 of Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company which was independently audited by Nam Viet Auditing & Accounting Financial Consulting Services Company Limited (AASCN), signed on January 28, 2019

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua.

Respectfully propose to the General Meeting of Shareholders for consideration and approval.

Trân trọng kính chào!

Best regards!

Nơi nhận:

Recipients:

- Như trên (*As above*);
- HĐQT, BKS, TGD (*Board of Directors, Board of Supervision, General Director*)
- Thư ký công ty (*Company secretary*);
- Lưu (*Archive*).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF BOARD OF DIRECTORS
CHỦ TỊCH
CHAIRMAN**

*(Đã ký)
(signed)*

**LÊ HỒNG XANH
LE HONG XANH**



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – NƯỚC GIẢI KHÁT
SÀI GÒN – TÂY ĐÔ**

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
đã được kiểm toán

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – NƯỚC GIẢI KHÁT
SÀI GÒN – TÂY ĐÔ**

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
đã được kiểm toán



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	9 – 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Khái quát

Công ty Cổ Phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô là Công ty Cổ phần được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5703000229 ngày 21 tháng 09 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp và các giấy chứng nhận sửa đổi bổ sung kèm theo.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh mua bán bia, rượu, nước giải khát có gaz và không có gaz, sữa đậu nành, nước trái cây các loại; Kinh doanh, cho thuê văn phòng, kho bãi; Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu công nghiệp Trà Nóc 1, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Hồng Xanh	Chủ tịch
Ông Văn Thanh Liêm	Ủy viên
Ông Nguyễn Việt Tuấn	Ủy viên (đến ngày 22/05/2018)
Bà Nguyễn Thị Hoàng Lan	Ủy viên
Ông Nguyễn Bích Đạt	Ủy viên
Bà Trần Lệ Hoa	Ủy viên (từ ngày 22/05/2018)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Xuân Tộ	Tổng Giám đốc
Ông Trần Công Toại	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Bà Mai Thị Bạch Yến	Trưởng ban
Bà Trần Thị Loan Anh	Thành viên
Ông Đặng Quang Minh	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần
Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô phê duyệt Báo
cáo tài chính cho năm tài chính 2018 của Công ty
được trình bày từ trang 05 đến trang 29 kèm theo

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Lê Hồng Xanh
Chủ tịch

Ngày 19 tháng 01 năm 2019

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Trần Xuân Tộ
Tổng Giám đốc

1-C.T.1
ỦY BAN
VẤN
TOÁN
ÁN
T
CHỈ M

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi:****Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô, được lập ngày 19/01/2019, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt****Phó Giám đốc****Nguyễn Ngọc Tuấn**Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2837-2019-152-1**Kiểm toán viên****Nguyễn Anh Tuấn**Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1559-2018-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 28 tháng 01 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		150.946.705.429	198.318.124.710
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		10.666.557.885	129.428.916.812
1. Tiền	111	V.1	10.666.557.885	2.428.916.812
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	127.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		56.884.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	56.884.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		38.410.779.852	29.628.555.879
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	29.342.276.022	26.831.141.521
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4.953.911.032	943.729.267
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	4.114.592.798	1.900.667.216
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(46.982.125)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	43.025.099.819	35.139.124.429
1. Hàng tồn kho	141		43.025.099.819	35.139.124.429
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.960.267.873	4.121.527.590
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	385.201.228	301.641.586
2. Thuê và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.12	1.575.066.645	3.819.886.004
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		239.109.143.130	266.375.178.989
I. Tài sản cố định	220		223.408.952.381	254.550.762.199
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	223.408.952.381	254.550.762.199
- Nguyên giá	222		507.523.640.616	500.285.771.361
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(284.114.688.235)	(245.735.009.162)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		345.225.405	142.674.587
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	345.225.405	142.674.587
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	5.000.000.000	5.000.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.000.000.000	5.000.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		10.354.965.344	6.681.742.203
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	10.319.635.344	6.681.742.203
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		35.330.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		390.055.848.559	464.693.303.699

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		91.589.940.967	131.863.391.106
I. Nợ ngắn hạn	310		91.589.940.967	131.663.391.106
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	15.765.489.584	6.386.638.074
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	250.066.148	187.764.933
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	56.400.453.769	51.281.900.354
4. Phải trả người lao động	314		8.252.789.304	5.472.152.178
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	939.877.200	1.278.225.497
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	1.547.477.164	1.353.746.853
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	-	59.382.063.808
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.433.787.798	6.320.899.408
II. Nợ dài hạn	330		-	200.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.14	-	200.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		298.465.907.592	332.829.912.593
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	298.465.907.592	332.829.912.593
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.938.000.000	21.938.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		41.451.256.847	55.138.821.759
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		35.076.650.745	55.753.090.834
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		16.018.764.518	30.305.178.513
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		19.057.886.227	25.447.912.321
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		390.055.848.559	464.693.303.699

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thanh Phương

Phan Duy Linh

Trần Xuân Tộ

Ngày 19 tháng 01 năm 2019



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		459.038.963.381	551.896.637.321
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	459.038.963.381	551.896.637.321
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	390.751.378.319	450.575.953.636
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		68.287.585.062	101.320.683.685
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6.698.118.985	6.918.039.133
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.156.277.896	4.728.849.539
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.156.277.896	4.727.659.979
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	4.935.012.851	8.150.218.396
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	21.059.952.923	19.190.630.546
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		46.834.460.377	76.169.024.337
11. Thu nhập khác	31	VI.7	424.547.348	3.687.740.098
12. Chi phí khác	32	VI.8	241.207.049	879.774.759
13. Lợi nhuận khác	40		183.340.299	2.807.965.339
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		47.017.800.676	78.976.989.676
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	7.052.980.923	10.539.165.115
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		39.964.819.753	68.437.824.561
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.653	2.848

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thanh Phương

Phan Duy Linh

Trần Xuân Tộ

Ngày 19 tháng 01 năm 2019



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	958.366.058.501	989.314.557.487
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(386.676.466.527)	(419.536.709.410)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(26.131.841.856)	(29.792.710.885)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(2.194.723.040)	(4.752.419.774)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(4.814.688.116)	(9.680.230.186)
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(485.402.517.763)	(447.571.267.217)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	53.145.821.199	77.981.220.015
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(11.034.148.644)	(6.008.121.827)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	45.454.545	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(108.884.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	52.000.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, lợi nhuận được chia	27	5.334.987.781	5.697.719.689
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(62.537.706.318)	(310.402.138)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	39.938.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	425.119.438.873	393.423.216.235
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(484.501.502.681)	(437.347.597.267)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(49.988.410.000)	(19.945.090.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(109.370.473.808)	(23.931.471.032)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(118.762.358.927)	53.739.346.845
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	129.428.916.812	75.689.569.967
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	10.666.557.885	129.428.916.812

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Trần Thanh Phương

Phan Duy Linh

Trần Xuân Tộ

Ngày 19 tháng 01 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Bia – Nước giải khát Sài Gòn – Tây Đô là công ty cổ phần được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5703000229 ngày 21 tháng 09 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp và các giấy chứng nhận sửa đổi bổ sung kèm theo.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu công nghiệp Trà Nóc 1, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh mua bán bia, rượu, nước giải khát có gaz và không có gaz, sữa đậu nành, nước trái cây các loại; Kinh doanh, cho thuê văn phòng, kho bãi; Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh. Mức trích dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|------------------------------|----------|
| - Nhà xưởng và vật kiến trúc | 8-15 năm |
| - Máy móc thiết bị | 7-12 năm |
| - Phương tiện vận tải | 6-12 năm |
| - Thiết bị quản lý | 3-8 năm |

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức là lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty sẽ được chia cho các cổ đông, cổ tức được ghi nhận theo đề nghị của Hội đồng quản trị trong việc phân phối lợi nhuận trình Đại hội cổ đông.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ..

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phân chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

17. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác

18. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	312.542.281	435.466.675
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.354.015.604	1.993.450.137
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn)	-	127.000.000.000
Cộng	10.666.557.885	129.428.916.812

2. Đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	56.884.000.000	56.884.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	56.884.000.000	56.884.000.000	-	-
Cộng	56.884.000.000	56.884.000.000	-	-

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Cổ phiếu Công ty CP Bia Sài Gòn - Kiên Giang (500.000 cổ phiếu)	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	5.000.000.000	5.000.000.000

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	-	17.485.763.486
Tổng Công ty CP Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn	28.504.068.582	8.746.310.870
Phải thu khách hàng khác	838.207.440	599.067.165
Cộng	29.342.276.022	26.831.141.521

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Phải thu ngắn hạn là các bên liên quan

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	-	17.485.763.486
Tổng Công ty CP Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn	28.504.068.582	8.746.310.870

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty TNHH Cơ Nhiệt Điện lạnh Bách Khoa	4.043.600.000	-
Công ty CP Kỹ thuật và ô tô Trường Long	-	501.300.000
Trả trước cho người bán khác	910.311.032	442.429.267
Cộng	4.953.911.032	943.729.267

5. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tạm ứng	382.296.222	329.640.893
Lãi tiền gửi dự thu	2.583.450.648	1.220.319.444
Phải thu khác	1.148.845.928	350.706.879
Cộng	4.114.592.798	1.900.667.216

6. Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	40.800.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	18.337.581.873	-	14.448.474.027	-
Công cụ, dụng cụ	984.456.088	-	1.572.783.265	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.830.408.819	-	12.522.689.847	-
Thành phẩm	7.872.653.039	-	6.554.377.289	-
Cộng	43.025.099.819	-	35.139.124.429	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	385.201.228	301.641.586
Chi phí trả trước ngắn hạn	385.201.228	301.641.586
b) Chi phí trả trước dài hạn	10.319.635.344	6.681.742.203
Chi phí chai kết, pallet chờ phân bổ	7.137.651.258	4.553.260.000
Chi phí tiền thuê đất (*)	1.239.624.208	1.652.832.280
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.942.359.878	475.649.923
Cộng	10.704.836.572	6.983.383.789

(*) Tiền thuê đất trả trước 15 năm theo hợp đồng số 11/HĐ/TLĐ.KCN ngày 31/05/2007 với thời hạn thuê là 39 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	44.456.049.316	449.187.754.118	6.377.514.494	264.453.433	500.285.771.361
Số tăng trong năm	-	5.736.786.917	1.552.510.909	-	7.289.297.826
- Mua trong năm	-	5.736.786.917	1.552.510.909	-	7.289.297.826
Số giảm trong năm	-	-	51.428.571	-	51.428.571
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	51.428.571	-	51.428.571
Số dư cuối năm	44.456.049.316	454.924.541.035	7.878.596.832	264.453.433	507.523.640.616
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	30.665.991.519	211.822.065.881	2.996.784.779	250.166.983	245.735.009.162
Số tăng trong năm	4.185.827.042	33.398.335.139	832.876.314	4.571.424	38.421.609.919
- Khấu hao trong năm	4.185.827.042	33.398.335.139	832.876.314	4.571.424	38.421.609.919
Số giảm trong năm	-	-	41.930.846	-	41.930.846
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	41.930.846	-	41.930.846
Số dư cuối năm	34.851.818.561	245.220.401.020	3.787.730.247	254.738.407	284.114.688.235
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	13.790.057.797	237.365.688.237	3.380.729.715	14.286.450	254.550.762.199
Tại ngày cuối năm	9.604.230.755	209.704.140.015	4.090.866.585	9.715.026	223.408.952.381

31/12/2018 VND 01/01/2018 VND

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay
 Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

239.704.759.710
 1.237.185.586

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi phí xây dựng dở dang khác	345.225.405	142.674.587
Cộng	345.225.405	142.674.587

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tổng Công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	12.730.293.183	2.679.450.878
Phải trả người bán ngắn hạn khác	3.035.196.401	3.707.187.196
Cộng	15.765.489.584	6.386.638.074

Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tổng Công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	12.730.293.183	2.679.450.878
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	-	1.151.579.980

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Người mua trả tiền trước khác	250.066.148	187.764.933
Cộng	250.066.148	187.764.933

12. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu nhà nước

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2018
a) Phải nộp	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	6.682.340.843	54.269.110.809	53.203.552.447	7.747.899.205
Thuế tiêu thụ đặc biệt	43.591.728.515	414.611.194.423	409.695.713.236	48.507.209.702
Thuế thu nhập cá nhân	1.007.830.996	3.049.142.976	3.911.629.110	145.344.862
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	51.281.900.354	471.932.448.208	466.813.894.793	56.400.453.769

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
b) Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	3.295.496	512.994.235	509.698.739	-
Thuế nhập khẩu	3.231.056	12.963.456	9.732.400	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.813.359.452	7.052.980.923	4.814.688.116	1.575.066.645
Cộng	3.819.886.004	7.578.938.614	5.334.119.255	1.575.066.645

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	-	38.445.144
Chi phí sử dụng hơi bão hòa	939.877.200	993.630.353
Chi phí phải trả khác	-	246.150.000
Cộng	939.877.200	1.278.225.497

14. Phải trả khác

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác	1.547.477.164	1.353.746.853
Kinh phí công đoàn	91.533.057	93.089.436
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	17.353.662	6.639.057
Cổ tức phải trả	66.500.000	54.910.000
Nhận ký quỹ, ký cược	1.296.655.000	1.107.445.000
Phải trả ngắn hạn khác	75.435.445	91.663.360
b) Phải trả dài hạn khác	-	200.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược	-	200.000.000
Cộng	1.547.477.164	1.553.746.853

15. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2018	Trong năm		31/12/2018
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	59.382.063.808	425.119.438.873	484.501.502.681	-
a.1) Vay ngắn hạn	26.429.084.173	425.119.438.873	451.548.523.046	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	26.429.084.173	425.119.438.873	451.548.523.046	-
a.2) Vay dài hạn đến hạn trả	32.952.979.635	-	32.952.979.635	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	32.952.979.635	-	32.952.979.635	-
Cộng	59.382.063.808	425.119.438.873	484.501.502.681	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	104.000.000.000	-	77.851.256.847	71.905.178.513		253.756.435.360
Tăng vốn trong năm trước						
- <i>Trả cổ tức bằng cổ phiếu và thưởng cổ phiếu bằng quỹ đầu tư phát triển</i>	72.800.000.000		(36.400.000.000)	(36.400.000.000)		-
- <i>Phát hành cổ phiếu thường cho người lao động</i>	5.200.000.000			(5.200.000.000)		-
- <i>Tăng vốn bằng tiền</i>	18.000.000.000					18.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần		21.938.000.000				21.938.000.000
Lãi trong năm trước				68.437.824.561		68.437.824.561
Trích các quỹ năm 2017			13.687.564.912	(22.989.912.240)		(9.302.347.328)
Tạm chia cổ tức năm 2017				(20.000.000.000)		(20.000.000.000)
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	21.938.000.000	55.138.821.759	55.753.090.834		332.829.912.593
Lãi trong năm nay				39.964.819.753		39.964.819.753
Phân phối lại các quỹ năm 2017 theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông 2018			(13.687.564.912)	10.265.673.684		(3.421.891.228)
Chia cổ tức năm 2017				(50.000.000.000)		(50.000.000.000)
Tạm chia cổ tức 2018				(14.000.000.000)		(14.000.000.000)
Tạm trích các quỹ năm 2018				(6.906.933.526)		(6.906.933.526)
Số dư cuối năm nay	200.000.000.000	21.938.000.000	41.451.256.847	35.076.650.745		298.465.907.592

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2018	%	01/01/2018	%
	VND		VND	
Tổng công ty CP Bia rượu NGK Sài Gòn	28.815.000.000	14,41	28.815.000.000	14,41
Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Tây	18.918.070.000	9,46	18.918.070.000	9,46
Công ty CP Thương mại Sabeco Sông Tiền	5.525.000.000	2,76	5.525.000.000	2,76
Công ty CP Thương mại Sabeco Sông Hậu	5.525.000.000	2,76	5.525.000.000	2,76
Công ty CP Nước giải khát Chương Dương	11.050.000.000	5,53	11.050.000.000	5,53
Capital Shine Limited	23.162.500.000	11,58	23.162.500.000	11,58
Vốn góp của các đối tượng khác	107.004.430.000	53,50	107.004.430.000	53,50
Cộng	200.000.000.000	100	200.000.000.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	104.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	96.000.000.000
Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Cổ tức đã chia	64.000.000.000	36.400.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		

17. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	Đơn vị tính	31/12/2018	01/01/2018
Nợ khó đòi đã xử lý	VND	46.982.125	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	459.038.963.381	551.896.637.321
Doanh thu thuần bán thành phẩm	454.585.099.727	546.487.116.600
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	279.208.421	265.470.544
Doanh thu thuần khác	4.174.655.233	5.144.050.177
Doanh thu thuần đối với các bên liên quan		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng Công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	448.471.798.497	537.674.430.748
2. Giá vốn hàng bán		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của thành phẩm, dịch vụ đã cung cấp	390.751.378.319	450.575.953.636
Cộng	390.751.378.319	450.575.953.636
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	5.448.118.985	5.418.039.133
Cổ tức được chia	1.250.000.000	1.500.000.000
Cộng	6.698.118.985	6.918.039.133
4. Chi phí tài chính		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	2.156.277.896	4.727.659.979
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	1.189.560
Cộng	2.156.277.896	4.728.849.539

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí cho nhân viên	1.363.067.453	4.065.927.485
Chi phí khấu hao tài sản cố định	292.341.482	116.661.528
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.137.281.384	2.512.597.925
Chi phí bằng tiền khác	1.142.322.532	1.455.031.458
Cộng	4.935.012.851	8.150.218.396

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí cho nhân viên	8.162.414.142	7.790.206.131
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	29.432.750	10.767.469
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.130.718.195	1.142.591.184
Chi phí thuế, phí, lệ phí	88.722.156	95.265.665
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.114.232.743	4.611.987.063
Chi phí bằng tiền khác	6.534.432.937	5.539.813.033
Cộng	21.059.952.923	19.190.630.546

7. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ thanh lý tài sản	35.956.820	3.299.183.624
Thu bồi thường	131.339.637	-
Thu nhập khác	257.250.891	388.556.474
Cộng	424.547.348	3.687.740.098

8. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phạt hành chính	-	597.124.343
Chi phí khác	241.207.049	282.650.416
Cộng	241.207.049	879.774.759

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Theo qui định của luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án đầu tư dây chuyền sản xuất bia công suất 25 triệu lít/năm như sau:

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15% trong 12 năm kể từ ngày nhà máy đi vào hoạt động (tháng 4/2008)
- Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm và giảm 50% cho 7 năm tiếp theo.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ dự án đầu tư mở rộng từ 25 triệu lít lên 40 triệu lít, dự án đầu tư nâng cao công suất của nhà máy bia từ 40 triệu lên 70 triệu lít/năm, thu nhập từ kinh doanh sản xuất nước giải khát, cho thuê kho mặt bằng, tài sản và doanh thu khác chịu thuế suất 20%.

Năm 2018 là năm thứ 7 công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ dự án đầu tư dây chuyền sản xuất bia công suất 25 triệu lít/năm.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được trình bày như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	47.017.800.676	78.976.989.676
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm	(309.164.256)	(337.225.292)
- Các khoản điều chỉnh tăng	940.835.744	1.162.774.708
- Các khoản điều chỉnh giảm	1.250.000.000	1.500.000.000
Tổng lợi nhuận tính thuế	46.708.636.420	78.639.764.384
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	6.991.548.066	10.910.098.378
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	61.432.857	(370.933.263)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.052.980.923	10.539.165.115

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	39.964.819.753	68.437.824.561
Các khoản điều chỉnh	(6.906.933.526)	(12.724.238.556)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(6.906.933.526)	(12.724.238.556)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	33.057.886.227	55.713.586.005
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	20.000.000	19.565.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.653	2.848

Ghi chú: Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm trước đã được điều chỉnh lại do Công ty đã trích bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2018.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	324.358.564.559	363.315.585.162
Chi phí nhân công	37.320.699.266	35.789.248.016
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.421.609.919	37.649.707.301
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.903.964.689	13.467.554.110
Chi phí khác bằng tiền	11.367.500.382	17.211.889.870
Cộng	421.372.338.815	467.433.984.459

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, ngoài các nghiệp vụ với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, công ty có phát sinh các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	274.599.748.966
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	Bên liên quan	Chi phí sử dụng vỏ chai	951.011.916
Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	Bên liên quan	Bán hàng	18.000.000
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	Bên liên quan	Bán hàng	26.056.500
Công ty CP Bia Sài Gòn - Kiên Giang	Bên liên quan	Nhận cổ tức	1.250.000.000

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	4.849.474.983	3.561.754.349

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất bia nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.666.557.885	129.428.916.812	10.666.557.885	129.428.916.812
Phải thu khách hàng và phải thu khác	33.074.572.598	28.355.185.719	33.074.572.598	28.355.185.719
Đầu tư dài hạn khác	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	48.741.130.483	162.784.102.531	48.741.130.483	162.784.102.531
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	-	59.382.063.808	-	59.382.063.808
Chi phí phải trả	939.877.200	1.278.225.497	939.877.200	1.278.225.497
Phải trả người bán	15.765.489.584	6.386.638.074	15.765.489.584	6.386.638.074
Phải trả khác	1.438.590.445	1.460.657.417	1.438.590.445	1.460.657.417
Cộng	18.143.957.229	68.507.584.796	18.143.957.229	68.507.584.796

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý :

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được do không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.

5. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản đảm bảo thế chấp đảm bảo cho các khoản vay vào ngày 31/12/2018. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác vào ngày 31/12/2017 và vào ngày 31/12/2018.

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 1 năm	Cộng
Số cuối năm	18.143.957.229	-	18.143.957.229
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán	15.765.489.584	-	15.765.489.584
Chi phí phải trả	939.877.200	-	939.877.200
Phải trả khác	1.438.590.445	-	1.438.590.445
Số đầu năm	68.307.584.796	200.000.000	68.507.584.796
Các khoản vay	59.382.063.808	-	59.382.063.808
Phải trả người bán	6.386.638.074	-	6.386.638.074
Chi phí phải trả	1.278.225.497	-	1.278.225.497
Phải trả khác	1.260.657.417	200.000.000	1.460.657.417

8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

9. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán. Số liệu này đã được điều chỉnh hồi tố giảm thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm từ năm 2010 đến năm 2013 theo quyết định của Cục thuế thành phố Cần Thơ và trình bày lại để so sánh với số liệu năm nay như sau.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số liệu tại ngày 31/12/2017		
	Số liệu đã phát hành (1)	Số liệu phát hành lại (2)	Chênh lệch (3) = (2) - (1)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	194.504.765.258	198.318.124.710	3.813.359.452
IV. Tài sản ngắn hạn khác	308.168.138	4.121.527.590	3.813.359.452
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	6.526.552	3.819.886.004	3.813.359.452
C. NỢ PHẢI TRẢ	134.144.116.235	131.863.391.106	(2.280.725.129)
I. Nợ ngắn hạn	133.944.116.235	131.663.391.106	(2.280.725.129)
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	53.562.625.483	51.281.900.354	(2.280.725.129)
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	326.735.828.012	332.829.912.593	6.094.084.581
I. Vốn chủ sở hữu	326.735.828.012	332.829.912.593	6.094.084.581
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	49.659.006.253	55.753.090.834	6.094.084.581

10. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Trần Thanh Phương

Ngày 19 tháng 01 năm 2019

Kế toán trưởng



Phan Duy Linh

Tổng Giám đốc



Trần Xuân Tộ



**SAI GON - TAY DO
BEER – BEVERAGE JOINT STOCK COMPANY**

Audited Financial Statements
for the year ended as at 31 December 2018

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)**

Địa chỉ ĐKKD: 29 Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Tel: 028. 3910 4881
Địa chỉ giao dịch: 26 Nguyễn Huy Tự, P. Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Tel: 028. 3910 4881/ 3820 6881 - Fax: 028. 3820 6881

**SAI GON - TAY DO
BEER – BEVERAGE JOINT STOCK COMPANY**

Audited Financial Statements
for the year ended as at 31 December 2018

TABLE OF CONTENTS

CONTENTS	PAGES
REPORT OF THE BOARD OF MANAGEMENT	2 – 3
INDEPENDENT AUDITORS' REPORT	4
AUDITED FINANCIAL STATEMENTS	
Balance sheet	5 – 6
Income Statement	7
Cash Flows statement	8
Notes to the Financial Statements	9 – 29

REPORT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

The Board of Management of Sai Gon - Tay Do Beer – Beverage Joint Stock Company (the “Company”) present this report and the Company’s financial statements for the year ended at 31 December 2018.

THE COMPANY

Sai Gon - Tay Do Beer – Beverage Joint Stock Company was established under Business Licence No 5703000229 dated 21 September 2006 and the certificate of registration of revised business granted by the Department of Planning and Investment of Can Tho City and the certificate of amendment attached.

The principal activities of the Company: Manufacture and whole sale of alcoholic and non-alcoholic beverages, soybean milk, fruit juice, office and warehouse lease and domestic travel services.

The Company’s head office is located at Tra Noc 1 Industrial Zone, Binh Thuy District, Can Tho City.

Events after the reporting period

There have been no significant events occurring after the reporting period, which would require adjustment or disclosures to be made in the consolidated financial statements.

The member of the Board of Directors, the Board of Management and the Board of Supervisors during the period and as at the date of this report are:

The Board of Directors

Mr. Le Hong Xanh	Chairman
Mr. Van Thanh Liem	Member
Mr. Nguyen Viet Tuan	Member (resigned on 22/05/2018)
Ms. Nguyen Thi Hoang Lan	Member
Mr. Nguyen Bich Dat	Member
Ms. Tran Le Hoa	Member (appointed on 22/05/2018)

The Board of Management

Mr. Tran Xuan To	General Director
Mr. Tran Cong Toai	Deputy General Director

The Board of Supervisors

Ms. Mai Thi Bach Yen	Head of the Board
Ms. Tran Thi Loan Anh	Member
Mr. Dang Quang Minh	Member

AUDITORS

Nam Viet Auditing and Accounting Financial Consulting Services Company Limited (AASCN) have performed the audit on the company’s financial statements for this fiscal year.

REPORT OF THE BOARD OF MANAGEMENT (continued)

STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT'S RESPONSIBILITY IN RESPECT OF THE FINANCIAL STATEMENTS

The Board of Management is responsible for the financial statement of the fiscal year which give true and fair view of the state of affairs of the Company and of its results for the fiscal year. In preparing those accounts, the Board of Management is required to:

- Select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- Make judgments and estimates that are reasonable and prudent;
- Prepare the financial statements on the basis of compliance with accounting standards and system and other related regulations;
- Prepare the financial statements on going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue in business.

The Board of Management is responsible for ensuring that proper accounting records are kept which disclosed, with reasonable accuracy at any time, the financial position of Company and to ensure that the accounting records comply with the registered accounting system. It is responsible for safeguarding the assets of the Company and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities

We, the Board of Management, confirm that the financial statements for the fiscal year ended December 31, 2018 prepared by us, give a true and fair view of the financial position as at December 31, 2018, its operation results and Cash Flows in the year 2018 of Company accordance with the Vietnamese Accounting System and comply with relevant statutory requirements.

Approval of Financial Statements

We, the Board of Directors of Sai Gon - Tay Do Beer – Beverage Joint Stock Company approved the financial statement for the fiscal year ended 31/12/2018 of the company which were prepared on pages 05 to 29

On behalf of the Board of Directors

On behalf of the Board of Management



Le Hong Xanh
Chairman

Date: January 19th, 2019


Tran Xuan To
General Director

INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT

To: Shareholders, The Board of Directors and the Board of Management of
Sai Gon - Tay Do Beer – Beverage Joint Stock Company

We have audited the Financial Statements of Sai Gon - Tay Do Beer – Beverage Joint Stock Company prepared on 19 January 2019, as set out on pages 05 to page 29, including Balance sheet as at 31 December 2018, the Income Statement, the Cash flow Statement for the year then ended and the Notes to the Financial Statement.

The Board of Management's responsibility

The Board of Management is responsible for the preparation and fair presentation of these Financial Statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System and applicable regulations in Vietnam. This responsibilities includes: designing, implementing and maintaining internal controls relevant to the preparation and fair presentation of financial statements that are free from material misstatement, where due to fraud or error.

Auditor's responsibility

Our responsibility is to express an opinion on these financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit in order to obtain reasonable assurance as to whether the financial statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the financial statements. The procedures selected depend on the auditor's judgment, including an assessment of the risks of material misstatement of the financial statements, whether due to fraud or an error. In making those risk assessments, the auditor considers internal controls relevant to the entity's preparation of the financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the entity's internal controls. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting estimates made by management, as well as evaluating the overall presentation of these financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provides a reasonable basis for our audit opinion.

Opinion

In our opinion, the accompanying financial statements give a true and fair view, in all material respects, of the financial position of Sai Gon - Tay Do Beer – Beverage Joint Stock Company as at 31 December 2018, and of the results of its operations and its cash flows for the year then ended in accordance with the Vietnamese Accounting Standards and Vietnamese Accounting System and comply with relevant statutory requirements in preparation and presentation of the financial statements.

**Nam Viet Auditing and Accounting Financial
Consulting Services Co., Ltd. (AASCN)**

Deputy Director



Nguyen Ngoc Tuan

Registered Auditor No: 2837-2019-152-1

Auditor

Nguyen Anh Tuan

Registered Auditor No: 1559-2018-152-1

Ho Chi Minh City, date 28th January, 2019

BALANCE SHEET
As at 31 December 2018

Unit: VND

ASSETS	Code	Note	31/12/2018	01/01/2018
A. CURRENT ASSETS	100		150.946.705.429	198.318.124.710
I. Cash and cash equivalents	110		10.666.557.885	129.428.916.812
1. Cash	111	V.1	10.666.557.885	2.428.916.812
2. Cash equivalents	112		-	127.000.000.000
II. Short-term investments	120		56.884.000.000	-
1. Held-to-maturity investments	123	V.2	56.884.000.000	-
III. Short-term accounts receivable	130		38.410.779.852	29.628.555.879
1. Short-term trade receivable	131	V.3	29.342.276.022	26.831.141.521
2. Advances to suppliers	132	V.4	4.953.911.032	943.729.267
3. Other short-term receivables	136	V.5	4.114.592.798	1.900.667.216
4. Provisions for short-term bad debts	137		-	(46.982.125)
IV. Inventory	140	V.6	43.025.099.819	35.139.124.429
1. Inventory	141		43.025.099.819	35.139.124.429
2. Provision for devaluation of inventory	149		-	-
V. Other current assets	150		1.960.267.873	4.121.527.590
1. Short-term prepaid expenses	151	V.7	385.201.228	301.641.586
2. Taxes and other receivables from State	153	V.12	1.575.066.645	3.819.886.004
B. NON- CURRENT ASSETS	200		239.109.143.130	266.375.178.989
I. Fixed assets	220		223.408.952.381	254.550.762.199
1. Tangible fixed assets	221	V.8	223.408.952.381	254.550.762.199
- Cost	222		507.523.640.616	500.285.771.361
- Accumulated depreciation	223		(284.114.688.235)	(245.735.009.162)
II. Long-term assets in progress	240		345.225.405	142.674.587
1. Long-term construction in progress	242	V.9	345.225.405	142.674.587
III. Long-term investments	250	V.2	5.000.000.000	5.000.000.000
1. Equity investments in other entities	253		5.000.000.000	5.000.000.000
IV. Other long-term assets	260		10.354.965.344	6.681.742.203
1. Long-term prepaid expenses	261	V.7	10.319.635.344	6.681.742.203
2. Long-term work in progress	263		35.330.000	-
TOTAL ASSETS	270		390.055.848.559	464.693.303.699

BALANCE SHEET (continued)

As at 31 December 2018

Unit: VND

RESOURCE	Code	Note	31/12/2018	01/01/2018
C. LIABILITIES	300		91.589.940.967	131.863.391.106
I. Current liabilities	310		91.589.940.967	131.663.391.106
1. Short-term trade payables	311	V.10	15.765.489.584	6.386.638.074
2. Short-term advances from customers	312	V.11	250.066.148	187.764.933
3. Statutory obligations	313	V.12	56.400.453.769	51.281.900.354
4. Payables to employees	314		8.252.789.304	5.472.152.178
5. Short-term accrued expenses	315	V.13	939.877.200	1.278.225.497
6. Other short-term payables	319	V.14	1.547.477.164	1.353.746.853
7. Short-term loans and finance lease	320	V.15	-	59.382.063.808
8. Bonus and welfare fund	322		8.433.787.798	6.320.899.408
II. Long-term liabilities	330		-	200.000.000
1. Other long-term payables	337	V.14	-	200.000.000
D. OWNER'S EQUITY	400		298.465.907.592	332.829.912.593
I. Capital	410	V.16	298.465.907.592	332.829.912.593
1. Share capital	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Ordinary shares with voting rights	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
- Preference shares	411b		-	-
2. Share capital surplus	412		21.938.000.000	21.938.000.000
3. Investment and development fund	418		41.451.256.847	55.138.821.759
4. Undistributed earnings	421		35.076.650.745	55.753.090.834
- Undistributed earnings up to the end of prior year-end	421a		16.018.764.518	30.305.178.513
- Undistributed earnings of current period	421b		19.057.886.227	25.447.912.321
TOTAL RESOURCE	440		390.055.848.559	464.693.303.699

Prepared by

Tran Thanh Phuong

January 19th, 2019

Chief Accountant

Phan Duy Linh

General Director



Tran Xuan To

INCOME STATEMENT

Year 2018

Unit: VND

Item	Code	Note	Current year	Previous year
1. Revenue from sale of goods and rendering of services	01		459.038.963.381	551.896.637.321
2. Deductible items	02		-	-
3. Net revenue from sale of goods and rendering of services	10	VI.1	459.038.963.381	551.896.637.321
4. Cost of goods sold	11	VI.2	390.751.378.319	450.575.953.636
5. Gross profit from sale of goods and rendering of services	20		68.287.585.062	101.320.683.685
6. Revenue from financial activities	21	VI.3	6.698.118.985	6.918.039.133
7. Financial expenses	22	VI.4	2.156.277.896	4.728.849.539
<i>In which: Interest expense</i>	23		2.156.277.896	4.727.659.979
8. Selling expenses	24	VI.5	4.935.012.851	8.150.218.396
9. Administrative expenses	25	VI.6	21.059.952.923	19.190.630.546
10. Net profit from operating activities	30		46.834.460.377	76.169.024.337
11. Other income	31	VI.7	424.547.348	3.687.740.098
12. Other expense	32	VI.8	241.207.049	879.774.759
13. Other profit	40		183.340.299	2.807.965.339
14. Total profit before tax	50		47.017.800.676	78.976.989.676
15. Current business income tax expenses	51	VI.9	7.052.980.923	10.539.165.115
16. Deferred business income tax expenses	52		-	-
17. Profit after tax	60		39.964.819.753	68.437.824.561
18. Earnings per Share	70	VI.10	1.653	2.848

Prepared by

Chief Accountant

General Director



Tran Thanh Phuong

Phan Duy Linh

Tran Xuan To

January 19th, 2019

CASH FLOWS STATEMENT

Year 2018

Unit: VND

Item	Code	Current year	Previous year
I. Cash flows from operating activities			
1. Gains from sales of goods, service provisions and other gains	01	958.366.058.501	989.314.557.487
2. Payments to suppliers	02	(386.676.466.527)	(419.536.709.410)
3. Payments to employees	03	(26.131.841.856)	(29.792.710.885)
4. Loan interests paid	04	(2.194.723.040)	(4.752.419.774)
5. Payments for corporate income tax	05	(4.814.688.116)	(9.680.230.186)
6. Other disbursements	07	(485.402.517.763)	(447.571.267.217)
Net cash flows from operating activities	20	53.145.821.199	77.981.220.015
II. Cash flow from investing activities			
1. Purchase of fixed assets and other long-term	21	(11.034.148.644)	(6.008.121.827)
2. Proceeds from disposals of fixed assets and other	22	45.454.545	-
3. Loans to other entities and purchase of debt instruments of other entities	23	(108.884.000.000)	-
4. Repayment from borrowers and proceeds from sales of debt instruments of other entities	24	52.000.000.000	-
5. Interest, dividends and profit received	27	5.334.987.781	5.697.719.689
Net cash flows from investing activities	30	(62.537.706.318)	(310.402.138)
III. Cash flows from financing activities			
1. Gains from stock issuance and capital contributions from shareholders	31	-	39.938.000.000
2. Long-term and short-term borrowings received	33	425.119.438.873	393.423.216.235
3. Loan repayment	34	(484.501.502.681)	(437.347.597.267)
4. Dividends and profit shared to the owners	36	(49.988.410.000)	(19.945.090.000)
Net cash flows from financing activities	40	(109.370.473.808)	(23.931.471.032)
Net cash flows within the period	50	(118.762.358.927)	53.739.346.845
Cash and cash equivalents at the beginning of year	60	129.428.916.812	75.689.569.967
Cash and cash equivalents at the end of year	70	10.666.557.885	129.428.916.812

Prepared by



Tran Thanh Phuong

January 19th, 2019

Chief Accountant



Phan Duy Linh

General Director




Tran Xuan To

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

Year 2018

I. BACKGROUND

1. Type of ownership

Sai Gon - Tay Do Beer – Beverage Joint Stock Company was established under Business Licence No 5703000229 dated 21 September 2006 and the certificate of registration of revised business granted by the Department of Planning and Investment of Can Tho City and the certificate of amendment attached.

The Company's head office is located at Tra Noc 1 Industrial Zone, Binh Thuy District, Can Tho City.

2. Business sector

The Company's business sector are production, trade and service.

3. Principal activity

The principal activities of the Company: Manufacture and whole sale of alcoholic and non-alcoholic beverages, soybean milk, fruit juice, office and warehouse lease and domestic travel services.

4. Operating period

The normal operating period: 12 months.

II. ACCOUNTING PERIOD AND ACCOUNTING MONETARY UNIT

1. Accounting period

Annual accounting period commences from January 1st and ends on December 31st.

2. Accounting monetary unit

The Company maintains its accounting records in Vietnam dong (VND)

III. ACCOUNTING STANDARDS AND ACCOUNTING SYSTEM

1. Accounting system

The Company is applying Vietnamese Accounting System promulgated together with Circular No. 200/2014/TT/BTC dated 22/12/2014 issued by the Ministry of Finance.

2. Announcement on compliance with Vietnamese accounting standards and accounting system

The company applies Vietnamese Accounting Standards and supplement documents issued by the State. Financial statements are prepared in accordance with regulations of each standard and supplement documents as well as with current accounting system.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

IV. ACCOUNTING POLICY

1. The exchange rate applied in the accounting

Transactions in foreign currencies are converted into Vietnam dong at the actual exchange rate at the time of the transaction.

Actual exchange rates when assessing the monetary assets and liabilities denominated in foreign currencies at the date of the financial statements: As the exchange rate announced by commercial banks where regular business transactions in accordance with the following principles:

- Actual exchange rates when revaluation of monetary items denominated in foreign currencies are classified as assets: The purchase of foreign currency exchange rates of the commercial banks where regular business transactions at the time of making Financial report. For foreign currency accounts in banks, the real exchange rate when the revaluation is the buying rate of the bank where businesses open foreign currency accounts.

- Actual exchange rates when revaluation of monetary items denominated in foreign currencies are classified as liabilities is the rate of sale of foreign currency by commercial banks at the time the financial statements;

Foreign exchange differences arising in the period actual and exchange rate differences due to revaluation of balance of monetary items at the end of the period are recorded into income or financial expenses in the period.

2. Cash and cash equivalents

Cash and cash equivalents comprise cash on hand, cash in banks and short-term investments with an original maturity of less than three months that are readily convertible into known amount of cash and that are subject to an insignificant risk of change in value sine date of purchase of such invesments at the time of reporting.

3. Recognition of financial investment

Investments in equity instruments of other entities reflects the equity investments, the Company has no control, joint control or significant influence on the investment.

Investments in equity instruments of other entities are stated at original cost, less provision for investments.

Securities investment at the balance sheet date, if:

- Having maturity not over than 3 months from the date of acquisition are recognised as “cash equivalents”
- Having maturity less than 1 year/1 operating cycle are recognised as short-term assets
- Having maturity over than 1 year/1 operating cycle are recognised as long-term assets

Provisions for devaluation of investments are made based on the excess of original cost in accounting books over their market value at year-end.

4. Recognition of trade receivables and other receivables

Receivables are presented in the financial statements at the carrying amounts due from customers and other debtors, after provision for doubtful debts.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

The provision for doubtful debts represented amounts of outstanding receivables at the balance sheet date which are doubtful of being recovered. Increases and decreases to the provision balance are recorded as general and administrative expense in income statement.

The level of provisioning for overdue receivables should comply with the guidance in Circular 228/2009 / TT-BTC as follows:

- 30% of the value of overdue receivables from 6 months to 1 year.
- 50% of the value of overdue receivables from 1 year to less than 2 years.
- 70% of the value of overdue receivables from 2 years to less than 3 years.
- 100% of the value of overdue receivables from 3 years upwards.

5. Principle of evaluating inventories

Inventories are stated at original cost. The cost of inventories should comprise all costs of purchase, costs of conversion and other costs incurred in bringing the inventories to their present location and condition.

The cost of inventory at the year-end is calculated by weighted average method.

The Corporation applies the perpetual method to record inventory.

Provisions for inventory obsolescence made at the end of the year are the excess of original cost of inventory over their net realizable value.

6. Recording principle of tangible and intangible fixed assets

Fixed assets are stated at the original cost. During the using time, fixed assets are recorded at cost, accumulated depreciation and net book value.

Depreciation is provided on a straight-line basis. Depreciation period is estimated as follows:

- | | |
|---------------------------|------------|
| - Building and structures | 8-15 years |
| - Machinery & equipment | 7-12 years |
| - Means of transportation | 6-12 years |
| - Office equipment | 3-8 years |

7. Recognition and allocation of prepaid expenses

Prepaid expenses only related to present fiscal year are recognised as short-term prepaid expenses and are recorded into operating costs.

The calculation and allocation of long-term prepaid expenses to profit and loss account in the period should be based on nature of those expenses to choose reasonable method and allocated factors. Prepaid expenses are allocated partly into operating expenses on a straight-line basis.

8. Recognition of trade payables and other payables

Trade payables and other payables are stated at the original cost.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

9. Recognition and capitalization of borrowing costs

Borrowing costs are recognized into operating costs during the period, except for which directly attributable to the acquisition, construction or production of a qualifying asset included (capitalized) in the cost of that asset, when gather sufficient conditions as regulated in SAV No. 16 "Borrowing costs".

Borrowing costs that are directly attributable to the acquisition, construction or production of a qualifying asset should be included (capitalized) in the cost of that asset, includes interest on borrowings, amortization of discounts or premiums relating to issuing bonds and ancillary costs incurred in connection with the arrangement of borrowings.

10. Recognition of accrued expenses

Expenses not yet occurred may be charged in advance into production and operating costs in order to ensure when these expenses arise, they do not make material influence on production and operating costs on the basis of suitability between revenue and cost. When these expenses arise, if there is any difference with the amount charged, accountants additionally record or make decrease to cost equivalent to the difference.

11. Owner's equity

Owner's equity are recognised by the real contributed capital.

Dividends are profit after tax of the Company will be distributed to shareholders, dividends are recognized at the proposal of the Board of Directors for distribution of profit The Shareholders' Meeting.

12. Recognition of revenue

Revenue from sale of goods

Revenue from sale of goods should be recognized when all the following conditions have been satisfied:

- The significant risks and rewards of ownership of the goods have been transferred to the buyer;
- The Company retains neither continuing managerial involvement as a neither owner nor effective control over the goods sold;
- The amount of revenue can be measured reliably;
- The economic benefits associated with the transaction of goods sold have flown or will flow to the Company;
- The costs incurred or to be incurred in respect of the transaction of goods sold can be measured reliably

Revenue from rendering of services

Revenue from rendering of services is recognized when the outcome of that transaction can be measured reliably. Where a transaction involving the rendering of services is attributable to several periods, each period's revenue should be recognized by reference to the stage of completion at the balance sheet date. The outcome of a transaction can be estimated reliably when all the following conditions are satisfied:

- The amount of revenue can be measured reliably;
- It is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the Company;
- The stage of completion of the transaction at the balance sheet date can be measured reliably;
- The costs incurred for the transaction and the costs to complete the transaction can be measured reliably

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

Financial income

Income from interest, royalties and dividends and other financial income earned by the Company should be recognised when these two conditions are satisfied:

- It is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the Company;
- The amount of the income can be measured reliably.

Dividends should be recognised when the Company's right to receive payment is established or right to receive profits from the capital contribution

13. Recognition cost of goods sold

Cost of goods sold reflects the cost value of products, goods and services sold in the period.

Provision for devaluation inventories is charged to cost of goods sold on the basis of the amount of inventories and the difference between the net value realizable lower than the cost of inventories. When determining the amount of inventory devaluation should make provision, accountants must exclude inventory volume has signed contracts on sales (net worth not less than the realizable value book) but not yet transferred to the customer if there is solid evidence regarding the customer will not give up the contract performance.

14. Principles and methods of recoding financial expenses

Expenses are recorded in financial expense consist of: Expenses or losses relating to financial investment activities; Expenses of capital lending and borrowing; Expenses of joint ventures, cooperation, losses relating transfer of short-term securities, transaction expenses selling of securities; Provision for impairment of trading securities, investment loss reserves in other units, losses incurred when selling foreign currency, exchange rate losses...

15. Principles of selling expenses, administrative expenses

Selling expenses reflect the actual costs incurred during the sale of products, goods and service providers, including the costs of offers, product descriptions, product advertising, sales commissions, cost of product warranties, goods (except construction activity), the costs of preservation, packaging, shipping, ...

Corporate management costs reflects the cost of the overall management of the business, including the cost of staff salaries enterprise management department (salaries, wages, allowances, ...); social insurance, medical insurance, trade union fees, unemployment insurance of enterprise management personnel; office material costs, labor tools, depreciation of fixed assets used for business management; land rents and excises; Clause provision for bad debts; hired services (electricity, water, telephone, fax, property insurance, fire ...); Other cash costs (reception, customer conferences ...)

16. Principles and method of recording current income tax expense, deferred income tax expense

Current income tax expense is calculated basing on taxable profit and income tax rate applied in the current year.

Deferred income tax expense is calculated basing on deductible temporary differences, taxable temporary differences and income tax rate. Deferred income tax should be recognized for all temporary differences, and deferred tax assets are only recognized when it is probable that taxable profits in the future to deduct temporary differences

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

17. Segment reporting

Segment reporting included business segment and geographic segment.

Business segment: Currently, production and business activities of the company, primal focused on a group of mechanical products. This is not a enterprises activity leather industry, supply many products and services group. Therefore, the Board of Directors decided not to apply for department reporting by business area.

Geographic segment: The company's products are mainly sold in the same geographic segment area, there is no significant difference in economic benefits or bear the risk. Therefore, the Board of Directors decided not to apply for department reporting by geographic area

18. Financial instruments

Initial recognition

Financial assets

At the first date of recognition, a financial asset is measured at its fair value, plus transaction costs that are directly attributable to the acquisition of that financial asset.

The Company's financial assets include cash and short-term deposits, trade and other receivables, loan receivables and investments.

Financial liabilities

At the first date of recognition, a financial liability is measured at its fair value, minus transaction costs that are directly attributable to the issue of financial liability.

The Company's financial liabilities include trade and other payables and loans.

Offsetting of financial instruments

Financial assets and financial liabilities are offset and the net amount reported in the balance sheet if and only if:

- i. There is a currently enforceable legal right to offset the recognised amounts; and
- ii. There is an intention to settle on a net basis or to realise the assets and settle the liabilities simultaneously

19. Related parties

The parties are considered to be related if one party has the ability to control or significantly influence the other party in the decision-making of financial policies and activities.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

V. ADDITIONAL INFORMATION TO ITEMS IN BALANCE SHEET

1. Cash and cash equivalents

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Cash on hand	312.542.281	435.466.675
Cash in bank	10.354.015.604	1.993.450.137
Cash equivalents (term-deposit at bank)	-	127.000.000.000
Total	10.666.557.885	129.428.916.812

2. Financial investments

a) Investments held to maturity

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Cost	Book value	Cost	Book value
Book value	56.884.000.000	56.884.000.000	-	-
Term deposits	56.884.000.000	56.884.000.000	-	-
Total	56.884.000.000	56.884.000.000	-	-

b) Equity investments in other entities

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Sai Gon - Kien Giang Beer Joint Stock Company (500.000 Shares)	5.000.000.000	5.000.000.000
Total	5.000.000.000	5.000.000.000

3. Short-term trade receivable

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Sai Gon - Ha Tinh Beer Company Limited	-	17.485.763.486
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corporation	28.504.068.582	8.746.310.870
Others	838.207.440	599.067.165
Total	29.342.276.022	26.831.141.521

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

Related Parties

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Sai Gon - Ha Tinh Beer Company Limited	-	17.485.763.486
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corporation	28.504.068.582	8.746.310.870

4. Short-term advance to suppliers

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Refrigeration electrical engineering Bach Khoa co.,ltd	4.043.600.000	-
Truong Long Engineering and Auto JSC	-	501.300.000
Others	910.311.032	442.429.267
Total	4.953.911.032	943.729.267

5. Other receivables

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Advances	382.296.222	329.640.893
Receivables from interest	2.583.450.648	1.220.319.444
Others receivables	1.148.845.928	350.706.879
Total	4.114.592.798	1.900.667.216

6. Inventories

	31/12/2018		01/01/2018	
	Original cost	Provision	Original cost	Provision
	VND	VND	VND	VND
Goods in transit	-	-	40.800.000	-
Raw material	18.337.581.873	-	14.448.474.027	-
Tools, supplies	984.456.088	-	1.572.783.265	-
Work in process	15.830.408.819	-	12.522.689.847	-
Finished goods	7.872.653.039	-	6.554.377.289	-
Total	43.025.099.819	-	35.139.124.429	-

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

7. Prepaid expenses

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Sort-term Prepaid expenses	385.201.228	301.641.586
Others	385.201.228	301.641.586
b) Long-term Prepaid expenses	10.319.635.344	6.681.742.203
Bottle material expenses yet to be apportioned	7.137.651.258	4.553.260.000
Land rental fee (*)	1.239.624.208	1.652.832.280
Others	1.942.359.878	475.649.923
Total	10.704.836.572	6.983.383.789

(*) Prepaid land rental expenses paid in advance of 15 years per the contract No 11/HD/TLD.KCN dated on May 31st 2007 with a 39-year term lease.

2138
CÔNG
NHIỆM
H VỤ T
HÌNH T
KIỂM
NAM V
TP. H

FINANCIAL STATEMENTS
For the fiscal year ended 31/12/2018

Unit: VND

	Building and structures	Machinery and equipment	Means of transportation	Office equipment	Total
Original cost					
Opening balance	44,456,049.316	449,187,754.118	6,377,514.494	264,453.433	500,285,771.361
Increase	-	5,736,786.917	1,552,510.909	-	7,289,297.826
- Purchases	-	5,736,786.917	1,552,510.909	-	7,289,297.826
Decrease	-	-	51,428.571	-	51,428.571
- Liquidating, disposing	-	-	51,428.571	-	51,428.571
Closing balance	44,456,049.316	454,924,541.035	7,878,596.832	264,453.433	507,523,640.616
Accumulated depreciation					
Opening balance	30,665,991.519	211,822,065.881	2,996,784.779	250,166.983	245,735,009.162
Increase	4,185,827.042	33,398,335.139	832,876.314	4,571.424	38,421,609.919
- Depreciation within period	4,185,827.042	33,398,335.139	832,876.314	4,571.424	38,421,609.919
Decrease	-	-	41,930.846	-	41,930.846
- Liquidating, disposing	-	-	41,930.846	-	41,930.846
Closing balance	34,851,818.561	245,220,401.020	3,787,730.247	254,738.407	284,114,688.235
Net book value					
Opening	13,790,057.797	237,365,688.237	3,380,729.715	14,286.450	254,550,762.199
Closing	9,604,230.755	209,704,140.015	4,090,866.585	9,715.026	223,408,952.381

2.956.224.895	-	239.704.759.710
		1.237.185.586

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

9. Long-term construction in progress

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Others	345.225.405	142.674.587
Total	345.225.405	142.674.587

10. Trade payable

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corporation	12.730.293.183	2.679.450.878
Others	3.035.196.401	3.707.187.196
Total	15.765.489.584	6.386.638.074

Related Parties

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corporation	12.730.293.183	2.679.450.878
Sai Gon - Ha Tinh Beer Company Limited	-	1.151.579.980

11. Short-term advances from customers

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Others	250.066.148	187.764.933
Total	250.066.148	187.764.933

12. Tax and statutory obligations

	01/01/2018	Payable	Paid	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
a) Payable				
Value added tax	6.682.340.843	54.269.110.809	53.203.552.447	7.747.899.205
Special sales tax	43.591.728.515	414.611.194.423	409.695.713.236	48.507.209.702
Personal Income tax	1.007.830.996	3.049.142.976	3.911.629.110	145.344.862
Other taxes	-	3.000.000	3.000.000	-
Total	51.281.900.354	471.932.448.208	466.813.894.793	56.400.453.769

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

	01/01/2018	Payable	Paid	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
b) Receivables				
Import's value added tax	3.295.496	512.994.235	509.698.739	-
Import, export tax	3.231.056	12.963.456	9.732.400	-
Corporate Income tax	3.813.359.452	7.052.980.923	4.814.688.116	1.575.066.645
Total	3.819.886.004	7.578.938.614	5.334.119.255	1.575.066.645

13. Accrued expenses

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Accrued bond and loan interests	-	38.445.144
The cost of using saturation vapour	939.877.200	993.630.353
Other accrued expenses	-	246.150.000
Total	939.877.200	1.278.225.497

14. Other payables

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Short-term	1.547.477.164	1.353.746.853
Trade union payable	91.533.057	93.089.436
Social insurance	17.353.662	6.639.057
Dividend payables	66.500.000	54.910.000
Deposits	1.296.655.000	1.107.445.000
Others payables	75.435.445	91.663.360
b) Long-term	-	200.000.000
Deposits	-	200.000.000
Total	1.547.477.164	1.553.746.853

15. Loans and finance lease

	01/01/2018	Year 2018		31/12/2018
	Cost VND	Increase VND	Decrease VND	Cost VND
a) Short-term loans	59.382.063.808	425.119.438.873	484.501.502.681	-
a.1) Short-term loans	26.429.084.173	425.119.438.873	451.548.523.046	-
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade (*)	26.429.084.173	425.119.438.873	451.548.523.046	-
a.2) Current portion of long-term loan	32.952.979.635	-	32.952.979.635	-
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade	32.952.979.635	-	32.952.979.635	-
Total	59.382.063.808	425.119.438.873	484.501.502.681	-

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

16. Owner's equity

a) Increase and decrease in owner's equity

	Contributed legal capital	Share capital surplus	Investment and development fund	Profit after tax retained	Total
					Unit: VND
Beginning balance of previous year	104.000.000.000	-	77.851.256.847	71.905.178.513	253.756.435.360
Increase in capital					
- <i>Paid dividends in the form of stock and distributed incentive stock options issued from the research and development fund</i>	72.800.000.000		(36.400.000.000)	(36.400.000.000)	-
- <i>Issued incentive stock options to employees</i>	5.200.000.000			(5.200.000.000)	-
- <i>Increase capital in cash</i>	18.000.000.000				18.000.000.000
Share capital surplus		21.938.000.000			21.938.000.000
Profit of the previous year				68.437.824.561	68.437.824.561
Distribute the funds in 2017			13.687.564.912	(22.989.912.240)	(9.302.347.328)
Dividend advance in 2017				(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
Ending balance of previous year	200.000.000.000	21.938.000.000	55.138.821.759	55.753.090.834	332.829.912.593
Profit of the current year				39.964.819.753	39.964.819.753
Redistribute the funds in 2017			(13.687.564.912)	10.265.673.684	(3.421.891.228)
Dividend advance in 2017				(50.000.000.000)	(50.000.000.000)
Dividend advance in 2018				(14.000.000.000)	(14.000.000.000)
Distribute the funds in 2018				(6.906.933.526)	(6.906.933.526)
Ending balance of current year	200.000.000.000	21.938.000.000	41.451.256.847	35.076.650.745	298.465.907.592

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

b) Details of owner's invested capital

	31/12/2018 VND	%	01/01/2018 VND	%
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corporation	28.815.000.000	14,41	28.815.000.000	14,41
Western Saigon Beer Joint Stock Company	18.918.070.000	9,46	18.918.070.000	9,46
Tien river Saigon Beer Trading Joint Stock Company	5.525.000.000	2,76	5.525.000.000	2,76
Hau River Saigon Beer Trading Joint Stock Company	5.525.000.000	2,76	5.525.000.000	2,76
Chuong Duong Beverages Joint Stock Company	11.050.000.000	5,53	11.050.000.000	5,53
Capital Shine Limited	23.162.500.000	11,58	23.162.500.000	11,58
Others	107.004.430.000	53,50	107.004.430.000	53,50
Total	200.000.000.000	100	200.000.000.000	100

c) Capital transactions with owners and distribution of dividends and profits

	Current year VND	Previous year VND
Owner's invested capital		
At the beginning of year	200.000.000.000	104.000.000.000
Increase in the year	-	96.000.000.000
At year end	200.000.000.000	200.000.000.000
Distributed dividends and profit	64.000.000.000	36.400.000.000

d) Shares

	31/12/2018 Shares	01/01/2018 Shares
Registered number of shares issued	20.000.000	20.000.000
Number of shares sold to the public	20.000.000	20.000.000
- Common shares	20.000.000	20.000.000
Number of shares acquired	-	-
Number of shares in issue	20.000.000	20.000.000
- Common shares	20.000.000	20.000.000
- Par value of shares in issue: 10.000 VND		

17. Off-Balance Sheet Accounts

	Unit	31/12/2018	01/01/2018
Bad debts written off	VND	46.982.125	-

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

VI. ADDITIONAL INFORMATION OF ITEMS PRESENTED IN THE INCOME STATEMENT

	Current year VND	Previous year VND
1. Net revenue from sale of goods and rendering of services	459.038.963.381	551.896.637.321
Net revenue from sale of finished goods	454.585.099.727	546.487.116.600
Net revenue from rendering of services	279.208.421	265.470.544
Others	4.174.655.233	5.144.050.177
Related Parties		
	Current year VND	Previous year VND
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corporation	448.471.798.497	537.674.430.748
2. Cost of goods sold		
	Current year VND	Previous year VND
Cost of finished goods and services	390.751.378.319	450.575.953.636
Total	390.751.378.319	450.575.953.636
3. Financial income		
	Current year VND	Previous year VND
Interest income	5.448.118.985	5.418.039.133
Dividend income	1.250.000.000	1.500.000.000
Total	6.698.118.985	6.918.039.133
4. Financial expenses		
	Current year VND	Previous year VND
Interest expenses	2.156.277.896	4.727.659.979
Loss from sale of foreign currencies	-	1.189.560
Total	2.156.277.896	4.728.849.539

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

5. Selling expenses

	Current year VND	Previous year VND
Salary expenses	1.363.067.453	4.065.927.485
Depreciation expenses	292.341.482	116.661.528
Expenses for external service	2.137.281.384	2.512.597.925
Others	1.142.322.532	1.455.031.458
Total	4.935.012.851	8.150.218.396

6. Administrative expenses

	Current year VND	Previous year VND
Salary expenses	8.162.414.142	7.790.206.131
Expenses of raw materials, materials, tools	29.432.750	10.767.469
Depreciation expenses	1.130.718.195	1.142.591.184
Tax expenses, fees and charges	88.722.156	95.265.665
Expenses for external service	5.114.232.743	4.611.987.063
Others	6.534.432.937	5.539.813.033
Total	21.059.952.923	19.190.630.546

7. Other income

	Current year VND	Previous year VND
Income from liquidating, disposing	35.956.820	3.299.183.624
Income from compensation	131.339.637	-
Others	257.250.891	388.556.474
Total	424.547.348	3.687.740.098

8. Other expense

	Current year VND	Previous year VND
Administrative penalty	-	597.124.343
Others	241.207.049	282.650.416
Total	241.207.049	879.774.759

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

9. Current corporate income tax expenses

Per the corporate tax law, the company receives several tax incentives in regards to the project of the alcoholic beverage production line with the projected efficiency of 25 million liters/ year as follow:

- The corporate income tax rate for the company is 15% applied for the period of twelve years since the date the factory goes into business (April 2008)
- Exempt from corporate income tax for three years and a reduction of 50% in the payable tax liability for the next 7 years.

The corporate tax rate of 20% applies to revenue received from the project of upgrading the production line from 25 million liter/year to 40 million liter/year; project of upgrading the efficiency of the alcoholic beverage manufacture factory from 40 million liter/year to 70 million liter/year; for the income derived from revenue received from manufacturing non-alcoholic beverage; revenue received from warehouse lease, other asset rentals and other income

The year 2018 is the seventh year in which the company receives a 50% reduction in their payable corporate income tax for the income derived from the project of construction of the alcoholic beverage production line with the projected efficiency of 25 million liter/year.

The Company's tax settlements are subject to examination by the tax authorities. Because the application of tax laws and regulations to many types of transactions is susceptible to varying interpretations, amounts reported in the financial statements could be changed at a later date upon final determination by the tax authorities.

A summary of CIT computation is presented below:

	Current year VND	Previous year VND
Total profit before tax	47.017.800.676	78.976.989.676
Adjustments	(309.164.256)	(337.225.292)
- Increase	940.835.744	1.162.774.708
- Decrease	1.250.000.000	1.500.000.000
Total taxable profits	46.708.636.420	78.639.764.384
Corporation income tax expenses	6.991.548.066	10.910.098.378
Adjustment of tax expenses in previous years	61.432.857	(370.933.263)
Current corporation income tax expenses	7.052.980.923	10.539.165.115

10. Earnings per share

	Current year VND	Previous year VND
Profit after corporate income tax	39.964.819.753	68.437.824.561
Adjustments	(6.906.933.526)	(12.724.238.556)
- Increase	-	-
- Decrease (deduction for bonus and welfare funds)	(6.906.933.526)	(12.724.238.556)
Net profit attributable to ordinary shareholders	33.057.886.227	55.713.586.005
Weighted average number of ordinary shares	20.000.000	19.565.000
Earnings per share	1.653	2.848

Note: Earnings per share of the previous year have been adjusted since the company redistribute the bonus and welfare fund in accordance with the Resolution of the General Meeting of Shareholders in 2018.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

11. Productions cost by items

	Current year VND	Previous year VND
Raw materials cost	324.358.564.559	363.315.585.162
Labor cost	37.320.699.266	35.789.248.016
Depreciation expenses	38.421.609.919	37.649.707.301
Expenses from external services	9.903.964.689	13.467.554.110
Other expenses	11.367.500.382	17.211.889.870
Total	421.372.338.815	467.433.984.459

VII. OTHER INFORMATION

1. The events arising after end of accounting period

The Board of Management confirms that no significant events arising after the closing of accounting books financial statements are required to be adjusted or published financial statements.

2. Information about related parties

During the year, beside the transactions with related parties have been presented in the above sections, the company has had the following transactions with the related parties:

Related parties	Relationship	Transaction content	Amount (VND)
Saigon Beer – Alcohol – Beverage Corporation	Related parties	Purchase of materials	274.599.748.966
Saigon Beer Trading One Member Company Limited	Related parties	Cost of using the bottle	951.011.916
Tien river Saigon Beer Trading Joint Stock Company	Related parties	Sales	18.000.000
Western Saigon Beer Joint Stock Company	Related parties	Sales	26.056.500
Sai Gon - Kien Giang Beer Joint Stock Company	Related parties	Dividend	1.250.000.000

Income of The Board of Directors, The Board of Management and the Board of Supervisors as below:

	Current year VND	Previous year VND
Salaries, bonuses and others	4.849.474.983	3.561.754.349

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

3. Segment reporting

Business segment

Currently, production and business activities of the company primal focused on beer production. Therefore, the Company decided not to apply for department reporting by business area.

Geographic segment

The company's products are mainly sold in Vietnam. Therefore, the Company decided not to apply for department reporting by geographic area.

4. Fair value of financial asset and liability

	Fair Value		Book Value	
	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Financial asset				
Cash and cash equivalent	10.666.557.885	129.428.916.812	10.666.557.885	129.428.916.812
Trade receivable and other receivable	33.074.572.598	28.355.185.719	33.074.572.598	28.355.185.719
Equity investments in other entities	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Total	48.741.130.483	162.784.102.531	48.741.130.483	162.784.102.531
Financial liability				
Loans	-	59.382.063.808	-	59.382.063.808
Accrued expenses	939.877.200	1.278.225.497	939.877.200	1.278.225.497
Trade payable	15.765.489.584	6.386.638.074	15.765.489.584	6.386.638.074
Other payable	1.438.590.445	1.460.657.417	1.438.590.445	1.460.657.417
Total	18.143.957.229	68.507.584.796	18.143.957.229	68.507.584.796

Fair value of financial assets and financial liabilities are stated at the value of financial instruments which can be converted in a current transaction between the parties fully understand and wish to take transaction.

Method and the following assumptions are used to estimate fair value:

Cash, bank deposits, accounts receivable, accounts payable and other short-term liabilities largely approximates with book value due to short-term maturity of these tools.

The fair value of loans and other long-term liabilities are estimated by discounting future cash flows at the interest rate applicable to the debt characteristics and remaining maturities similar.

The fair value of financial liabilities is equivalent to the book value due to the impact of discounting is not significant.

5. Collateral

As at 31/12/2018 and 31/12/2017, the Company has mortgaged fixed assets and long-term investments to guarantee the loan of banks (note V.8, V.15) . The Company does not hold the collateral of other entities as at 31/12/2017 and 31/12/2018.

6. Credit risk

Credit risk is the risk that partners will not perform its obligations under the provisions of a financial instrument or contract leading to financial losses. Company has credit risk from its business activities (primarily accounts receivable for customers) and from its own financial operations, including bank deposits and other financial instruments.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

Account receivable

The management of customer credit risk based on company policies, procedures and process control of the Company relating to the management of customers credit risk.

Customer receivables which are unpaid are regularly monitored. The analysis of the ability to be made redundant at the reporting date on the basis of each large customer. On this basis, Company does not have risk of credit concentration.

Bank deposits

Most bank deposits of Company shall be deposited at the prestigious banks in Vietnam. The company found that concentrations of credit risk for bank deposits are low.

7. Liquidity risk

Liquidity risk is the risk that Company has difficulty in complete the financial obligations due to lack of capital. Liquidity risk of the Company arises mainly due to mismatch in the maturities of financial assets and financial liabilities.

Company manage liquidity risk through maintaining the ratio of cash and cash equivalents at the level that Board of Management thought its sufficient to provide financial support for the business of Company and to minimize impact of changing cash flows.

Information maturities of financial liabilities of the Company based on the value without discounting payments under the contract as follows:

	Under 01 year	Over 01 year	Total
Closing Balance	18.143.957.229	-	18.143.957.229
Loans	-	-	-
Trade payable	15.765.489.584	-	15.765.489.584
Accrued expenses	939.877.200	-	939.877.200
Other payable	1.438.590.445	-	1.438.590.445
Opening Balance	68.307.584.796	200.000.000	68.507.584.796
Loans	59.382.063.808	-	59.382.063.808
Trade payable	6.386.638.074	-	6.386.638.074
Accrued expenses	1.278.225.497	-	1.278.225.497
other payable	1.260.657.417	200.000.000	1.460.657.417

8. Market risk

Market risk is the risk that fair value or future value of cash flows from financial instruments will fluctuate with changing of market prices. Market risk includes three types: foreign currency risk, interest rate risk and other price risk.

Foreign currency risk

Foreign currency risk is the risk that fair value or future cash flows of financial instruments will fluctuate with changes in the exchange rate.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

Interest rate risk

Interest rate risk is the risk that fair value or future cash flows of a financial instrument will fluctuate due to changes of market interest rates. The risk of changes in market interest rates of the Company primarily related to short-term deposits and loans.

The Company manages interest rate risk by closely monitoring market conditions relevant, by that Company will determine the appropriate interest rate policy for risk limited purpose Company.

9. Comparative figures

The comparative figures are those taken from the accounts for the year ended 31 December, 2017 which were audited. The comparative figures have been retrospectively by the decreases the Corporate income tax in the year 2010 to 2013 by decision of Can Tho City Tax Department and present to compare with this period as follows.

BALANCE SHEET

	As at 31/12/2017		
	As previously reported (1)	Reclassified (2)	Difference (3) = (2) - (1)
A . CURRENT ASSETS	194.504.765.258	198.318.124.710	3.813.359.452
IV. Other current assets	308.168.138	4.121.527.590	3.813.359.452
2. Taxes and other receivables from State	6.526.552	3.819.886.004	3.813.359.452
C. LIABILITIES	134.144.116.235	131.863.391.106	(2.280.725.129)
I. Current liabilities	133.944.116.235	131.663.391.106	(2.280.725.129)
3. Statutory obligations	53.562.625.483	51.281.900.354	(2.280.725.129)
D. OWNER'S EQUITY	326.735.828.012	332.829.912.593	6.094.084.581
I. Capital	326.735.828.012	332.829.912.593	6.094.084.581
4. Undistributed earnings	49.659.006.253	55.753.090.834	6.094.084.581

10. Going concern

In this year, no activities or events arising that significantly affect the ability of going concern of Company. Therefore, the financial statements of the Company are prepared on the basis of going concern assumption.

Prepared by



Tran Thanh Phuong

January 19th, 2019

Chief Accountant



Phan Duy Linh

General Director



Tran Xuan To

TỜ TRÌNH PROPOSAL

(V/v: Phân phối lợi nhuận & trích lập các quỹ, chia cổ tức năm 2018)
(Regarding to profits distribution and contingency funds, dividend payment for 2018)

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Respectfully addressed to : General Meeting of Shareholders

- Căn cứ vào điều lệ Công ty Cổ phần Bia-NGK Sài Gòn - Tây Đô;
- Based on the charter of Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company;
- Căn cứ vào Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 được thông qua tại Đại hội cổ đông;
- Based on the production and business plan of 2018 approved at the General Meeting of Shareholders;
- Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh năm 2018;
- Based on the production and business performance in 2018;

Báo cáo Đại Hội đồng Cổ đông việc Phân phối lợi nhuận & trích lập các quỹ, chia cổ tức năm 2018.

Report the General Meeting of Shareholders on profits distribution, contingency funds, dividend payment for 2018.

ĐVT: Đồng
Unit: Dong

STT (Sr.)	CHỈ TIÊU (CRITERIA)	2018				TỶ LỆ TH 2018/KH 2018 (Per. 2018/Plan 2018) (%)
		%	KẾ HOẠCH (PLAN)	%	THỰC HIỆN (PERFORMANCE)	
1	Lợi nhuận trước thuế Profit before tax		41,259,390,000		47,017,800,676	113.96
	Trong đó: - Lợi nhuận từ sản xuất Bia-NGK&NTK In which: - Profit from Beer - beverage & pure water production		41,259,390,000		47,017,800,676	113.96
2	Lợi nhuận vượt kế hoạch Profit exceeded the plan		-		6,081,403,753	
3	Thuế TNDN phải nộp Corporate income tax payable		7,375,974,000		7,052,980,923	95.62
4	Lợi nhuận sau thuế Profit after tax		33,883,416,000		39,964,819,753	117.95
5	Các khoản giảm trừ từ lợi nhuận sau thuế Deductions from after-tax profits		-		-	
6	Lợi nhuận còn lại để phân phối Profit remaining for distribution		33,883,416,000		39,964,819,753	117.95
+	Trích các quỹ Contingency funds		5,082,512,400		6,906,933,526	135.90
-	Quỹ khen thưởng phúc lợi Bonus and welfare	10	3,388,341,600	10	3,996,481,975	117.95
-	Quỹ khen thưởng HĐQT, BKS và BĐH Bonus fund for BOD, BOS and BOM	3	1,016,502,480	3	1,198,944,593	117.95
-	Quỹ an sinh xã hội (*) Social security fund (*)	2	677,668,320	2	799,296,395	117.95
7	Quỹ khen thưởng vượt KH (15%/LNVKH) Bonus fund for exceeding the plan (15% / the profit exceeded the plan	15	(**)	15	912,210,563	

STT (Sr.)	CHỈ TIÊU (CRITERIA)	2018				TỶ LỆ TH 2018/KH 2018 (Per. 2018/Plan 2018) (%)
		%	KẾ HOẠCH (PLAN)	%	THỰC HIỆN (PERFORMANCE)	
8	Lợi nhuận còn lại năm 2018 chưa phân phối <i>The remaining profit of 2018 has not yet been distributed</i>		28,800,903,600		33,057,886,227	114.78
9	Tổng LN còn lại phân phối <i>Gross profit remaining distribution</i>		44,819,668,118		49,076,650,745	109.50
-	LN còn lại chưa phân phối các năm trước <i>The remaining profit has not been distributed in previous years</i>		16,018,764,518		16,018,764,518	100.00
-	LN còn lại chưa phân phối năm 2018 <i>The remaining profit has not been distributed in 2018</i>		28,800,903,600		33,057,886,227	114.78
10	Chia cổ tức năm <i>Dividend payment</i>	15	30,000,000,000	15	30,000,000,000	100.00
11	Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ <i>Dividend ratio/charter capital</i>		15%		15%	100.00
12	Lợi nhuận lũy kế còn giữ lại <i>Accumulated profits are retained</i>		14,819,668,118		19,076,650,745	128.73

- (*): Quỹ an sinh xã hội dùng để khen thưởng cho các đơn vị và cá nhân (trong và kể cả đơn vị ngoài Cty) đã tham gia vào hỗ trợ, giúp đỡ cho HĐSXKD của Cty và thực hiện các công tác an sinh xã hội tại địa phương.

Social security fund is used to reward units and individuals (inside and outside the company) has participated in support, help for business activities of the company and implement social security activities in the locality.

- (**): Thưởng vượt kế hoạch : sẽ được tính theo tỷ lệ % của phần chênh lệch giữa Lợi nhuận thực hiện và Lợi nhuận kế hoạch năm (nếu có) : đề nghị chi 15% của phần lợi nhuận vượt kế hoạch.

Bonus fund for exceeding the plan: will be calculated according to the percentage of the difference between the real profit and Annual plan profit (if any): propose to spend 15% of the profit exceeding the plan.

Cần Thơ, ngày 18 tháng 02 năm 2019
Can Tho, February 18, year 2019
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF BOARD OF DIRECTORS
CHỦ TỊCH
CHAIRMAN

(đã ký)
(signed)

Lê Hồng Xanh
Le Hong Xanh

CTY CP BIA - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN - TÂY ĐÔ
TDBECO
SAIGON - TAY DO BEER - BEVERAGE JSC
TDBECO

Số:/2019/TT-HĐQT
No:/2019/TT-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

TỜ TRÌNH PROPOSAL

(V/v: Kế hoạch Phân phối lợi nhuận & trích lập các quỹ, chia cổ tức năm 2019)
(Regarding to profits distribution and contingency funds, dividend payment for 2019)

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Respectfully addressed to : General Meeting of Shareholders

- Căn cứ vào điều lệ Công ty Cổ phần Bia-NGK Sài Gòn - Tây Đô;
- Based on the charter of Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company;
- Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh năm 2018;
- Based on the production and business performance in 2018;
- Căn cứ vào Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.
- Based on the production and business performance in 2019;

Báo cáo Đại Hội đồng Cổ đông việc Kế hoạch phân phối lợi nhuận & trích lập các quỹ, chia cổ tức năm 2019.

Report the General Meeting of Shareholders on profits distribution, contingency funds, dividend payment for 2019.

DVT: Đồng
Unit: Dong

STT (Sr.)	CHỈ TIÊU (CRITERIA)	2018		2019		TỶ LỆ KH 2019/TH 2018 (Plan 2019/Per. 2018) (%)
		%	THỰC HIỆN (PERFORMANCE)	%	KẾ HOẠCH (PLAN)	
1	Lợi nhuận trước thuế Profit before tax		47,017,800,676		45,116,621,043	95.96
	Trong đó: - Lợi nhuận từ sản xuất Bia-NGK-NTK In which: - Profit from Beer - beverage & pure water production		47,017,800,676		45,116,621,043	95.96
2	Lợi nhuận vượt kế hoạch Profit exceeded the plan		6,081,403,753		-	-
3	Thuế TNDN phải nộp Corporate income tax payable		7,052,980,923		9,023,324,209	127.94
4	Lợi nhuận sau thuế Profit after tax		39,964,819,753		36,093,296,835	90.31
5	Các khoản giảm trừ từ lợi nhuận sau thuế Deductions from after-tax profits		-		-	
6	Lợi nhuận còn lại để phân phối Profit remaining for distribution		39,964,819,753		36,093,296,835	90.31
+	Trích các quỹ Contingency funds		6,906,933,526		4,331,195,620	62.71
-	Quỹ khen thưởng phúc lợi Bonus and welfare	10	3,996,481,975	7	2,526,530,778	63.22

STT (Sr.)	CHỈ TIÊU (CRITERIA)	2018		2019		TỶ LỆ KH 2019/TH 2018 (Plan 2019/Per. 2018) (%)
		%	THỰC HIỆN (PERFORMANCE)	%	KẾ HOẠCH (PLAN)	
-	Quỹ khen thưởng HĐQT, BKS và BDH <i>Bonus fund for BOD, BOS and BOM</i>	3	1,198,944,593	3	1,082,798,905	90.31
-	Quỹ an sinh xã hội (*) <i>Social security fund (*)</i>	2	799,296,395	2	721,865,937	90.31
7	Quỹ khen thưởng vượt KH (15%/LNVKH) <i>Bonus fund for exceeding the plan (15%/the profit exceeded the plan</i>	15	912,210,563	15	(**)	
8	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối <i>The remaining profit has not yet been distributed</i>		33,057,886,227		31,762,101,215	96.08
9	Tổng nguồn chưa phân phối <i>Total unallocated source</i>		49,076,650,745		50,838,751,960	103.59
-	Lợi nhuận sau thuế các năm trước <i>Profit after tax in previous years</i>		16,018,764,518		19,076,650,745	119.09
-	Lợi nhuận sau thuế năm nay <i>Profit after tax this year</i>		33,057,886,227		31,762,101,215	96.08
10	Chia cổ tức <i>Dividend payment</i>	15	30,000,000,000	15	30,000,000,000	100.00
11	Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ <i>Dividend ratio/charter capital</i>		15%		15%	100.00
12	Lợi nhuận lũy kế còn lại chưa phân phối <i>The remaining accumulated profit has not yet been distributed</i>		19,076,650,745		20,838,751,960	109.24

- (*): Quỹ an sinh xã hội dùng để khen thưởng cho các đơn vị và cá nhân (trong và kể cả đơn vị ngoài Cty) đã tham gia vào hỗ trợ, giúp đỡ cho HĐSXKD của Cty và thực hiện các công tác an sinh xã hội tại địa phương.

Social security fund is used to reward units and individuals (inside and outside the company) has participated in support, help for business activities of the company and implement social security activities in the locality.

- (**): Thưởng vượt kế hoạch sẽ được tính theo tỷ lệ % của phần chênh lệch giữa Lợi nhuận thực hiện và Lợi nhuận kế hoạch năm (nếu có): đề nghị chi 15% của phần lợi nhuận vượt kế hoạch.

Bonus fund for exceeding the plan will be calculated according to the percentage of the difference between the real profit and Annual plan profit (if any): propose to spend 15% of the profit exceeding the plan.

Cần Thơ, ngày 18 tháng 02 năm 2019
Can Tho, February 18, 2019
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF BOARD OF DIRECTORS
CHỦ TỊCH
CHAIRMAN

(đã ký)
(signed)

Lê Hồng Xanh
Le Hong Xanh

Cần Thơ, ngày 18 tháng 02 năm 2019

Can Tho, February 18, 2019

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
(Thông qua kết quả thực hiện đầu tư, xây dựng cơ bản năm 2018)

PROPOSAL TO THE GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS
(Approval of the investment results, basis construction in 2018)

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông
Respectfully addressed to: General Meeting of Shareholders

Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ thông qua kết quả thực hiện đầu tư, xây dựng cơ bản năm 2018 như sau:

The Board of Directors proposes to the General Meeting of Shareholders to approve the results of investment and basic construction in 2018 as follows:

(ĐVT: Đồng)

(Unit: Dong)

TT (Sr.)	Tên dự án/Hạng mục đầu tư (Project name/Investment item)	Mục tiêu đầu tư (Investment objectives)	Tổng mức đầu tư (Total investment)	Đã giải ngân đến 31/12/2018 (Disbursed to December 31, 2018)	Thời gian hoàn thành (Completion time)
A	Dự án chuyển tiếp: Transition projects:				
1	Máy soi chai rỗng cho d/c chiết chai 16.500 chai/giờ <i>Empty Bottle Inspection line (EBI) for 16,500 bottles /h</i>	Đầu tư đồng bộ theo y/c TCT <i>Synchronous investment at the request of the Corporation</i>	4.776.323.100	4.873.744.620	Đã đưa vào SX, (chênh lệch do tỷ giá) <i>Has been put into use, difference due to exchange rate</i>
2	Hợp đồng dịch vụ lắp đặt, đào tạo vận hành máy soi chai <i>Contract for the installation, training for the operation of EBI</i>	Đầu tư đồng bộ theo y/c TCT <i>Synchronous investment at the request of the Corporation</i>	423.000.000	423.000.000	Đã đưa vào SX <i>Has been put into use</i>
3	Đầu tư mới: <i>Newly investment:</i> - 3 tank bia trong 10.000 hl. Three beer tanks in 10,000 hl. - Tank chứa bia đuôi đầu, đuôi cuối hệ lọc bia. Tank for the first beer extraction, and last exaction of beer filtering system. - Thay áo hơi đáy nồi mal, gạo. Replacement of steam bag of	Đầu tư đồng bộ, tăng hiệu suất hệ thống lọc bia <i>Synchronous investment, increase the efficiency of beer filtration systems</i>	10.109.000.000	4.043.600.000	Nghiệm thu trong tháng 02/2019 <i>Acceptance test in February 2019</i>

TT (Sr.)	Tên dự án/Hạng mục đầu tư (Project name/Investment item)	Mục tiêu đầu tư (Investment objectives)	Tổng mức đầu tư (Total investment)	Đã giải ngân đến 31/12/2018 (Disbursed to December 31, 2018)	Thời gian hoàn thành (Completion time)
	<i>malt, rice boiler.</i>				
4	Thiết bị phân tích O ₂ , CO ₂ trong bia (TPO) <i>Equipment for analyzing O₂, CO₂, etc. in beer (TPO)</i>	Đầu tư chiều sâu theo y/c TCT <i>Synchronous investment at the request of the Corporation</i>	493.350.000	493.350.000	Đã đưa vào SD <i>Has been put into use</i>
5	Mua 01 xe tải, tải trọng 15 tấn <i>Buy 01 truck, load of 15 tons</i>	Phục vụ SXKD <i>Serves for business operation</i>	1.671.000.000	1.671.000.000	Đã đưa vào SD <i>Has been put into use</i>
	Tổng giá trị phần dự án chuyển tiếp 2017: <i>The total value of the 2017 transitional projects:</i>		17.472.673.100	11.504.694.620	
B	Dự án đầu tư mới: <i>Newly investment projects:</i>				
6	Nâng công suất máy chiết chai lên 18.000 ch/h <i>Increasing capacity of bottle extraction machine to 18,000 bottles / h</i>	Nâng công suất d/c chiết <i>Increase the capacity of the extraction line</i>	282.150.000	282.150.000	Đã đưa vào SD <i>Has been put into use</i>
7	Mua đầu dò độ dẫn điện hệ CIP tank, thiết bị phân tích CO ₂ <i>Buying CIP tank conductivity probe, O₂ analyzer</i>	Đầu tư chiều sâu <i>In depth investment</i>	311.896.200	311.896.200	Đã đưa vào SD <i>Has been put into use</i>
8	Mua kết, vỏ chai 355 <i>Buying bottles holder, 355 bottles for production</i>	Phục vụ SXKD <i>Serves for business operation</i>	1.340.000.000	1.340.000.000	Đã đưa vào SD <i>Has been put into use</i>
9	Đầu tư 2 bộ trao đổi nhiệt và phụ kiện gia nhiệt nước 60°C cấp cho 2 máy thanh trùng chai, lon <i>Investing in 2 heat exchangers and 60°C water heating accessories for 2 bottle, can sterilizers</i>	Tiết kiệm năng lượng <i>Energy saving</i>	1.000.000.000	983.000.000	Đang lắp đặt <i>Being installed</i>
10	Đại tu máy nén khí ZT 55 <i>Major maintenance of ZT55 air compressor</i>	Phục vụ SX <i>Serves for business operation</i>	600.000.000	-	Chưa thực hiện <i>Not yet implemented</i>
11	Trung tu hệ thống máy lạnh trung tâm <i>Maintenance of central</i>	Sửa chữa và dự phòng <i>Repair and</i>	500.000.000	-	Chưa thực hiện <i>Not yet</i>

TT (Sr.)	Tên dự án/Hạng mục đầu tư (Project name/Investment item)	Mục tiêu đầu tư (Investment objectives)	Tổng mức đầu tư (Total investment)	Đã giải ngân đến 31/12/2018 (Disbursed to December 31, 2018)	Thời gian hoàn thành (Completion time)
	<i>refrigeration system</i>	<i>backup</i>			<i>implemented</i>
12	Thay mái tole xưởng nấu, xưởng động lực; Thay tole sáng, sơn epoxy đáy tank LM <i>Changing the stainless steel roof of cooker, epoxy painting on the bottom of fermentation tank</i>	Sửa chữa nhà xưởng <i>Repair the factory</i>	354.283.730	354.283.730	Đã đưa vào SD <i>Has been put into use</i>
13	Mua mới màn hình điều khiển máy chiết lon <i>Buying new controlling monitor of the can extraction line</i>	Thay thế thiết bị cũ hư hỏng <i>Replace damaged old equipment</i>	978.598.897	293.579.669	Chờ lắp đặt <i>Waiting for installation</i>
14	Mua mới bơm tuần hoàn nồi sôi hoa <i>Buying new circulating pump of boil pot</i>	Đồng bộ theo cấu hình mới <i>Synchronize according to the new configuration</i>	272.800.000	272.800.000	Đã đưa vào SD <i>Has been put into use</i>
15	Thi công móng đỡ 3 tank chứa; 2 tank đuôi đầu, đuôi cuối; Sơn sửa, cải tạo các phòng ban <i>Construction of foundation for 03 storage tanks, 02 tank for first beer extraction, and last exaction, painting, renovating of departments</i>	Đầu tư, sửa chữa nhà xưởng <i>Investing and repairing factories</i>	393.535.492	393.535.492	Đã đưa vào SD <i>Has been put into use</i>
16	Đầu tư hệ van lấy mẫu vi sinh Aseptic <i>Newly investment of Aseptic microbial sampling valve system</i>	Đầu tư theo cấu hình thiết bị của TCT <i>According to the Corporation's configurations</i>	847.000.000	254.100.000	Chờ thời điểm lắp đặt <i>Waiting for installation</i>
17	Mua mới 5 bộ con lăn cán nắp F506 để sử dụng lon mỏng, nắp mỏng <i>Buying 05 rollers F506 for can, thin cap</i>	Đầu tư theo yêu cầu của TCT <i>According to the Corporation's requirement</i>	424.600.000	127.380.000	Chờ lắp đặt (Tháng 05/2019) <i>Waiting for installation (May, 2019)</i>
18	Mua thiết bị phủ bóng chai <i>Buying equipment for polishing the outside of the beer bottles</i>	Đầu tư theo yêu cầu của TCT <i>According to the Corporation's requirement</i>	165.000.000	49.500.000	Đã đưa vào SD <i>Has been put into use</i>
	Tổng giá trị phần dự án đầu tư mới 2018: <i>Total value of new investment projects 2018:</i>		7.469.864.319	4.662.225.091	
	TỔNG CỘNG (đầu tư chuyển tiếp và đầu tư mới): <i>TOTAL (transitional investment and new investment):</i>		24.942.537.419	16.166.919.711	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Respectfully propose to the General Meeting of Shareholders for consideration and approval.

Trân trọng kính chào!

Best regards!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
ON BEHALF OF BOARD OF DIRECTORS
CHAIRMAN**

Nơi nhận (Recipients):

- Như trên (*As above*);
- HĐQT, BKS, TGĐ
(*Board of Directors, Board of Supervision,
General Director*);
- Thư ký công ty (*Company secretary*);
- Lưu (*Archive*).

(*đã ký*)

(*signed*)

**LÊ HỒNG XANH
LE HONG XANH**

Cần Thơ, ngày 18 tháng 02 năm 2019
Can Tho, February 18, 2019

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG (Về kế hoạch đầu tư năm 2019)

PROPOSAL TO THE GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS (Regarding to the investment plan for 2019)

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

Respectfully addressed to: General Meeting of Shareholders

Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ thông qua kế hoạch đầu tư năm 2019 như sau:

The Board of Directors proposes to the General Meeting of Shareholders to approve the investment plan for 2019 as follows:

(ĐVT: Đồng)
(Unit: Dong)

STT (Sr.)	Hạng mục đầu tư (Investment item)	Mục tiêu đầu tư (Investment objectives)	Quy mô, công suất (Scale, capacity)	Thời gian hoàn thành (Completion time)	Dự kiến tổng mức đầu tư (Estimated total investment)
A	<u>Dự án chuyển tiếp</u> (Newly investment):				
1	Đầu tư mới: <i>Newly investment:</i> - 3 tank bia trong 10.000 hl. <i>03 beer tanks in 10,000 hl.</i> - Tank chứa bia đuôi đầu, đuôi cuối hệ lọc bia. <i>Tank for the first beer extraction, and last exaction of beer filtering system.</i> - Thay áo hơi đáy nồi mal, gạo. <i>Replacement of steam bag of malt, rice boiler.</i>	Đầu tư đồng bộ, tăng hiệu suất hệ thống lọc bia <i>Invest in synchronously, increase the efficiency of beer filtration system</i>	Đồng bộ cho dây chuyền 70 triệu lít/năm <i>For 70 million liters / year production line</i>	02/2019	10.109.000.000
2	Đầu tư 2 bộ trao đổi nhiệt và phụ kiện gia nhiệt nước 60°C cấp cho máy thanh trùng chai, lon <i>Investing in 2 heat exchangers and 60°C water heating accessories for 2 bottle, can sterilizers</i>	Tiết kiệm năng lượng <i>Energy saving</i>	40 m ³ /giờ cho cả 2 d/c chiết <i>40 m³/h for both extraction lines</i>	03/2019	1.000.000.000
3	Đại tu máy nén khí ZT 55 <i>Major maintenance of ZT55 air compressor</i>	Phục vụ SX <i>Repair and backup</i>	570 m ³ /h 570 m ³ /h	04/2019	600.000.000
4	Trung tu hệ thống máy lạnh trung tâm <i>Maintenance of central</i>	Sửa chữa và dự phòng <i>Repair and backup</i>	4 máy trục vít, 410 kw 4 screw	04/2019	500.000.000

STT (Sr.)	Hạng mục đầu tư (Investment item)	Mục tiêu đầu tư (Investment objectives)	Quy mô, công suất (Scale, capacity)	Thời gian hoàn thành (Completion time)	Dự kiến tổng mức đầu tư (Estimated total investment)
	refrigeration system		machines, 410 kw		
5	Mua mới màn hình điều khiển máy chiết lon <i>Buying new controlling monitor of the can extraction line</i>	Thay thế thiết bị cũ hư hỏng <i>Replace damaged old equipment</i>	Thay cho máy chiết 20.500 lon/h <i>Replace the 20,500 cans / h extractor</i>	05/2019	978.598.897
6	Đầu tư hệ van lấy mẫu vi sinh Aseptic <i>Investing in Aseptic microbiological sampling valve system</i>	Đầu tư theo cấu hình thiết bị của TCT <i>According to the Corporation's configurations</i>	Cho toàn bộ tank LM <i>For the entire fermentation tanks</i>	05/2019	847.000.000
7	Mua mới 5 bộ con lăn cán nắp F506 để sử dụng lon mỏng, nắp mỏng <i>Buying 05 rollers F506 for can, thin cap</i>	Đầu tư theo yêu cầu của TCT <i>According to the Corporation's requirement</i>	Thay cho máy ghép mý 20.500 lon/h <i>Replace 20,500 cans/h auto-seamer</i>	05/2019	424.600.000
8	Mua thiết bị phủ bóng chai <i>Buying equipment for polishing the outside of the beer bottles</i>	Đầu tư theo yêu cầu của TCT <i>According to the Corporation's requirement</i>	Bổ sung cho d/c chiết 18.000 chai/h <i>Add to the extraction line of 18,000 bottles / h</i>	11/2018	165.000.000
Cộng phần dự án chuyển tiếp 2018: Total transition projects 2018:					14.624.198.897
B Dự án đầu tư mới (Newly investment projects):					
9	Xây dựng ISO 50001 <i>Development of ISO 50001</i>	Đầu tư theo yêu cầu của TCT <i>According to the Corporation's requirement</i>	Cho SP bia & NTK <i>For beer and pure water products</i>	Quý III/2019 <i>QIII/2019</i>	1.500.000.000
10	Mua kết, vỏ chai phục vụ SXKD <i>Buying bottle, bottle holder for production</i>	Bù phần hao bể trong SX <i>Compensation for the loss and damage</i>	10.000 kết chai 355 <i>10,000 packs 355</i>	Quý III/2019 <i>QIII/2019</i>	1.500.000.000
11	Bảo ôn đường ống nóng, lạnh <i>Hot and cold pipes insulation</i>	Thay thế để tiết kiệm năng lượng <i>Replace to save energy</i>	Khu vực nhà nấu, nhà men <i>Cooking and fermentation areas</i>	Quý II/2019 <i>QII/2019</i>	600.000.000
12	Cầu thang lên đỉnh tank <i>Access ladder to tank top</i>	Đầu tư theo yêu cầu của TCT <i>According to the Corporation's requirement</i>	Cho 2 hệ tank 106 m ³ và 165 m ³ <i>For both 106 m³ and 165 m³ tanks</i>	Quý I/2019 <i>QI/2019</i>	600.000.000
13	Máy kiểm tra mức bia sau thanh trùng	Đầu tư theo yêu cầu của TCT	Bổ sung cho d/c chiết 18.000	Quý IV/2019 <i>QIV/2019</i>	1.000.000.000

STT (Sr.)	Hạng mục đầu tư (Investment item)	Mục tiêu đầu tư (Investment objectives)	Quy mô, công suất (Scale, capacity)	Thời gian hoàn thành (Completion time)	Dự kiến tổng mức đầu tư (Estimated total investment)
	<i>Equipment to check beer after pasteurization</i>	<i>According to the Corporation's requirement</i>	chai/h <i>Add to the extraction line of 18,000 bottles / h</i>		
14	Thiết bị soi nắp khác màu d/chuyển chiết chai <i>Equipment of checking different color-cap of bottle extraction line</i>	Đầu tư theo yêu cầu của TCT <i>According to the Corporation's requirement</i>	Bổ sung cho d/c chiết 18.000 chai/h <i>Add to the extraction line of 18,000 bottles / h</i>	Quý II/2019 <i>QII/2019</i>	500.000.000
15	Đầu tư hệ thống Stripping CO ₂ <i>Invest in CO₂ stripping system</i>	Đầu tư theo yêu cầu của TCT <i>According to the Corporation's requirement</i>	-	Quý II/2019 <i>QII/2019</i>	3.200.000.000
16	Sàn che đỉnh máy chiết chai, lon <i>Cover of the top of the can, bottle extraction machinery</i>	Đầu tư theo yêu cầu của TCT <i>According to the Corporation's requirement</i>	-	Quý II/2019 <i>QII/2019</i>	300.000.000
17	Bình tách dầu hệ máy lạnh <i>Oil separator of the cooling system</i>	Hoàn thiện hệ vận hành <i>According to the Corporation's requirement</i>	-	Quý III/2019 <i>QIII/2019</i>	150.000.000
18	Thiết bị kiểm soát Dew point <i>Dew point control device</i>	Đầu tư theo yêu cầu của TCT <i>According to the Corporation's requirement</i>	-	Quý III/2019 <i>QIII/2019</i>	100.000.000
19	Bộ trao đổi nhiệt nước thanh trùng <i>Heat exchanger of pasteurized water</i>	Đầu tư theo yêu cầu của TCT <i>According to the Corporation's requirement</i>	Cho 2 d/c chai và lon <i>For bottle and can lines</i>	Quý III/2019 <i>QIII/2019</i>	500.000.000
20	Dụng cụ lấy mẫu đo độ bền bọt, đầu dò nhiệt độ CIP hồi, nhiệt độ nồi lọc <i>Sampling tools for measuring foam durability, CIP temperature probe, and temperature of filter pot</i>	Đầu tư theo yêu cầu của TCT <i>According to the Corporation's requirement</i>	-	Quý IV/2019 <i>QIV/2019</i>	120.000.000
21	Phòng cảm quan <i>Sensory room</i>	Đầu tư theo yêu cầu của TCT <i>According to the Corporation's requirement</i>	60 m ²	Quý IV/2019 <i>QIV/2019</i>	500.000.000
22	Sân phơi bùn thải <i>Mud drying yard</i>	Hoàn thiện hệ thống, giảm chi phí	200 m ²	Quý III/2019 <i>QIII/2019</i>	500.000.000

	CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN – TÂY ĐÔ Địa chỉ: Lô 22, KCN Trà Nóc 1, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy, TP.Cần Thơ Điện thoại: 02923.842538 Fax: 02923.842310 Website: http://www.biasaigontaydo.com.vn
--	---

STT (Sr.)	Hạng mục đầu tư (Investment item)	Mục tiêu đầu tư (Investment objectives)	Quy mô, công suất (Scale, capacity)	Thời gian hoàn thành (Completion time)	Dự kiến tổng mức đầu tư (Estimated total investment)
		<i>Complete the system, reduce costs</i>			
23	Cải tạo sàn 25 tank 106 m ³ , 12 tank 165 m ³ <i>Renovation of the floor of 25 fermentation tanks, 106 m³</i>	Chống rêu, mốc đáy tank; chống thấm sàn tank <i>Anti-moss, anti-mold tank bottom; Waterproofing tank floor</i>	400 m ² và 37 đáy tank 400 m ² and 37 tank bottom	Quý III/2019 QIII/2019	600.000.000
Cộng phần dự án đầu tư mới 2019: <i>Total value of new investment 2019:</i>					11.670.000.000
TỔNG CỘNG (đầu tư chuyển tiếp và đầu tư mới): <i>TOTAL (transitional investment and new investment):</i>					26.294.198.897

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Respectfully propose to the General Meeting of Shareholders for consideration and approval.

Trân trọng kính chào!

Best regards!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
ON BEHALF OF BOARD OF DIRECTORS
CHAIRMAN

Nơi nhận (Recipients):

- Như trên (*As above*);
- HĐQT, BKS, TGD
(*Board of Directors, Board of Supervision, General Director*);
- Thư ký công ty (*Company secretary*);
- Lưu (*Archive*).

(*đã ký*)
(*signed*)

LÊ HỒNG XANH
LE HONG XANH

TỜ TRÌNH PROPOSAL

(V/v Quyết toán thù lao HĐQT & BKS năm 2018 và Kế hoạch năm 2019)
(Regarding the settlement of remuneration for the Board of Directors and the Board of Supervision in 2018 and the plan for 2019)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp Nước CHXHCN Việt Nam hiện hành;
Pursuant to the Enterprise Law of the current Socialist Republic of Vietnam;
- Căn cứ vào điều lệ Công ty Cổ phần Bia-NGK Sài Gòn - Tây Đô đã được các Cổ đông thông qua;
Based on the charter Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company has been approved by the Shareholders;

- Căn cứ vào biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 vào ngày 22/05/2018 về việc thông qua kế hoạch chi phí thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2018;

Based on the minutes of the 2018 Annual General Meeting of Shareholders and the General Meeting Resolution

Annual shareholders of 2018 on May 22, 2018 on the adoption of the remuneration plan for the BOD BOS in 2018;

- Căn cứ vào Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và Kế hoạch năm 2019.

Based on the results of production and business activities in 2018 and Plan of 2019.

Hội đồng quản trị công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán thù lao Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát năm 2018 và Kế hoạch năm 2019, cụ thể như sau :

The Board of Director of the Company respectfully proposes to the General Meeting of Shareholders for the approval of the settlement of remuneration

for BOD, BOS in 2018 and Plan for 2019, details are as follows:

DVT : đồng.

STT Sr.	NỘI DUNG CONTENTS	KẾ HOẠCH PLAN	THỰC HIỆN PERFORMANCE	TH/KH (%) PER./PL. (%)	GHI CHÚ NOTES
I	Thù lao HĐQT và BKS năm 2018 <i>Remuneration for BOD, BOS in 2018</i>	780,000,000	780,000,000	100.00	
	- Chi phí thù lao HĐQT <i>Remuneration for BOD</i>	660,000,000	660,000,000	100.00	
	- Chi phí thù lao BKS <i>Remuneration for BOS</i>	120,000,000	120,000,000	100.00	
II	Thù lao HĐQT và BKS năm 2019 <i>Remuneration for BOD, BOS in 2019</i>	780,000,000			
	- Chi phí thù lao HĐQT <i>Remuneration for BOD</i>	660,000,000			
	- Chi phí thù lao BKS <i>Remuneration for BOS</i>	120,000,000			

STT Sr.	NỘI DUNG CONTENTS	KẾ HOẠCH PLAN	THỰC HIỆN PERFORMANCE	TH/KH (%) PER./PL. (%)	GHI CHÚ NOTES
	+ Trưởng ban Head of the Board	Lương bằng trưởng phòng Cty và các chế độ theo KQHĐSXKD của Cty. Salary is equal to the Head of Departments of the Company and by the regulation of production and business results of the			Trưởng ban kiểm soát là người chuyên trách Head of Board of Supervision is a person
	+ Thành viên Member	120,000,000			

Ghi chú : Đề nghị thu lao HĐQT và BKS được tính lại như sau :

Notes: Proposing remuneration for the BOD and BOS as follows:

- Thù lao HĐQT được tính : Chủ tịch 15.000.000 đồng/tháng và Ủy viên 10.000.000 đồng/tháng.
Remuneration for BOD : Chairman of VND 15,000,000 / month and Member of VND 10,000,000 / month.
- Thù lao BKS được tính : Trưởng ban kiểm soát là người chuyên trách thù lao bằng Lương trưởng phòng Cty và các chế độ theo KQHĐSXKD của Cty; Và Ủy viên 5.000.000 đồng/tháng.
Remuneration for BOS :Remuneration for BOS :Head of Board of Supervision is a person in charge, and his/her salary is equal to the Head of Departments of the Company and by the regulation of production and business results of the Company, member of VND 5,000,000/month

Kính trình Đại hội thông qua.

Respectfully propose to the General Meeting of Shareholders for consideration and approval.

Trân trọng kính chào!

Best Regards!

Cần Thơ, ngày 18 tháng 02 năm 2019

Can Tho, February 18, 2019

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF BOARD OF DIRECTORS
CHỦ TỊCH
CHAIRMAN

(đã ký)

(signed)

LÊ HỒNG XANH
LE HONG XANH

TỜ TRÌNH KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019
PROPOSAL OF THE BUSINESS ACTIVITIES IN 2019

ĐVT : đồng.

Unit: VND

TT Sr.	CHỈ TIÊU CRITERIA	ĐVT UNIT	THỰC HIỆN 2018 PERFORMANCE 2018	KẾ HOẠCH 2019 PLAN 2019	TỈ LỆ KH 2019/TH 2018 (%) PLAN 2019/PER. 2018 (%)
A	B	C	1	2	3=2/1
1	Giá trị tổng sản lượng <i>Total output value</i>	đồng VND	873,650,157,804	1,023,455,605,739	117.15
2	Sản lượng sản xuất <i>Production</i>	lít Liter	-	-	-
2.1	Sản lượng sản xuất Bia Sài Gòn <i>Production of Saigon Beer</i>	"	54,126,629	60,101,908	111.04
	- Bia lon 333 <i>333 can</i>	"	4,958,173	4,896,595	98.76
	- Bia lon 333 XK <i>Exported 333 can</i>	"	23,760	-	-
	- Bia lager <i>Lager beer</i>	"	22,115,230	30,980,930	140.09
	- Bia lager XK <i>Lager Exported beer</i>	"	-	-	-
	- Bia chai 355 <i>355 bottle</i>	"	27,029,466	24,224,384	89.62
	- Bia chai 333 <i>333 bottle</i>	"	-	-	-
	- Bia chai 333 XK <i>333 exported bottle</i>	"	-	-	-
2.2	Sản lượng sản xuất Nước ngọt lon <i>Production of soft drinks</i>	lít	41,342	-	-
	- Nước ngọt lon <i>Can</i>	"	41,342	-	-
2.3	Sản lượng sản xuất Nước tinh khiết <i>Production of pure water</i>	lít	3,882,307	5,001,820	128.84
	- Nước tinh khiết <i>Pure water</i>	"	3,882,307	5,001,820	128.84
3	Sản lượng tiêu thụ <i>Consumption volume</i>	lít	-	-	-
3.1	Sản lượng tiêu thụ Bia Sài Gòn <i>Sales of Saigon Beer</i>	"	53,870,253	60,101,908	111.57
	- Bia lon 333 <i>333 can</i>	"	5,097,209	4,896,595	96.06
	- Bia lon 333 XK <i>Exported 333 can</i>	"	23,760	-	-
	- Bia lager <i>Lager beer</i>	"	22,093,648	30,980,930	140.23
	- Bia lager XK <i>Lager Exported beer</i>	"	-	-	-
	- Bia chai 355 <i>355 bottle</i>	"	26,655,637	24,224,384	90.88
	- Bia chai 333 <i>333 bottle</i>	"	-	-	-
	- Bia chai 333 XK <i>333 exported bottle</i>	"	-	-	-
3.2	Sản lượng tiêu thụ Nước ngọt lon <i>The consumption of canned soft drinks</i>	lít	45,936	-	-

TT Sr.	CHỈ TIÊU CRITERIA	ĐVT UNIT	THỰC HIỆN 2018 PERFORMANCE 2018	KẾ HOẠCH 2019 PLAN 2019	TỈ LỆ KH 2019/TH 2018 (%) PLAN 2019/PER. 2018 (%)
	- Nước ngọt lon <i>Canned soft drinks</i>	"	45,936	-	-
3.3	Sản lượng tiêu thụ Nước tinh khiết <i>The consumption of pure water</i>	lít	3,947,875	5,001,820	126.70
	- Nước tinh khiết <i>Pure water</i>	"	3,947,875	5,001,820	126.70
4	Tổng doanh thu <i>Total revenue</i>	đồng	880,348,276,789	1,026,361,654,671	116.59
4.1	- Doanh thu HĐSXKD <i>Revenue from business activities</i>	đồng	873,650,157,804	1,023,455,605,739	117.15
4.2	- Doanh thu HĐTC <i>Revenue from financial activities</i>	đồng	6,698,118,985	2,906,048,932	43.39
*	* Các khoản giảm trừ (Thuế TTĐB) <i>Deductions (Special Consumption Tax)</i>	đồng	414,611,194,423	484,672,028,198	116.90
*	* Tổng doanh thu thuần <i>Total net revenue</i>	đồng	459,038,963,381	538,783,577,541	117.37
5	Tổng chi phí <i>Total costs</i>	đồng	418,902,621,989	496,573,005,430	118.54
5.1	- Chi phí HĐSXKD <i>Costs of business activities</i>	đồng	416,746,344,093	493,928,708,213	118.52
5.2	- Chi phí HĐTC <i>Costs of financial activities</i>	đồng	2,156,277,896	2,644,297,217	122.63
6	Thu nhập khác <i>Other income</i>	đồng	424,547,348	-	-
7	Chi phí khác <i>Other costs</i>	đồng	241,207,049	-	-
8	Tổng lợi nhuận trước thuế <i>Total profit before tax</i>	đồng	47,017,800,676	45,116,621,043	95.96
9	Thuế thu nhập doanh nghiệp <i>Corporate income tax</i>	đồng	7,052,980,923	9,023,324,209	127.94
10	Lợi nhuận sau thuế <i>Profit after tax</i>	đồng	39,964,819,753	36,093,296,835	90.31
11	Tỷ suất lợi nhuận/vốn điều lệ <i>Profit rate / charter capital</i>	(%)	19.98%	18.05%	90.31
12	Phải nộp ngân sách <i>State budget contribution</i>	đồng	479,089,135,874	560,436,732,753	116.98
13	Tổng ĐT XDCB hoàn thành <i>Total construction investment is completed</i>	đồng	11,870,000,000	26,294,198,897	221.52
14	Lao động bình quân <i>Average labor</i>	người	133	133	100.00
15	Tiền lương bình quân <i>Average salary</i>	đồng/người/tháng	13,341,918	13,000,000	97.44

Cần Thơ, ngày 18 tháng 02 năm 2019

Can Tho, February 18, 2019

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF BOARD OF DIRECTORS
CHỦ TỊCH
CHAIRMAN

(đã ký)
(signed)

Lê Hồng Xanh
LE HONG XANH

Cần Thơ, ngày 18 tháng 02 năm 2019
Can Tho, February 18, 2019

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
PROPOSAL TO THE GENERAL MEETING OF
SHAREHOLDERS

(V/v lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty cổ phần Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô)
(Regarding the selection of an independent auditing company to audit the 2019 financial statement of Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company)

Kính trình: Đại hội đồng Cổ đông
Respectfully addressed to: General Meeting of Shareholders

- Căn cứ Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty cổ phần Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô (TDBECO);

Pursuant to the Enterprise Law and Charter of Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company (TDBECO);

- Căn cứ Luật kiểm toán độc lập ngày 29 tháng 03 năm 2011;

Pursuant to the independent auditing law of March 29, 2011

- Căn cứ vào Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/03/2012 của Chính Phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Kiểm toán độc lập;

Pursuant to the Decree No. 17/2012 / ND-CP dated March 13, 2012 of the Government detailing and guiding the implementation of a number of articles of the Independent Auditor

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn Công ty Kiểm toán cho năm 2019 như sau :

The Board of Directors of the Company proposes to the General Meeting of Shareholders for the selection of Auditing Company for 2019 as follows:

Đại hội đồng cổ đông chấp thuận cho Hội đồng quản trị Công ty được quyền quyết định lựa chọn một tổ chức Công ty kiểm toán độc lập hợp pháp để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 cho Công ty cổ phần Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô theo đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

The General Meeting of Shareholders approves for the Board of Directors of the Company to decide on the selection of an independent legal auditing firm to audit the 2019 financial statement for Saigon - Tay Do Beer - Beverage Joint Stock Company in accordance with the provisions of law and the Charter of the Company

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Respectfully propose to the General Meeting of Shareholders for consideration and approval.

Trân trọng kính chào!

Best regards!

Nơi nhận/ Recipients:

- Như trên/ As above;
- HĐQT, BKS, TGD/ Board of Directors, Board of Supervision, General Director;
- Thư ký công ty/Company secretary;
- Lưu/ Archive.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF BOARD OF DIRECTORS
CHỦ TỊCH
CHAIRMAN**

(đã ký)

(signed)

**LÊ HỒNG XANH
LE HONG XANH**

;